

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Thị Thảo An (II)

Tiểu sử

Hiện định cư tại Kennesaw Georgia, Hoa Kỳ

Tác phẩm

Bức phù điêu khắc cạn (tập truyện)



Mục Lục

Bức phù điêu khắc cạn - 2

Cửa búa – 8

Phụ đính:

**Mũi lao - 726256-B526 - Đường ra khỏi basra
Đi về phía mặt trời – Những cây cọ dại - Đỉnh trời tròn**

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Bức phù điêu khắc cạn



Bức phù điêu – Nguyễn Tư Nghiêm

Ngoại tôi tên Mai Văn Thân. Sống đến bảy mươi tuổi thì mất. Trước khi mất, ngoại trời, họ Mai là họ giả, dặn con cháu làm mộ bia phải theo tên tuổi thật, kéo hồn ma không biết nơi nương náu. Khi sống, tài sản đã chia xong, còn thứ quý giá nhất của tổ tiên, tất cả để lại dưới cái giường gia bảo. Nói xong, ngoại mất. Đám con cháu bu quanh nghe vậy mừng thầm.

Nhà ngoại giàu, đám táng linh đình. Con cháu thay phiên túc trực canh hai chỗ: quan tài và cái giường. Đây là loại giường xưa bằng gỗ trầm. Chân, học giường và nóc có chạm nổi hình loan phượng. Nghe nói, do cố mua lại từ một ông hoàng sa cơ ngoài Huế. Hồi trước, con cháu chưa ai sờ dít lên được, nói chi nằm. Vậy, đồ quý nhất, tất nhiên cố và ngoại phải cất ở đây.

Tang lễ xong, cậu Tư lấy danh "quyền huynh thế phụ" mời họ hàng chứng kiến việc khui giường, phân chia công bằng, không phân gái trai lớn nhỏ. Không biết ngoại giấu ở đâu, các cậu tháo hết cái giường vẫn không thấy của. Hồi lâu, ai nấy chán, cậu Tư khiêng mấy chân định dẹp thì nghe tiếng động. Tiếng sột soạt phát ra từ một chân giường. Loay hoay mãi không tháo được các chốt gỗ, các cậu nóng ruột cựa ngang. Một bao gấm lòi ra, bên trong chỉ có mấy quyển vở xưa, vài mảnh giấy hoa tiên cuộn tròn, ó vàng, cũ kỹ. Lật ra, toàn là chữ Nho, không ai đọc được. Cậu Tư đoán, đây có thể là gia phả. Nhiều người không tin, gia phả thật đâu cần cất kỹ vậy, nhất định phải có bí mật. Cậu Năm, cậu Bảy, hai tay mê truyện Tàu rí tai mọi người, cuốn sách có vẽ hình vuông, hình tròn, có thể là họa đồ. Mấy hôm sau, trong khi ai nấy ra vườn đào cây xới cỏ, cốt ý tìm kiếm chỗ ngoại chôn vàng, cậu Tư mời được một ông thầy đồ tới nhà dịch ra quốc ngữ. Thầy dịch tới đâu, cậu sai tôi chép đến đó. Nhiều kẻ ngờ, cậu Tư tham, dàn cảnh hốt trợn của. Và tôi, người đồng lõa.

Theo gia phả, ngoại tôi họ Nguyễn. Xưa, tổ tiên từ miền Bắc, vào Thừa Thiên lập nghiệp khai hoang. Không biết làm ăn thế nào, đến đời ông Nguyễn Văn Toán bỏ làng vào Gia Định. Lần thứ hai chắc cũng không khá, con ông Toán là ông Nguyễn Văn Tính dời vào Bình Hòa, lập nghiệp thêm lần nữa. Đến đời ông Nguyễn Văn Hiền thì chán nghề nông, ông mang người con trai nhỏ là Nguyễn Văn Thành bỏ làng, đi lính.

Ai chứ, ông Nguyễn Văn Thành thì tôi biết. Hồi học lớp ba, tôi thấy họ vẽ ông mặc áo bào thêu đầy mây, đầu đội mũ cánh chuồn, tay bưng chén thuốc độc uống như người ta uống nước trà.

Sử chép, cuối thời Trịnh Nguyễn, quân Tây Sơn nổi dậy, thế lực chúa Nguyễn yếu dần. Năm 1775, Tây Sơn đánh chiếm Phú Yên, ông Nguyễn Văn Hiền tử trận. Chúa Định Vương cho ông Nguyễn Văn Thành, lúc đó mới mười bảy tuổi nối chức cha làm cai đội dưới quyền khâm lý Kỳ. Cuộc đời ông vào sanh ra tử, lập nhiều công nghiệp lừng lẫy kể từ đây. Các sách ghi, ông là

người tướng mạo đẹp đẽ, tính tình trầm nghị, thích đọc sách, có tài binh lược. Từ năm 1778, ông theo chúa dự những trận đánh lớn ở Gia Định, Rạch Gầm, Thị Nại, Diên Khánh, Phú Yên, Quy Nhơn, Thuận Hóa,... Được chúa trọng dụng, giao trọng trách nắm giữ nhiều chức lớn như Trung Quân Tiền Chi Tổng Nhung Cai Cơ, Quản Tiền Phong Doanh, Khâm sai Bình Tây, Chưởng Cơ Bình Tây,...

Sau khi thống nhất đất nước, vua phong ông làm Tổng Trấn Bắc Thành. Khi ổn định xứ Bắc, ông là một nhà cai trị giỏi, am hiểu chính trị, thu phục nhân tâm. Ông dâng lên vua những kế sách bình định như: tiêu trừ thổ phỉ, loạn lạc; tổ chức chính quyền, điều chỉnh hộ tịch để cấp công điền; ưu đãi nhân sĩ để chọn người ra giúp nước; cải cách học quy, đặt các chức trợ giáo để nâng cao dân trí. Ngoài ra, ông còn xin vua phát chẩn, tha thuế cho những vùng bị thiên tai lũ lụt. Chỉ trong bốn năm, miền Bắc ổn định, ông dâng một trăm sáu mươi bốn bản địa đồ mười một trấn. Đến năm 1810, mẹ mất, vua cho táng ở làng Bác Vọng, phủ Triệu Phong. Ông nhận mệnh và cư tang ở đó. Vua sai Nguyễn Huỳnh Đức ra thay trấn nhậm Bắc Thành. Qua năm sau, vua sai ông soạn Hoàng Triều Luật Lệ, tức bộ Luật Gia Long.

Mấy năm sau, con ông là Nguyễn Văn Thuyên, yêu thích văn chương, ưa giao kết bạn bè, làm một bài thơ mời hai người bạn là Nguyễn Đức Nhuận và Nguyễn Văn Khuê ở Thanh Hóa vào chơi. Bài thơ của người trẻ tuổi, ý ngông cuồng, lời lẽ dùng lối thậm xưng.

*"Ái Châu nghe nói lắm người hay,
Ao ước cầu hiền đã bấy nay.
Ngọc phác Kinh Sơn tài sẵn có,
Ngựa kỳ Ký Bắc biết lâu thay.
Mùi hương hang tối xa nghìn dặm,
Tiếng phượng gò cao suốt chín mây.
Sơn tế phen nầy mà gặp gỡ,
Giúp nhau xoay đổi hội cơ này."*

Vua vin vào hai câu cuối, ngờ cha con ông có ý phản. Đầu năm sau, đang lúc viên Ký Lục Doanh Quảng Trị, là Nguyễn Duy Hòa dâng sớ đàn hạch thì thêm chuyện tên Hữu. Tên này là lính thuộc trung quân dưới quyền ông, bỏ chủ sang làm môn hạ Lê Văn Duyệt. Hữu trộm ấn Tả quân trốn đi. Khi bị bắt, lại khai chính Nguyễn Văn Thành sai hấn ám sát Lê Văn Duyệt. Vua cho lời nói vô căn cứ nên ra lệnh giết, không cần tra vấn.

Trong triều nhiều người trước đây đổ kỵ ông, nay quay ra gièm siểm, vua vẫn không để ý. Nhưng lại giao việc Nguyễn Văn Thuyên cho Lê Văn Duyệt tra vấn. Sau một lần tra, Nguyễn Văn Thuyên đã thú tội. Ông Nguyễn Văn Thành dâng biểu nhận tội dạy con không nghiêm. Vua chỉ thu ấn, và cho về nhà.

Lúc này, vị Tào binh cũ là Đặng Trần Thường cũng bị Lê Chất tố cáo làm việc sai trái thời dưới quyền ông làm Tổng Trấn Bắc Thành. Triều đình quy ông tội tắc trách, đã không phát hiện được việc làm sai trái của cấp dưới. Đặng Trần Thường bị xử treo cổ chết năm 1816.

Đầu năm sau, hoàng thân Lê Duy Hoán, nổi lên phục Lê. Khi bị bắt, khai chính Nguyễn Văn Thuyên xúi dục. Với chứng cứ mới, vua bắt giam cả nhà Nguyễn Văn Thành. Trong tù, ông viết biểu trần tình, "Sớm rên tối kết, dệt thành sự cực ác cho cha con tôi, không khiêu nại vào đâu được. Chỉ có cái chết mới chứng được lòng trung." Cuối cùng, ông uống thuốc độc tự tử.

Vua được tin ông chết, lấy làm hối hận khóc thương, sai trả lại mũ áo và cấp năm trăm quan tiền, gấm vải, cùng ba mươi tên quân lo việc tống táng. Và, thả các người con, chỉ trừ Nguyễn

văn Thuyên.

Theo sử nhận xét, cái chết ông Thành có hai nguyên nhân. Thứ nhất, ông tôn hoàng tôn Đán, con hoàng tử Cảnh làm Thái tử. Điều này làm vua nghi ngờ ông muốn lập vua nhỏ để tiếm quyền. Thứ hai, ông cậy công lớn nên sinh kiêu, nói lảm điều phạm thượng. Như khi vua chọn đất làm Sơn lăng, đào lên thấy đất ngũ sắc, ai nấy đều mừng, chỉ có ông nói rằng, "Mả mẹ tôi cũng có đất năm màu tươi đẹp hơn nhiều." Làm vua ghét.

Vụ án đến đây chưa kết thúc. Sang đời Minh Mạng, nhân vụ Lê văn Khôi nổi dậy chống triều đình. Vua ra lệnh truy nã sáu người con của Nguyễn văn Thành là Nguyễn văn Thần, Nguyễn văn Hàm, Nguyễn văn Nhâm, Nguyễn văn Truân, Nguyễn văn Huyền, và Nguyễn văn Hân đem xử tử. Đám cháu còn lại sợ hãi cải danh, bỏ trốn.

Mười ba năm sau, Đại Học Sĩ Vũ Xuân Cẩn dâng sớ xin xét lại, vua Tự Đức xuống chiếu xóa tội. Để đền bù, vua tìm phong cho một người cháu là Nguyễn văn Loại chức cai đội, tức được nối chức ông Thành khi mới bắt đầu theo chúa.

Đọc nhiều đoạn tội ngờ, sử viết sai. Hay dưới áp lực triều đình, chính các quan chép sử cũng không dám viết ra sự thật. Việc vua nghi ông tôn hoàng tôn Đán nối ngôi để thao túng vua nhỏ là vô lý. Lúc đó, hoàng tôn Đán, hai mươi một tuổi, đã trưởng thành. Có thể vua bỏ dòng đích, chọn dòng thứ vì lẽ, con cháu hoàng tử Cảnh đều theo đạo Thiên Chúa và chịu ảnh hưởng mạnh từ các cố đạo Pháp. Điều thứ hai lại càng vô lý. Các sách sử đều ghi, ông Thành là người trầm nghị, ít nói, nhiều mưu lược, cai trị giỏi. Thấy người Bắc đa số hoài Lê, không phục nhà Nguyễn, ông xin truy tôn, cấp điền trạch tế tự công thần các cựu triều, và sai Trần Hựu làm Điềm Mê Khúc để vỗ lòng dân. Người như vậy không thể nào buông lời can rỡ, khoe khoang, phạm thượng với vua được. Có lẽ, vua sợ ông có chí lớn, sau khi thu phục nhân tâm Đảng Ngoài lại theo ý dân, dựng lại nhà Lê, thay quyền chúa Trịnh. Có thể, đây mới là điều oan nghiệt gây cái chết cho ông.

Tôi đem những điều thu thập đọc cho các cậu nghe. Ai nấy thấy mấy đời tổ tiên bị thảm quá đều lắc đầu, giạt lơ, không hỏi nữa. Chỉ có cậu Tư ngậm ngùi, ông Thành khảng khái, bụng dạ nhà nông, không làm quan được. Vua xử sự đều có thâm ý cả. Đem người Nam ra trị xứ Bắc, tức cô lập ông. Cho mệnh chôn mẹ ở Triệu Phong, khiến ông cư tang gần kinh, đó là kế gián tiếp tước bỏ binh quyền. Sai võ quan soạn luật, lại dựa luật khắc nghiệt của nhà Thanh, là cách bắt ông gánh tiếng oán cho vua. Cho những kẻ có tư thù như Lê văn Duyệt, Lê Chất tra xử Nguyễn văn Thuyên, Đặng Trần Thường đều là kế mượn dao giết người.

Tôi an ủi, "Dù sao hậu thế cũng sáng suốt, phán xét công bình, cuối cùng cũng lấy lại tiếng thơm cho ông trong lịch sử." Nghe vậy, cậu thở dài, "Chỉ cần một người viết sai, làm hậu thế không ai hiểu đúng."

Cậu bỏ gia phả vào túi gấm, để trong tráp gỗ, cất trên bàn thờ. Rồi không bàn gì thêm, chỉ lâu lâu đọc mấy câu thơ:

*"Chinh Nam phạt Bắc, sự nghìn thu,
Cỏ áy rêu mờ, đất một u.
Áy đồng, áy trung là thế thế,
Mà ân, mà nghĩa ở mô mô?
Chim gào di hận, xuân âm ỹ,
Hổ thét dư uy, gió vụt vù.
Sự tích anh hùng, ai nhắc lại?"*

Tây hồ rang rang, tiếng chuông bu." ()*

Cậu than, chỉ tiếc ngày xưa tổ tiên bỏ nghề nông, chọn nghiệp lính.

Suy nghĩ kỹ, cậu có lý. Nghề nông ăn chắc, mặc bền. Tuy vất vả nhưng cuộc sống bình yên, thời nào cũng ca ngợi. Như nhà ngoại, cần mẫn mới hai đời mà của chím của nổi đều sấm đủ. Không hiểu ngày xưa, ruộng nhiều dân ít, sao các ông tổ lại bỏ làng, đăng lính.

Lâu lâu buồn, tôi mở gia phả ra coi. Thật kỳ lạ, có nhiều chỗ đứt ngang, có trang trống lốc. Có chỗ vồn vện chỉ điền độc một tên, cụt nguồn. Tôi thắc mắc hỏi ông Út, em ngoại. Ông bảo, đừng tưởng họ nhà mình chết nhiều như vậy. Những chi trống, đứt ngang hay chỉ điền tên vì khi xưa phải cải danh, hoặc nghèo túng đi bán rau, bán muối, ghi vào sợ làm xấu tổ tiên. Chi dài nhất là chi ông Nguyễn Văn Loại. Ông được vua phong làm cai đội, nhưng không cấp quân. Sau ông bỏ vào Nam theo Trương Định kháng Pháp. Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, ông dẫn con cháu lang thang, kiếm không ra một mảnh đất cắm dùi.

Theo lời ông Út, tới đời cố vẫn nghèo mạt. Người vợ không chịu nổi, lấy chồng khác. Cố tôi xoay nghề đào giếng, nuôi con. Thời may, một hôm đào được năm con cá bằng đất. Thấy lạ, cố bỏ ra, bên trong toàn vàng. Tôi mừng, cuối cùng, trời cũng thương, ban chút phước. Ông Út cười, phước từ đất, không từ trời. Gốc mình nhà nông, vốn có duyên với đất. Rồi ông trầm ngâm, xưa nay, chỉ có người bỏ đất, chứ đất không bỏ người. Tôi hỏi, nhà nông giữ đất, nhà binh giữ nước. Giữ đất dễ, giữ nước khó. Sao các tổ chọn khó, bỏ dễ. Ông lắc đầu, người lính cầm súng giữ nước, người dân tay không giữ đất. Cùng ở thế liều mạng, giống nhau.

Về sau, nghe các mợ kể, tôi hiểu ra. Thời Việt Minh, ruộng đất đã chia, mỗi nhà chỉ còn một hai mẫu, nhưng các cậu vẫn bị quy là địa chủ. Vào mùa lúa chín, Mặt Trận ra lệnh tịch thu ruộng, chia cho dân nghèo. Đang gặt, cán bộ cầm súng đuổi. Mợ tôi ngưng cắt lúa, hươu lưỡi hái nhảy lên bờ, đòi cắt đầu kẻ nào dám xuống ruộng. Cuối cùng, cán bộ bỏ đi. Họ sợ cái bụng bầu của mợ. Tối hôm sau, các cậu bị mời đi kiểm thảo. Mọi người vỡ lẽ, Việt Minh mua chính nghĩa bằng ruộng đất của người khác. Thấy nguy, ngoại gửi các cậu lên Sài Gòn. Mấy ngày sau, cán bộ xã thấy vắng, xuống tận nhà điều tra. Gạn hỏi chưa ra thì quá bận, họ bỏ ngang.

Năm 1954, sau khi Hiệp Định Geneve ký kết, nghe nói sẽ có tổng tuyển cử. Tận dưới quê, các phe phái cũng ráo riết chuẩn bị tranh cử. Ban đêm, họ nhóm rất đông tại đình như làng vào đám. Trời tối mịt, dân quê tắt đèn ngủ sớm. Trên bờ ruộng, nhiều bóng đen thấp thoáng, chập chờn như bóng ma trời. Chưa bầu, phe Việt Minh đã ăn chắc. Để bành trướng thế lực, họ dùng mọi thủ đoạn hoặc sát nhập, hoặc triệt tiêu các tổ chức khác. Mặt khác, bận rộn cử người tập kết ra Bắc. Khóa học tổ chức trong thời gian ngắn, khi về sẽ là nhân tố nắm chánh quyền tại địa phương. Khi các cậu đi vắng, ngoại tôi phát giác, mấy đứa con không yên nghề ruộng. Ngay đám con gái cũng có chân trong đoàn Thanh Niên Tiền Phong. Dù các dì giải thích, trước đây đoàn Thanh Niên của làng chỉ làm việc cứu trợ xã hội, từ ngày Nhật giải tán mấy anh em đã ra khỏi đoàn. Mặc các dì nói, ngoại tôi tức, cầm chổi rượt mọi người chạy tán loạn. Nhưng đêm về, ngoại nằm chần ngay cửa, lóng tai nghe tiếng chó sủa đàng xa.

Người nôn nóng kiếm các cậu tôi không phải là cán bộ xã, mà là cậu Chín Diệp, con ông Út. Cậu Chín cho hay, Kha Vọng Căn, một trong những người cầm đầu phong trào Thanh Niên Tiền Phong đã bị mua chuộc, quyết định sát nhập tổ chức đoàn theo Việt Minh. Cậu tới từ giả để đi ra Bắc. Và hẹn, học xong, sẽ về ngày. Cậu than, chưa rời làng sao đã nhớ.

Hôm sau, đoàn cán bộ tới nhà vận động anh Đảm, anh Đang vào tổ chức. Gặp bữa, hai người mời tất cả dùng cơm. Vừa ăn vừa họp. Mới đầu còn anh em, sau cãi vã kêu bằng mày tao. Anh

Đảm thẳng bụng, chỉ trích huých toẹt đường lối sai lầm của họ. Một người trong bọn điên tiết, rút dao chém. Bất ngờ, anh Đăng không tránh kịp, ngã sấp trên mâm cơm. Anh Đảm kinh hoảng, phóng qua hàng rào, băng tuốt qua đồng, chạy thụt mạng một hơi ra tỉnh.

Hai năm sau, không có tổng tuyển cử, Việt Minh yếu thế rút vào bưng. Cậu Chín Diệp ra đi biệt tích. Còn anh Đảm, sau lần chạy, đã bỏ luôn nhà cửa ruộng vườn. Mấy năm sau, di tôi lên Sài Gòn, tình cờ gặp anh trong quân phục. Thấy anh oai nghi, di cũng mừng và khuyên anh xa quê lâu nên về một chuyến. Anh lắc đầu bảo, anh đâu đã đi xa, mỗi đêm đều trở về căn nhà cũ, và trong mơ anh dựng được thằng em đứng dậy chạy theo mình.

Đầu năm 63, di tôi dẫn ngoại lên thăm. Đơn vị báo, anh tử trận. Sư đoàn 7 vừa đụng trận đầu tiên ở Ấp Bắc. Dù quân số đông gấp mười địch, và với sự yểm trợ của các đơn vị bạn, nhưng chưa có kinh nghiệm phối hợp, đã chừa khoảng trống phía Đông khiến địch rút lui an toàn. Kế hoạch bao vây thất bại để lại nhiều tổn thất, thương vong.

Trở về nhà, ngoại tôi vẫn chưa tin. Mở radio, Đài Phát Thanh đang tường thuật lễ diễn hành mừng chiến thắng.

Tình hình ngày càng sôi động. Con đường làng vắng bóng trâu bò. Đám trai quê cũng bỏ cày, vác súng. Qua mấy trận lớn, đám cháu ngoại thừa dần. Chiến tranh là con quái vật to lớn, không có hình thù, cứ rình rập giật phăng những đứa con vào đất.

Hai mươi năm chiến tranh, thời gian tưởng dài như thế kỷ. Ngoại tôi già hay lẫn, cứ hỏi đi hỏi lại về những đứa vắng mặt. Tôi nói dối, nhiều người bận việc xa, chưa về được. Ngoại quên, những đứa lớn đã đi không trở lại.

Cuối cùng năm 75, hòa bình đến bất ngờ. Ngạc nhiên nhất, người trở về đầu tiên lại là cậu Chín Diệp.

Điều mọi người không ngờ, hai mươi năm tập kết, cậu Chín trở về làm dân trơn. Cậu không nhận một chức vụ nào trong Đảng. Khó tin hơn, cậu vẫn độc thân như hồi trẻ. Cậu cười, giải thích, không vướng bận dễ xin về. Đã nhiều lần nhưng Đảng chưa cho phép, nay hòa bình cậu nóng ruột nên tìm cách trốn ngay. Trên đường về, cậu ngạc nhiên, qua cuộc chiến lâu dài và tàn khốc vậy sao miền Nam sung túc hơn xưa.

Khi niềm vui lắng xuống, cậu Chín bắt đầu chửi, đám cháu ngu, không trốn ra ngoại quốc. Mọi người ngạc nhiên. Ông Út nói, tất cả ở lại chỉ muốn sống như một người dân thường. Cậu Chín xăng giọng, trong chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa không có dân thường. Chính quyền định nghĩa, thế giới chỉ có hai màu, ai không đỏ là đen. Bằng nhiều cách, họ làm màu đen tự biến mất.

Khi mọi người thấy cậu Chín nói đúng thì đã muộn. Chế độ mới không chấp nhận người cũ, họ hàng tôi lũ lượt vào tù. Mọi người vỡ lẽ, hòa bình cũng có chia lìa, chết chóc không khác chiến tranh. Cậu Tư tìm cách trấn an, bất cứ thời nào, nông dân cứ theo sau cái cày cũng sống. Nói vậy, nhưng cậu lật đật cất ruộng, chia đều cho các con.

Chế độ mới là một lưới cày xới tung xã hội. Ở thành phố, nó thể hiện bằng những phong trào, những nghị quyết, thông báo, thông tư,... Nhà nước cào bằng xã hội qua những đợt đổi tiền, đánh tư sản. Triệt tiêu người giàu để chỉ còn một giai cấp nghèo giống nhau. Ở vùng quê, nông dân nhìn những hợp tác xã nông nghiệp, trạm thu mua nông phẩm bằng con mắt dè dặt. Đến tháng 3 năm 78, Chính phủ ra nghị định cấm đem hàng hóa ra khỏi tỉnh làm mọi người chới với.

Ruộng mùa khô, quê tôi trồng mía. Loại mía đường, thân cong, gốc có nhiều mốc trắng, hợp đất phèn. Mía dễ trồng, thu hoạch mau. Thân ép làm đường, rễ và ngọn, đốt ủ làm phân rất tốt. Mấy năm trước, mới đầu mùa, lái mía đã đến đặt cọc, giành mua. Đến giữa mùa, cán bộ xuống bảo, chỉ thị mới cho tỉnh độc quyền, mọi hình thức mua bán trong dân là phạm pháp. Xong, họ quy định, giá thu mua mỗi gốc mía là mười lăm xu, tiền mới. Ai nấy bất mãn, giá bán bằng giá mua gốc giống. Tính ra, cộng thêm công trồng, phân bón, nhà nông lỗ nặng. Mọi người cương quyết bảo nhau, không bán.

Đúng lúc thu hoạch, cán bộ, xã đội thay phiên trực canh dọc theo bờ ruộng. Buổi tối, mấy đứa nhỏ buồn, kéo ra ruộng chặt vài gốc ăn chơi. Thấy động, xã đội lên đạn, chĩa súng dọa. Mấy đứa nhỏ sợ, chạy u về nhà, khóc. Cậu Năm nổi khùng, qua đêm sau châm lửa đốt. Mía quá mùa, lá khô, vừa bén lửa cháy ùn ùn. Đội canh phòng hò hét, gọi người chữa cháy. Khi có người ra sông múc được nước vào, ngọn lửa đã thui gần hết.

Đầu mùa mưa, mạ chưa gieo, tỉnh đã ra chỉ thị quy định thu mua lúa. Trừ nhân khẩu trong gia đình, số còn lại nhà nông phải bán với giá quy định. Cậu Tư than, đất của mình, nhưng trồng thứ gì, thứ đó của người khác.

Năm mưa thuận, gió hòa, người cày bỏ ruộng. Buổi chiều, mùa lúa rảnh, cậu Tư lững thững ra đồng. Nắng lấp lánh phớt xiên. Ruộng xăm xấp, vài cọng cỏ lún phún nhô khỏi mặt nước. Mấy con chim sẻ kiếm lúa lượn quanh, buồn tình kêu ngơ ngác. Cậu thở dài, nhà nông thấy ruộng bỏ hoang, đau như cha mẹ thấy con trần trụi.

Không cày cấy, nhiều người làm thuê xoay qua buôn chuyến. Họ túm gạo, nếp, tôm khô, cá mắm,... cột đùm trên xe đạp. Gần tới trạm kiểm soát, họ dẫn xe vòng trong xóm, đi đường tắt lên thành phố. Chừng vài chuyến, nhiều người phát giác, buôn hàng lậu thuế khá hơn làm ruộng. Sau nhà ngoại là sông Cửa Tiểu. Theo hướng Đông chạy hai giờ ra biển. Nhiều người sắm ghe, ban đầu chạy dọc ven biển, chở gạo lên thành phố. Sau, chuyển sang chở người vượt biên. Mấy thửa ruộng sấm từ đời cố bán dần, mua chỗ thoát thân cho lớp con cháu mới ra tù. Vừa học Dược năm thứ nhất, tôi bị đuổi khỏi trường. Lý do, con của sĩ quan chế độ cũ. Sang bốn năm Sư phạm xong, tôi thất nghiệp. Nửa năm sau, nhận được giấy bổ nhiệm về dạy tại Tân Thạnh, Long An. Cầm giấy đi khiếu nại, xin dạy gần nhà. Anh cán bộ lên lớp, Đảng dạy, "Đâu cần thanh niên có. Đâu khó, có thanh niên." Không đi, bị cắt tên trong tờ Hộ Khẩu, trở thành dân cư trú bất hợp pháp. Trên đường về, tôi ra bến xe thăm dò. Giá chính thức, có giấy giới thiệu mua là bốn mươi đồng một chuyến. Giá chợ đen, một trăm một, khỏi xếp hàng, muốn mua lúc nào cũng có. Ngẫm nghĩ, lương giáo viên một trăm hai chưa khấu trừ, tôi đi dạy giống người ta đi lính. Đi dễ, khó về.

Một năm sau, nhờ vả khắp nơi, tôi được nhận về dạy trong thành phố. Trường ở khu vực bình dân, đối diện là cái chợ. Tan học, học trò đi thẳng ra chợ, bán buổi chiều. Lừa lọc đâu ở ngoài, tôi không biết, nhưng vào lớp đứa nào cũng ngoan, thành thật. Nhiều đứa thấy cô giáo nghèo, chỉ mơ sau này không phải đi dạy học. Một đứa, nhà có tàu vượt biên, năn nỉ cha mẹ cho cô theo, với một giá tượng trưng nho nhỏ.

Mười mấy năm sau, tôi trở về. Làng xóm đông hơn, nhưng dòng họ chỉ còn lại mấy người. Buổi chiều, tôi diu cậu Tư ra đồng. Sóng lúa rập rờn, trong hơi gió thoảng thơm mùi bông chín. Cậu Tư nói, nhà chỉ giữ phần ruộng hương hỏa. Những mẫu đất cố bán mấy con cá bằng vàng sấm được khi xưa, sau giống như những con cá thật biết bơi ra biển.

Thời giờ còn lại, tôi đi thăm mộ. Bắt đầu từ ngôi xưa nhất, mộ cố. Rồi mộ ngoại, mộ các ông, mộ cha mẹ, mộ anh Đăng, anh Đảm, và nhiều ngôi khác. Cuối cùng là mộ cậu Chín, mới chết

sau này. Cậu Tư kể, năm 88, tin tưởng chính sách đổi mới, cậu Chín làm trưởng phòng Thương Nghiệp quận. Cuối năm, tình cờ cậu gặp người bạn cũ đang làm giám đốc nông trường cà phê Phước Long. Người bạn than, xa thành phố, gần Tết ban giám đốc không sao kiếm ra nhu yếu phẩm cho công nhân nông trường. Nghe vậy, cậu Chín hứa, sẽ cho người lên mở một gian hàng ở đó.

Gian hàng Tết của thành phố mới lên, người ta đã kéo đến đầy. Đa số là đồng bào Thượng. Xưa, họ săn bắn, sống trong rừng. Trong chiến tranh, những đàn thú trốn bom đạn, kéo nhau qua rừng khác. Hòa bình, thú không về. Người Thượng đói, kéo ra tỉnh làm đủ thứ nghề. Nông trường mượn họ trồng cây. Về sau, cạn vốn, không có tiền phát lương, đành thiếu chịu.

Ngày khai trương, nhiều người địu con, đùm tùm cả gia đình đến ngồi ngay trước gian hàng như đang chờ xem hát. Họ giương mắt ngó thềm thường, rồi chỉ nhau xem từng món. Với người nghèo, thứ nào cũng là nhu yếu phẩm. Cả ngày, tấp nập người xem, nhưng cửa hàng không bán ra được một món.

Mấy ngày sau, có người mang cà phê sống tới gạ. Ban Thương Nghiệp bàn, thấy họ nghèo tội nghiệp, đồng ý quy giá cà phê đổi hàng. Chỉ một buổi, người khuân kẻ vác, nửa gian hàng trở thành cái kho chất đầy cà phê.

Buổi chiều, ban Quản Lý nông trường ra phản đối. Cà phê là tài sản của nhà nước, người Thượng hái trộm. Bên mua đồ trộm, bên để mất, đều chịu trách nhiệm. Hai bên mời cả Già Làng tới dự. Già Làng nói, người Thượng không ăn trộm, nông trường thiếu lương, họ hái cà phê trừ nợ.

Cuối cùng, tất cả ghi trong biên bản. Số nợ nông trường thiếu công nhân người Thượng trở thành số nợ thiếu phòng Thương Nghiệp.

Qua năm sau, ông giám đốc nông trường nghỉ hưu. Công ty Thương Nghiệp thành phố mời cậu Chín lên thanh toán tiền bán hàng năm trước. Tiền vốn cộng lời lên thành cả tỉ. Cậu trình biên bản chứng minh nông trường thiếu, nhưng không ai chịu. Ban giám đốc mới không gánh trách nhiệm những món nợ cũ. Công Ty tuyên bố, mua hàng bằng tiền, không trả bằng biên bản. Họ sẽ đưa nội vụ ra tòa.

Câu chuyện không phải không còn cách giải quyết. Nhưng cả đời trong sạch, cuối cùng bị mang tiếng oan, thâm lạm tiền bạc. Cậu Chín buồn tình, uống thuốc ngủ, tự tử.

Cậu Tư kể, đêm đó mọi người nằm trong mùng nhìn ra, thấy cậu Chín rót từng chén trà, ung dung uống. Không ai ngờ, cậu đang uống thuốc độc.

(*) Thơ Phan Khôi.

Cửa búa

Chúng tôi theo xe đò từ Sài Gòn ra Bà Rịa. Trước khi lên xe, người trung gian dặn, mạnh ai nấy đi, như đi buôn tôm, buôn cá một mình. Công an hỏi, cứ bình tĩnh trả lời. Tôi nhìn xuống chiếc túi xách có thêu cánh hoa hồng, bên trong chỉ đựng một chiếc áo lạnh và một tập thơ chép tay. Trưa, nắng như đổ lửa, nếu công an chặn xét, chắc mềm là tôi bị bắt. Xe chưa đến nơi, người dẫn đường bảo, tại bến có nhiều trạm kiểm. Chúng tôi đổi xe lam vào Châu Thành, Bà Rịa.

Người ra đón là anh bộ đội. Vừa đến cổng doanh trại, người dẫn đường lẫn mất. Tôi vội vã qua cổng, mắt chỉ kịp ngược nhìn mấy chữ: Trại Vạn Kiếp.

Tôi gặp lại Thầy Sáu, người tổ chức ở nhà anh Bình. Thấy tôi lo ra, Thầy vui vẻ trấn an, tổ chức là người có đạo. Họ lo chu đáo, bến bãi an toàn. Tối tàu lớn tới, đổ người nhanh. Nội sáng mai, chúng tôi đã ở tận ngoài khơi, xa mùt. Vỗ về xong, Thầy đi. Tới chiều anh Bình rước thêm mấy chuyến. Căn nhà nhỏ trở nên chật chội. Một đám người ngồi chen chúc trên chiếc giường nhỏ trong căn buồng vợ chồng. Con anh Bình lâu lâu chạy vào ló mắt coi. Chúng tôi ngồi bó gối, phập phồng như những con cá đang nằm trên thớt.

Nhà đông người, ra vào nhiều. Chị vợ này ra ý kiến, giả đám giỗ để tránh hàng xóm nghi ngờ. Anh Bình khen, bắt con chó cột gần sàn nước. Nghe tiếng kêu ăng ẳng nhiều người tái mặt. Họ nói ăn chó xui, coi chừng bị bẻ. Dao đang mài thì ông Lễ tới, ra lệnh tản người. Qua câu chuyện tôi biết lơ mơ, ông là trung tá, một trong ban chỉ huy trại mà cũng là người đứng đầu bán bãi.

Đi một mình nên tôi được chuyển ngay trong chuyến đầu tiên. Suốt buổi chiều xe Honda chạy vòng vo qua nhiều nơi, hai bên rừng lá xanh rì. Mãi lúc sẩm tối, họ tới một xóm nhỏ vắng vẻ ven đồi. Anh bộ đội gửi tôi vào một nhà đầu xóm. Chưa chào hỏi, chủ nhà đã lôi tôi vào trong. Căn buồng trống không. Giữa, chỉ căng một chiếc võng rách. Ngồi cả ngày mệt, tôi ngả mình xuống võng. Bên ngoài, ánh đèn dầu leo lét, một ông già hom hem ngồi kéo thuốc lào. Tới khuya họ đổ thêm người, chủ nhà mới thổi đèn, đi ngủ. Căn nhà tối như mực. Tôi rình nghe động tĩnh. Và tưởng tượng ngoài kia, trăm bước chân rón rén, tiếng AK lên nòng, những cái hát hàm ra hiệu bao vây,... Đêm xa lạ, căng thẳng thần kinh. Biết bao phản trắc, lọc lừa, tôi từng nghe trong những chuyện vượt biên. Tiếng ho, tiếng húng háng, thì thảo cũng có thể là những dấu hiệu bắt đầu cho một cuộc tháo chạy.

Quá nửa khuya, có tiếng gõ cửa nhẹ. Tôi nhồm dậy. Cụ già cũng lục đục thức. Diêm bật. Que sáng lóe lên rồi tắt. Người liên lạc tới. Tôi vớ túi xách, nhanh chân len ra ngoài. Mấy người khách cũng theo ra. Chúng tôi đi, bỏ lại sau lưng tiếng thuốc lào ròn rột rít lên trong đêm tối.

Ra đầu ngõ, chúng tôi lên lộ cái, nhập vào một nhóm khác. Người liên lạc dặn, từ giờ cứ theo đóm thuốc của người dẫn đường mới mà đi. Đêm dày đặc, bóng tối ngập ngựa đất trời. Chúng tôi bươn bả đi sát lề. Đàng trước, đóm thuốc lập lòe như đom đóm. Nhìn một hơi mỏi mắt, tôi liếc ra sau, mới đó mà người từ đâu ra nối thành một hàng dài. Đường xa, đoàn người làm lủi bước. Một hồi lâu, khi tiếng chuông nhà thờ gióng già, chúng tôi bỏ đường cái lội qua ruộng. Mùa mưa, bờ ruộng lầy và trơn. Chiếc guốc trong chân tôi cứ tuột ra, dính chặt dưới bùn. Thấy cả đoàn đột nhiên chậm lại, một người đi trước chạy ngược ra sau quát tháo. Trời lờ mờ, tôi kinh ngạc, hóa ra người dẫn đường này giờ chỉ là một thằng bé. Tay nó cầm cành khô dứ dứ trong gió, miệng phì phà điều thuốc, gất, ' Mau, mau lên. Đi như vậy có nước đi vô tù.' Rồi chợt phát hiện, cứ đi vài bước tôi lại cúi xuống kéo chiếc guốc lún bùn, nó lều bều chửi, 'Đồ ngựa. Đi vượt biên mà tưởng như đi sờ thú.'

Thằng bé dẫn chúng tôi vào căn chòi trống trơ giữa ruộng. Lùa mọi người vào trong, nó kéo sập cánh cửa rồi dặn trống, 'Mấy người không được ra ngoài. Rủi ai thấy, bị bắt ráng chịu.' Xong, nó ra ngoài. Căn chòi rộng hóa chật khi dồn mấy chục người ngồi chung một chỗ. Trời rạn dần. Một ông vạch khe lá, hé nhìn ra. Nhiều người định bắt chước thì nghe giọng thằng nhỏ bên ngoài nạt ngang, 'Ê, không được coi.' Nó lấy roi quất lia lên vách. Mọi người ngồi thụt xuống, đồng tai nghe. Tiếng chân nó rào quanh chòi một lúc rồi xa dần.

Khi nắng ban mai vàng tươi tràn qua khe hở, vài người chúi mắt nhìn ra. Bốn bề trơ trụi. Xa xa,

một xóm nhà thưa thớt, vắng teo. Chung quanh chỉ độc một bờ ruộng dài dẫn từ xóm ra chòi. Thỉnh thoảng thằng bé mang cơm nước hay mua dùm quà vật. Thấy nó tới, chúng tôi mừng như tù được thăm. Ai nấy vồn vã hỏi:

'Nè, cá lớn tới chưa?'

'Bé ơi, chừng nào xuống tàu hả cưng?'

Thằng nhỏ lắc đầu quây quây, 'Ê, đừng hỏi tui. Tui không biết gì hết.' Xong, sực nghĩ ra, nó lại dặn, 'Nếu bị bể, mấy người cũng đừng biết tui nha.'

'Nhỏ, sao mày hỗn dữ vậy vậy?' Một giọng bất bình nổi lên.

'Thôi đi, đừng chọc nó.' Có tiếng người cản.

Mọi người kêu nhau nhện. Sinh mạng chúng tôi đang nằm trong tay thằng nhỏ.

Suốt ngày ngồi chen chúc trong cái chòi kín gió, nóng và ngột hơi người. Tôi thu mình trong góc quan sát những người khách đi chung. Đa số là đàn ông, chỉ có sáu phụ nữ. Họ ngồi thành nhóm hai hoặc ba người. Trước mặt tôi là một cặp, Hằng mười sáu, Hùng hai mươi. Theo lời Hằng, họ là hai anh em. Nhưng trông cách họ thân mật, tôi ngờ không phải. Người lớn tuổi là bà Xiếu, khá chững diện. Có nhan sắc là chị Xuân, đi với cô em chồng tên Vân và đứa con còn bé. Mập nhất đám là Hiến, người Tàu, có em họ là Bích, gầy như que củi. Đây là những người sẽ cùng tôi chia chung số phận.

Chập tối, họ lại đổ thêm người. Căn chòi chật nít. Nhóm ba người sau cùng tôi đã gặp trong Trại Vạn Kiếp, anh Huỳnh, Du và một cháu trai chín tuổi. Tất cả đều là người nhà Thầy Sáu. Anh Huỳnh độ ba mươi, da trắng xanh, cao và gầy. Du khoảng hai mươi hai, có vẻ ăn chơi, mảnh lói. Họ rỉ tai bảo tôi, nhà anh Bình bị xét nhưng đường dây chưa bể, tàu lớn đang chờ ở cửa Búa.

Trong bóng tối, chúng tôi ngồi im đếm nhịp kim đồng hồ. Sốt ruột, nhưng ai cũng sợ đêm mau qua, một ngày nữa lại tới. Với ngàn ấy người, chúng tôi khó lòng ém lâu trong căn chòi này.

Hai giờ đêm được lệnh chuyển khách ra bãi. Trăng mờ cảm. Gió lồng lộng. Chúng tôi cầm đầu chạy như bay ra biển. Trên trời, những đám mây vẩn vù cũng thổi ngược hướng về bờ. Khi dừng lại, không thấy nhà cửa, ruộng nương, biển cả. Bãi chỉ là con lạch hoang, cạn xiù, đầy lau sậy. Bốn người đàn ông lội nước đẩy hai chiếc ghe cũng vừa trờ tới. Đám hành khách ào ào nhào xuống giành chỗ. Mấy người tổ chức cầm cây quạt túi bụi những kẻ nhanh chân. Tiếng chen lấn, cãi vã om sòm góc bãi. Cuối cùng họ chia thành từng nhóm, chủ yếu theo tên người thu tiền. Anh Huỳnh và Du kéo tôi đứng trong nhóm Thầy Sáu. Họ bảo đảm, trước hay sau hai chiếc ghe cũng sẽ lần lượt đưa hết sáu mươi người ra tàu lớn. Nhóm tôi xuống trước. Chưa tới phiến, Hiến đã lôi Bích nhào đại xuống ghe. Hiến mập tới nổi, hấn vừa ngồi xuống một bên, chiếc ghe nghiêng chiềng sắp lật. Mấy người lái hốt hoảng hè nhau chụp lại. Hai người trên bờ nhảy tới bên Hiến, vừa đánh vừa lôi hấn xuống. Nhưng Hiến bám chặt lắm, nhất định gằm đầu chịu trận. Trong tích tắc hai ghe đầy. Bốn người lái nhanh nhẹn kéo ghe ra. Họ ngâm mình dưới nước để đẩy chúng tôi đi. Thoáng chốc, bóng những người trên bãi nhạt dần rồi tan vào đêm tối.

Ghe men theo những hàng trầm mọc lờm chớm ven con lạch. Sương mù loáng thoáng, loãng theo gió động trong những lùm cây. Thỉnh thoảng gặp tàu tuần, họ kéo chúng tôi nấp vào chỗ

khuất. Đi một đỗi ra chỗ nước sâu, họ vẫn chịu khó lặn hụp theo ghe chứ không lên chèo. Thấy tôi lom lom ngó xuống nước, Du thì thầm, nếu bị phát hiện là họ lặn luôn, chỉ có người ngồi trên lãnh đủ. Ghe mãi miết đi tới lúc mờ sáng vẫn chưa thấy biển, tôi thắc mắc, không hiểu làm sao họ kịp quay lại rước những người còn lại. Hỏi, Du nhếch môi cười, có trở lại cũng đâu còn ai, giờ này chắc công an đã rước họ vô tù.

Ngạc nhiên vì thái độ tỉnh bơ của Du nhưng chưa kịp hỏi thì ghe tấp đảo. Gọi là đảo chứ thật ra nó chỉ là một cái cồn. Không thấy tàu lớn. Trời đã hừng sáng, sợ ghe qua lại phát hiện chúng tôi vội vã lên bờ. Họ đếm người rồi lừa chúng tôi ngược lên phía trên. Qua những lùm cây rậm là một khoảnh đất nhỏ. Nhìn lại, mấy người dẫn đường bỏ đi đâu mất. Chúng tôi kiếm chỗ ngồi đợi. Khi nắng lên cao, Du nóng ruột leo lên cây nghe ngóng. Vài người cũng bắt chước leo theo. Khi tuột xuống ai cũng thở dài, cái cồn nhỏ xíu lại khá gần bờ rất dễ phát hiện. Chúng tôi nén dạ ngồi chờ, hy vọng tàu lớn đang trên đường ra biển.

Tới trưa, lại có thêm mấy chiếc ghe taxi chở khách lên bờ. Không biết thuộc nhóm nào, mặt mũi ai nấy bơ phờ. Mảnh đất nhỏ trở nên chật chội. Quá trưa, mặt trời qua khỏi đỉnh đầu, con tàu vẫn bật tăm. Thình thoảng mấy người liên lạc lên trấn an. Mọi người nghe âm ừ. Khi họ bỏ đi, chúng tôi lại dụi đầu bàn tán. Có người nghi, tổ chức gạt, đem con bỏ chợ. Cũng có kẻ đoán, có lẽ tàu lớn đã ra khơi ngay từ đêm qua. Nhưng đa số nghĩ, chắc đường dây bị bẻ trong bờ. Không ai biết chính xác. Điều rõ ràng, giờ này tàu chưa ra tức có chuyện chẳng lành. Chúng tôi nhìn nhau thắc thỏm, lo thảm.

Xế chiều, khi nắng chiếu vàng đọt cây, đột nhiên tôi phát giác, mặt đất trở nên ẩm ướt. Dưới gốc tràm, bùn trọt hẳn, lộ những bộ rễ mọc trời trong như những ngón tay gân guốc đang bấu sâu vào đất. Tôi ngó quanh, vài người đã treo đồ, trèo lên cành. Chưa kịp dời chỗ thì chợt nghe tiếng lao xao. Một đám dân chài ở đâu đó đến. Họ vừa đi vừa gậy gộc. Tiếng chửi nhau vang động một góc cồn. Chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau. Họ tung tin, công an đang xét tàu lớn, gạo nước đã bị tịch thu. Rồi gạo bán, một xị nước ngọt một chỉ vàng, gạo hai chỉ một chén. Cả đám vượt biên hoang mang, nhưng không ai chịu bỏ tiền mua. Đang nhón nháo thì tốp khác lại tới. Cả cái cồn ồn như cái chợ. Dẫn đầu là một người đàn ông to bè, đen đũi, ở trần. Cổ vắt chiếc áo bạc màu. Mặt lạnh đanh. Đầu có vết sẹo nhẵn thín trông như một nhát dao còn cắm sâu trên trán. Nghe họ nói, tay này là Bảy Búa, trùm anh chị kiếm ăn vùng này. Theo sau, còn có một đám đàn em chừng mười đứa cầm gậy gộc. Chúng xông xáo, dữ tợn như những kẻ sẵn sàng liều mạng. Họ đi tới đâu, dân chài vệt ra tới đó. Bảy Búa ngừng lại trước nhóm người vượt biên, giơ tay động mạnh cây dầm lún đất, gằn giọng, 'Bà con khá giả có tiền vượt biên, đi qua mấy xứ giàu sang, mang tiền theo như mang củi về rừng, chi bằng giúp cho những người ở lại.' Ngừng một chút, ông ta đảo mắt nhìn quanh như dò xét. Rồi đặng giọng, hầm hè, 'Tui nói phải quấy không nghe, đừng trách tui đàn em nghèo đói làm liều.' Chúng tôi nhìn nhau thất sắc. Thấy không ai phản ứng, Bảy Búa thủ cây dầm trong tay, đi lòng vòng kiểm. 'Chủ tàu? Chủ tàu đâu?' Ông ta trừng mắt, điếm mặt từng người. Ai nấy cúi gầm, tránh trông mắt đồ ngàu, hung dữ. Khi Bảy Búa đi ngang, tôi phát khiếp khi liếc thấy cổ chân ông to như một gốc chuối già.

Không tìm ra chủ tàu, Bảy Búa tức giận vụt mạnh cây chèo vô gốc tràm chan chát. 'Ai? Ai là thân nhân chủ tàu?' Giọng ông đặc khản, rền rền. Mọi người tái mặt, ngậm mồm. Cuối cùng, đám đàn em xông tới, gom hết túi xách, đồ đạc của mọi người vô lùm cây lục soát.

Chúng tôi ngồi im thin thít, thủ phận và theo dõi. Trong số thủ hạ Bảy Búa, tôi chú ý có một người đáng gờm. Hấn lớn con, vạm vỡ. Mình trần, mặc độc chiếc quần kaki lủng lỗ. Lưng eo, đáy thắt, ngực và tay nở cuồn cuộn như một tượng đồng. Da nắng ăn đỏ lửng. Mặt sắc, có cô hồn. Tóc dài, lờm chờm chấm vai. Đầu quấn miếng vải đỏ ngang trán. Trông hấn giống hệt bọn hải tặc vùng biển Caribbean ngày xưa trong truyện vẽ. Bảy Búa gọi hấn là thằng Hạnh. Và hình

như chính ông ta cũng phải ngán cái thằng này.

Mặc Bảy Búa tới lui hậm hực, 'thằng' Hạnh vẫn dang chân đứng yên một chỗ. Hắn nghinh mặt nhìn chúng tôi, cặp mắt lừ đừ như coi thường hết thảy. Thỉnh thoảng, hắn nhếch môi, cười khinh bạc. Về hung bạo làm tôi sợ, cứ ngó hắn lom lom. Chỉ chút sau, tôi phát giác, hắn cũng đang chú ý ngó mình. Tự nhiên, tay chân tôi luống cuống. Tôi rón người, nhích gần một chị ngồi kế. Bất chợt thấy một cái túi đệm của ai bỏ sau chỗ tôi ngồi. Cái túi dày cộm, không biết chứa gì. Ngấm ngấm, tôi lại nhích người ngồi lại chỗ cũ, cố che cái túi.

Lục soát xong hình như không thấy gì, Bảy Búa bực bội ra mặt. Hắn kêu tụi đàn em lại bàn bạc. Thừa lúc họ không để ý tôi hé miệng túi ra xem. Không có tiền bạc, trong chỉ có cái đèn pin, một hải bàn và chiếc áo cũ. Tôi tái mặt, những thứ này mà lọt vô tay Bảy Búa thì nguy. Tôi lo lắng nhìn quanh, bắt gặp nhóm con gái mặt mày lấm la, sợ hãi. Thấy tôi ngó, Bích bò lại gần. Rồi Hằng, Vân và một cô bé khác cũng nhích tới.

'Chị ơi,' Hằng ngại ngần hỏi, 'Không biết tụi nó có làm gì mình không?'

'Làm gì là làm gì?' Tôi ngạc nhiên.

Mấy cô gái e thẹn làm thinh. Thấy tôi ngờ ngác, Bích nói huých toẹt, lơ lớ giọng Tàu, 'Chị nghĩ, tụi nó cướp vàng rồi có hiếp người không?'

'Không, không đâu. Chắc không có.' Tôi kinh ngạc, lắc đầu. Không ngờ mấy cô nghĩ tới chuyện này. Tôi nhìn đám 'thằng' Hạnh, họ hung dữ, nhưng tự nhiên tôi không tin họ dám hiếp người.

'Bọn cướp của thì chả chuyện gì mà từ?' Cô bé người Bắc kêu lên, giọng phẫn nộ, 'Đụng đến em, em liều mạng đấy.'

Tôi nhìn đăm đăm vào đám Bảy Búa, ngoài 'thằng' Hạnh, những thằng khác coi xông xáo nhưng không đáng sợ. Thằng Phúc đầu trọc, mắt lác liên, ngổ ngáo; thằng Cồn mảnh khảnh, da tái mét; thằng Bôn loắt choắt, tướng đi như tướng gà bơi. Nhìn cả bọn, tôi tin họ tưng thế làm liều, nhất định không làm chi khác.

Trong lúc tôi yên trí thì bất ngờ Bảy Búa ngoắc bà Xiếu. Bà Xiếu run rẩy, mặt xanh như chàm, líu ríu bước tới. Nhanh như cắt, bọn họ lôi bà Xiếu vào lùm. 'Thằng' Hạnh cùng đồng bọn đứng ngoài án ngữ. Chúng tôi thất sắc nhìn nhau, không ai dám ngó vô lùm. Một lúc sau, bà Xiếu chạy ra, áo quần xốc xếch, mắt mũi tèm lem. Nhìn bà Xiếu, niềm tin tôi sụp đổ. Thì ra, những chuyện hải tặc quăng người xuống biển đều là chuyện thật. Cùng là người Việt thật không ai ngờ bọn Bảy Búa táng tận đến nỗi.

Người kế tiếp là chị Xuân. Khi Bảy Búa ngoắc, chị Xuân rú lên, ôm con chă? cứng, lùi về chỗ đám đàn ông đang ngồi. Mấy người đàn ông làm thinh, dường như không muốn vạ lây. Họ nhìn Bảy Búa như những kẻ bàng quang, ngoại cuộc.

Thấy chị Xuân khiếp đảm, đám con gái cũng hoảng kinh. Bích, Hằng, Vân nấp sau lưng tôi trốn. Tôi nhìn 'thằng' Hạnh, bụng dạ rối bời. Chẳng lẽ, chưa thấy tàu lớn mà chúng tôi phải liều mạng với bọn người này. Tôi lúng túng ngó họ, chưa tìm ra cách đối phó thì thấy hình như họ cũng đang bối rối. Chị Xuân ngồi lì, nhất định không đi. Thằng Cồn, thằng Bôn đứng xó rớ cũng không dám đưa tay lôi kéo.

Đang lúc dừng dằng thì có mấy người dân chài tấp vào cho hay, tàu biên phòng đang hướng về

còn. Mọi người nhón nháo. Tình trạng trở nên hỗn loạn. Cả Bảy Búa cũng rút lui, quỳnh quáng tìm đường trốn. Những người có ghe lớn tiếng rao mời, chuyển về ba chỉ, giá tính theo đầu người. Chỉ trong phút chốc, số người vượt biên đã sụt đi quá nửa. Số còn lại, tôi nghĩ, đều là những người không có vàng. Đám dân chài bây giờ cũng thưa thớt, chỉ còn nhóm 'thằng' Hạnh đi năn nỉ kiếm mối chở khách về. Thằng Cồn mon men tới chỗ tôi gạ, ai không tiền nó sẽ đưa về tới tận nhà mới trả. Tôi rầu rĩ, ngó nó rồi làm lơ. Vốn liếng tôi đã đóng hết cho chuyến đi, về nhà cũng không còn. Nhưng thằng Cồn dường như không hiểu, nó tưởng tôi còn hy vọng chờ tàu lớn tới nên nhất định năn nỉ. Nó nói, buổi tối nước lớn, cái cồn bị ngập chỉ còn ló mấy ngọn cây, không ai có thể ở đây chờ đợi qua đêm được. Nghe vậy, tôi giật mình ngó quanh. Quả thật, mực nước đang lấn tới. Miếng đất trống tôi ngồi bây giờ đã ẩm ướt, lún đầy những dấu chân người. Nhìn ra biển, cái cồn đang thấp dần. Nước mấp mé liếm vào những gốc trầm kêu bì bõm. Đang điếng người chưa biết tính sao thì tàu lớn tới. Mọi người đổ xô chạy ra phía sau cồn. Khi thấy tàu lớn, tôi hơi ôi. Con cá lớn đây sao? Trời ơi, nó chỉ lớn hơn chiếc ghe một chút. Nói đúng hơn nó là ghe lớn, không phải tàu lớn. Tệ hơn nữa, nó cũ xì. Sơn tróc, ván mục, trên có căng một chiếc lưới rách tả tơi và một cái thùng phuy rỉ. Ông chủ tàu mặc bộ bà ba đen, đứng trước mũi, hoa tay giục mọi người xuống. Trong phút chốc tôi đứng lại ngăn ngừa, tàu như vậy, đi sẽ chết. Nhưng mới ngừng lại thằng Cồn, thằng Bồn vọt qua mặt, phóng chân nhảy lên. Tôi ngoái đầu nhìn lại, cái cồn không còn ai. Chờ tôi vừa lên, ông Phươn chủ tàu rút tấm ván liệng xuống nước. Máy nổ xinh xịch, tàu quay lui rồi đâm ra biển.

Để tránh tai mắt biên phòng, chủ tàu dồn khách xuống hầm ghe. Khoang dưới chật nứt, người đông, nôm như mấm. Sau lưng là Hiến, không có chỗ đặt chân, hấn cứ chồm lên xô tôi về phía trước. Đằng trước lập tức đẩy tôi thụt lại phía sau. Hầm ghe hỗn loạn, mọi người thụi nhau để giành cho được một chỗ ngồi. Buổi chiều gió lớn, tàu nhồi sóng gập gềnh, nhiều người bắt đầu nôn mửa. Tiếng gấu ó tục tần, tiếng nốc tháo ựa hơi hòa lẫn tiếng khóc la trẻ nhỏ. Âm thanh dày đặc. Nóng và ngột hơi người. Tôi nín thở, lùi dần. Khi đụng vách tàu, lưng tôi ướt nhẹp. Tàu vô nước, tôi la lên. Tiếng cãi cọ ngưng bật. Mọi người chăm chú nhìn nước tràn qua ván tàu. Chưa qua cửa biển, nước đã ngập khoang. Đàn bà bắt đầu méo máu, kêu trời. Mấy người đàn ông nổi cáu, kêu trời làm gì? Họ kêu chủ tàu, tàu như vậy sao dám vượt biên? Tiếng ồn dưới ghe chưa dứt, ông Phươn thò đầu xuống nạt, 'Câm miệng. Tàu đang qua trạm.' Mọi người nín thinh. Chị Xuân cũng vội vàng vạch vú đút miệng đứa con. Chúng tôi quay mặt, nín thở và chờ. Thời gian dừng lại khá lâu. Cuối cùng, 'thằng' Hạnh chịu không nổi, trồi đầu lên coi. Không thấy trạm xét, hấn co giò nhảy phóc lên trên. Nhiều người cũng bắt chước lục tục lên theo.

Chiều sậm màu trên biển. Nắng đã héo. Mặt trời đang tàn lụi buông mình. Quê nhà bây giờ chỉ còn là một vệt đen cắt ngang trời và nước. Không hẹn mà ai cũng nhìn về bờ. Khoảnh khắc cuối làm mọi người im lặng, ngậm ngùi. Ông Phươn đưa tay quệt ngang mắt, 'Vĩnh biệt. Xin vĩnh biệt tất cả.' Kiểu nói cải lương nhưng không làm ai cười. Chúng tôi làm thinh, nghe trong dạ nao nao, đau xót.

Thoáng chốc, chân trời mờ mịt. Chúng tôi nhìn ra hướng Đông. Gió phàn phật thổi. Những ngọn gió từ đâu tiếp nối không ngừng. Biển mênh mông, sâu thẳm. Nhìn phía trước, mực nước cao hơn mũi ghe. Con tàu lọt thỏm trong khối nước khổng lồ. Không nói, chúng tôi nhìn nhau chia sẻ cái số phận nhỏ nhoi, bèo bọt.

Một hồi sau, ông Thúc thợ máy, thò đầu lên báo, nước vô mới đây đã ngập khoang máy. Cả tàu nhón nháo. Nhiều người lên tiếng trách, chủ tàu thu nhiều vàng mà sắm tàu cũ, bán mạng khách. Ông Phươn vò đầu bức tai kêu trời, người ta chỉ đưa ông một ít và bảo chuyến chỉ có mấy người. Ông ngó đám 'thằng' Hạnh nói, nhiều người đi đâu có đóng tiền. Rồi nhìn quanh, không ngờ tàu đông như vậy. Nghe ông nói nhiều người vẫn chưa chịu thua, dân đi biển sao lại dùng tàu cũ vượt biên, chưa chi nước ngập quá gối. Ông Phươn thề thốt, chiếc này chạy ven

biển an toàn nên ông đem cả con cái theo. Nghe vậy, mọi người làm thinh, không ai xem rõ sinh mạng con mình. Có thể ra khơi sức nước mạnh, ngoài dự tính. Mấy người sĩ quan chế độ cũ cũng lên tiếng hòa giải, mọi người cùng chung sống chết, không nên trách cứ lẫn nhau. Việc trước mắt là phải tát nước, nếu chậm trễ e tàu chìm. Mọi người phân công, đàn ông thay phiên tát nước. Những người say sóng được miễn. Nhóm 'thằng' Hạnh xung phong đi đầu. Mỗi phiên hai người. Một người đứng dưới mức nước đưa lên, người trên đỡ thùng đổ ra ngoài. Cứ ba mươi phút hết phiên, người khác tiếp.

Muốn ra khỏi hải phận, tàu xả hết tốc lực. Gia đình ông Phươn là chủ tàu nhưng hỏi ra là chưa từng đi biển. Ông cầm lái lơ mơ, anh con rể cũng chỉ đi lại trong những kinh rạch nhỏ. Cuối cùng, tay lái giao cho thằng Cỏn. Tuy mới mười bảy, Cỏn đã từng đánh cá ngoài khơi nhiều lần.

Tối trên biển, trời lờ mờ, nhưng mặt nước tối đen như mực. Sợ mất phương hướng, ông Phươn thắp đèn. Gió bắt đầu lớn, bốn phương lồng lộng, ngọn lửa cứ lao chao chọc tắt. Tôi ngồi trong buồng lái, cầm nón chắn gió. Bên ánh đèn, một bộ tham mưu cấp thời gồm thằng Cỏn, ông Phươn, ông Dư, sĩ quan chế độ cũ. Họ lật bản đồ, đặt hải bàn, định phương hướng. Có nhiều chuyến đã ra khỏi hải phận bị lạc hướng đâm đầu trở lại. Bàn bạc chán, tàu quyết định, cứ thẳng một mạch ra khỏi hải phận, rồi xuôi đường xuống Mã Lai. Nhưng chạy bao lâu thì ra khỏi hải phận? Cả tàu chẳng ai biết. Người bảo một, kẻ bảo hai ngày. Con tàu nhỏ, biển bao la, bốn bề mênh mông nước. Không có mặt trời, chúng tôi như con kiến loay hoay bò trong chén.

Đêm ngoài khơi qua vội. Mới tờ mờ mà chân trời đã rạng. Vàng thái dương đỏ ối lừng lững đi lên từ đáy nước. Mặt biển rạch một đường cong rành rọt giữa trời. Buổi sáng, gió nhẹ. Tôi ngồi trong buồng lái nhìn ra, nhóm 'thằng' Hạnh vẫn thay phiên nhau tát nước. Cả tàu nằm im như chết, kẻ say sóng, người say ngủ. Gia đình ông Phươn năm người, vợ chồng anh Sinh khoảng ba mươi, cô Bắc mười sáu và thằng Út mười lăm thay nhau nằm choán buồng lái. Trên sàn ghe mọi người nằm xếp lớp. Anh Huỳnh, Du và bé Phong nằm ngay mũi tàu. Cả đêm không ngủ được, tôi ngồi cạnh thằng Cỏn giúp những việc vặt và lắng tai nghe tiếng nước tát.

Tới sáng nhiều người đói. Kiểm lương thực, ai nấy chới với. Tàu sáu mươi hai người chỉ có năm ký gạo và một can nước mười hai lít. Mọi người nhìn nhau kêu trời. Chúng tôi nhóm lửa thổi cơm. Không có củi, 'thằng' Hạnh dùng sức gỡ một manh ván mui chẻ nhỏ. Tàu quy định, mỗi ngày ăn một bữa; cơm, mỗi người một nắm; nước, một nắp một ngày; lái tàu, thợ máy, trẻ con ưu tiên được hưởng gấp đôi. Cô Bắc, trẻ người linh lợi. Tôi thổi cơm, cô vắt nắm. Ưa ai nắm dày, ghét ai thì nắm mỏng. Miếng cơm tôi vừa nuốt, chẳng biết trôi hồi nào?

Trưa, nắng chói chang. Nhìn xa, nước lấp lánh như vàng rơi trên biển. Chiều nắng tắt, nước đen ngòm. Vùng biển sâu. Chập tối, từ chân trời xa xôi, thỉnh thoảng có ánh đèn nhấp nháy. Chúng tôi khấp khởi mừng. Tàu ngoại quốc. Một chiếc bằng sắt to lớn, cột cao, nhiều tầng, xưa nay chỉ thấy trong sách vở, giờ lồ lộ tiến gần. Trong phút chốc, mọi người bàn cãi lôi thôi. Không thấy cờ hiệu, có người nghi, có thể tàu Liên Xô. Chúng tôi quyết định, không cầu cứu, lặng lẽ mà đi. Điều chúng tôi tin, tàu đã ra hải phận. Nhưng niềm vui chưa lớn thì đột nhiên máy tàu chết. Ông Thúc lui cui kiểm soát các thứ. Chiếc máy mới, nhưng không biết hỏng chỗ nào. Cả đêm chập vạt, ông đồ mồ hôi mà vẫn chưa sửa được.

Nửa khuya, gió cuồn cuộn nổi. Trời vẫn vũ. Mây xuống thấp lòa xòa trên sóng. Nước ngùn ngụt chuyển. Tàu lắc mạnh, nhiều người ngã chúi. Tôi ngồi trong buồng lái giữ hải bàn, một tay ghi chặt thành tàu. Thằng bé Phong ngồi sau đeo lưng tôi chặt cứng. Sóng nhỏ, giật con tàu lên cao rồi chìm sâu xuống thấp. Nước tạt từ trên mũi tràn qua sàn ghe rồi chảy ra ngoài. Gió to, mọi

người kinh hãi chui xuống khoang tàu, phía sau chỉ mình thằng Cồn đứng đó, ngả nghiêng như người say, nhưng hai tay vẫn ôm chặt cần lái. Mỗi đợt sóng dập, tôi rùng mình nhắm mắt, cảm như tim nhẩy thót ra ngoài. Giữa lúc biển gào thét, con tàu chấp chới như cánh điều băng. Chỉ cần một cơn sóng đổ, tàu lật úp. Mới nghĩ tới, tâm trí tôi chìm lìm, tưởng ra lúc chơi vui, dấy dựa rồi ngưng. Không lẽ? cuộc đời tôi chấm dứt ngay tại chỗ này? Rồi sáng mai, mặt biển lại phẳng lặng, sẽ không ai hay chúng tôi đã chết tại đây. Một cảm giác chua xót, bất nhẫn dâng tràn. Đang lúc đó, tôi nghe ông Phươn khóc. Ông lớn tiếng trách mình, rồi kể lể. Lần đầu tiên, bất ngờ nghe một người đàn ông nức nở, trong thoáng chốc tôi ý niệm, sĩ diện, tự ái... rồi sẽ chết trước cái chết con người. Nghe một hồi, tôi nhắm mắt lâm râm cầu nguyện. Một hồi, ông Phươn cũng ngưng khóc đọc kinh. Tàu đa số có đạo, không bảo nhau mà tiếng cầu kinh râm ran. Trước thiên nhiên, con người bất lực mà niềm tin là chiếc phao cứu rỗi cuối cùng. Hình ảnh Chúa, Phật bây giờ trở nên gần gũi. Tâm trí tôi hình dung, đôi mắt Phật nhắm nghiền, thần nhiên mà nhìn mọi việc. Không biết thời gian qua bao lâu, tới khi tôi chú ý, bên tai chỉ còn tiếng cầu kinh. Chung quanh, không biết gió đã ngớt bao giờ.

Qua hôm sau, mới sáng sớm nắng như đổ lửa. Trưa, ông Thúc lội từ khoang máy chui lên, mình mẩy ướt nhẹp, lấm đầy dầu nhớt. Ông giơ hai tay ra hiệu chịu thua. Mọi người ngao ngán, quay ra ngó biển. Gió dào dạt. Nước ngút đầy tầm mắt. Chân trời rõ như một nét bút nhạt chạy vòng mà con tàu là tâm điểm. Bốn phương thẳng tắp nhưng chúng tôi không biết mình trôi về đâu. Con tàu đang loay hoay chỗ cũ hay đã trôi ngược về bờ?

Trưa, mặt trời chiếu thẳng đỉnh đầu. Chúng tôi nằm cong mình như những con cá bị phơi trên cạn. Nắng như thiêu. Nóng và khát. Cơn khát truyền miệng mọi người. Môi tôi nứt nẻ. Tiêu chuẩn một nắp nước chỉ làm ướt kẽ răng. Tôi nuốt nước miếng, cổ họng đau ran. Xa xa, nước bốc hơi, biển lung linh mờ ảo. Nhìn lâu mắt cay sè, những giọt nước ứa ra cũng hôi hổi nóng.

Đói và khát, cuối cùng đánh thức những người say sóng. Hiển, hai hôm tỉnh táo, nhưng khi đến phiên tát nước thì bất ngờ lại ngã ra say. Hấn nằm im ỉm, lâu lâu hé mắt thăm chừng. Công việc tát nước đổ dồn lên đám 'thằng' Hạnh.

Đầu hôm, trăng lơ lửng. Biển dạt dào. Tôi nằm lìm dim nghe nước sóng sánh vỗ vào mạn ghe. Con tàu bèn bồng đong đưa như nhịp võng. Giữ lái cả ngày thằng Cồn mệt, giao cho ông Phươn. Tới nửa đêm, ông Phươn ôm cần lái ngủ gục. Sóng nhồi, tàu lắc mạnh. Mọi người ngủ say như chết. Tôi hoảng, lật đật kêu ông Phươn, thằng Cồn. Không ai dậy. Túng thế, tôi vớ chai dầu quẹt vô mắt ông Phươn. Cay mắt, ông Phươn lập tức thức dậy, vừa bùm mắt vừa mắng tôi ồm tỏi. Thấy ông nổi dóa, tôi quỳnh quáng xin lỗi lia lịa. Chuyện chưa yên thì ở khoang dưới ồn ào, 'thằng' Hạnh đập thùng tuyên bố, không tát nữa. Bôn, Phúc, Bình, Châu cũng khoanh tay thần nhiên coi nước ngập. Cánh đàn ông bắt đầu đổ lỏi. Đang cãi nhau thì ông Phúc ló đầu lên la, mới đây nước đã lên tới máy. Bà Xiếu, chị Xuân rầm ra khóc lóc. Ông Phươn, ông Dư giải quyết, giao quyền cho 'thằng' Hạnh, ai không làm cứ quăng xuống biển. Nhóm 'thằng' Hạnh reo mừng tở mở, cả bọn bắt đầu lùng sục. Người đầu tiên bị xóc là Hiển.

'Ê, Hiển, tát nước.' Hạnh đá chân hắn, kêu lớn.

'Ngộ say sóng mà.' Hiển rên rĩ.

'Thôi đi, sóng say mà thì có. Dậy mau.' Hạnh nạt.

Hiển vẫn nhì nhằng, hấn bám chặt chỗ nằm, nhất định không dậy.

'Ngộ đi xe trả tiền xe, đi tàu trả tiền tàu. Xe hư, tài xế sửa, đâu có bắt khách sửa. Bây giờ tàu vô

nước, sao bắt ngộ phải tát?'

'Trời, giờ này còn nói chuyện tiền bạc.' Có tiếng hứ hé chung quanh.

'Ê mập, tàu ngộ mà không chìm à?.' 'Thằng' Hạnh gầm lên. Rồi hấn kêu lớn, 'Tụi bây, nhào vô.'

'Một. Hai. Ba.' Khi Bôn, Phúc, Bình, Châu vừa ráp tới, Hiền đã bật dậy giạt thùng nhào xuống tát.

Một lúc sau, hết phiên, người khác tiếp. Cả tàu ngán 'thằng' Hạnh, không ai còn tính chuyện đẩy đưa.

Không ngủ được, tôi ngồi dựa buồng lái, trông ra ngoài. Biển ngập trắng. Một màu vàng non nhão nhoẹt loãng khắp trời. Trong đất liền, trắng huyền diệu biết bao, nhưng ở đây trắng dừng đọng man dại, như thể chị Hằng đang trần truồng mà đứng trên không. Gần về sáng, tôi lần thẩn nghĩ ra, có thể trước khi chết, con người tuyệt vọng, cái tâm không còn sức để bám víu đất trời. Ánh trắng tôi nhìn bây giờ hóa thành là trắng chết. Vì tôi, biết đâu cũng đang đi vào cõi chết. Đêm nay biển êm, nhưng ngày mai thì sao? Không biết rồi tôi có? còn thấy được mặt trời lần nữa?

Sáng hôm sau, gió mạnh. Con tàu chạy giạt lùi. Tới trưa, nhiều người nóng ruột xuống phụ ông Phúc một tay, nhưng chiếc máy vẫn im lìm, ngậm tằm như đá. Sửa chân, ông Phúc tức khí nổi điên, đá cái máy toì bời rồi nhào ra khóc. Trên này, khi nấu cơm, tôi lo ngại, gạo còn lửng bốn bát. Kiểu này, có thể chúng tôi chết đói trước khi chết chìm. Ông Phươn, ông Phước quyết định cơm nấu ít lại, ưu tiên cho con nít, lái tàu, thợ máy và những người kiệt sức. Ai còn khỏe, chịu khó cầm cự ít lâu. Hết củi, 'thằng' Hạnh lại gỡ mui ghe. Gỡ xong, hấn ngược mặt nhìn mái ghe toì tả. Chia cơm xong, chúng tôi rầu rĩ nhìn nhau. Con tàu thật đang trôi vào tuyệt vọng. Đột nhiên, Hạnh đề nghị, sao không gỡ mái làm chèo. Mọi người trợn mắt, ván mui dày, trên dưới bằng nhau, sức ai chèo nổi. Nhưng Hạnh không nghe, hấn năn nỉ chí tình, cứ để hấn thử. Khi ông Phươn gạt đầu, cả bọn hăm hở gỡ. Sáu cây dầm tức ba cặp chèo được đéo gọt cẩn thận. Cả giờ sau, bọn 'thằng' Hạnh sáu người, những dân chèo chuyên nghiệp, đặt dầm xuống nước. 'Thằng' Hạnh nhíp nhàng hô, 'Một. Hai. Một. Hai. Một. Hai.' Mọi người nín thở theo dõi. Con tàu trườn tới trước, không biết do sức gió hay sức chèo. Nhưng mới đi được một sào, dầm gãy. Tiếc manh ván, 'thằng' Hạnh nhào xuống biển vớt lên, dành làm củi. Ai nấy thờ dài, hy vọng phút chốc tiêu tan. Tôi nhìn ra xa, biển mịt mù. Gãy chèo, thế là may, bọn 'thằng' Hạnh không có ai kiệt sức trước khi thấy được bờ.

Xế hôm đó, biển lặng. Chúng tôi nhìn xuống nước, cá đặc lênh. Một đàn chuồn xanh tung cánh, sè trên nước. Đám con trai hè nhau nhảy xuống chụp cá chuồn. Không dính. Ngoài khơi, cá không sợ người, xúm nhau rĩa. Một đũa rách quần kêu cứu. Cuối cùng, chúng tôi đành ngồi yên trên tàu xem cá lội.

Chập tối, xa xa ánh đèn nhấp nháy. Mọi người mừng rỡ kêu lên. Tàu nước ngoài. Một chiếc tàu sắt to lớn đen sì. Chúng tôi lynch quỳnh đốt lửa cầu cứu. Vài người lột guốc dép bỏ vào đốt. Ngọn lửa bùng lên, khói nhựa đen bốc mùi khét lẹt. Ai nấy dõi mắt trông chờ. Một lúc sau, ánh đèn trên biển lụi tàn như ánh sao sa, tàu ngoại quốc nhỏ dần rồi mất hẳn. Chúng tôi lủi thủi tắt lửa. Trong bóng tối, con tàu nằm im như những con sấu rình mò trên nước. Rút kinh nghiệm, mấy lần sau chú?g tôi nhóm lửa lớn hơn. Ông Dư nói, mặt biển cong, có lẽ tàu ở xa khó thấy. Nhưng tôi ngờ, ông an ủi mọi người. Lửa lớn, khói bốc cao. Có những tàu tiến gần rồi đứng lại, sau đó lại bỏ đi. Tôi không tin người ta không thấy. Đêm hôm sau, tệ hơn. Tôi đếm nhắm gả?

cả thủy hơn chục chiếc. Đa số khi đến gần, họ tắt đèn lẳng lặng mà đi. Hình như những con tàu đang chơi trò bịt mắt, trốn tìm trên biển.

Hai ngày sau, gạo hết, nước cũng cạn tới đáy. Trong tuyệt vọng, mắt tôi hoa thấy biển lớn hơn trời. Đêm đen đặc, con tàu loay hoay như lọt vào trong hồ mực sâu hút. Nắng, Gió, Đói, Khát quật ngã từng người. Thằng bé Phong, cháu anh Huỳnh lên cơn sốt. Nó nằm thiêm thiếp, lâu lâu mở mắt nhìn tôi, cười. Nụ cười chịu đựng như thể nó đã chấp nhận hết trơn mọi chuyện.

Trưa ngày thứ tám, tàu cạn kiệt. Kể cả người có sức cũng im lặng giữ hơi. Tôi nằm lẳng nghe tiếng tát nước ròi rạc, mơ hồ nhớ lại thuở ấu thời. Cả cuộc đời quay lại trong mấy giây ngắn ngủi. Hình như tôi sống mà như không. Hai mươi mấy năm dằng dẳng, không biết mình đã làm gì. Bây giờ, cá? chết bất ngờ như một nhát dao cắt lia quá khứ. Bất chợt, tôi quay lại bé Phong, thằng bé chín tuổi, tuổi mới bắt đầu, vậy mà, nó giống một chồi non mới nhú cũng bị chặt bừa. Đúng lúc đó, thằng nhỏ mở mắt, miệng mấp máy nhìn tôi như muốn nói. Mấy ngày không nước, môi nó khô khốc, nứt nẻ, tôi mút tay vào miệng rồi thoa lên môi nó. Chỉ có vậy mà thằng bé?cảm động, nước mắt ngấn ra.

Đúng Ngọ, mặt trời chiếu thẳng đỉnh đầu, xuyên qua mũi ghe trống lốc. Mặt chúng tôi sạm nám, chân tay mốc cời vì gió muối. Trên sàn ghe, nhiều người nằm lả. Đàn ông chiếm mũi ghe, đàn bà dồn về phía sau đuôi lái. Nắng rọi bỏng da, tôi mượn chiếc khăn đắp của bé Phong che đỡ. Bên dưới, Vân, Hằng, Bích, Bắc ngồi sát vào nhau. Chị Xuân bế con dựa vào mạn ghe, mặt mũi bơ phờ. Hết sữa, thằng bé trong tay chị dẫy khóc đanh đạch. Vân, cô em chồng tóc tai rối bời, vừa quạt cháu vừa dỗ. Càng dỗ, thằng bé khóc càng hung. Mệt mỏi, Vân đưa mắt nhìn quanh cầu cứu. Khi mắt Vân chạm tôi, cô mừng rỡ kêu, 'Chị ơi, nhờ chị ẵm dùm cháu một chút.' Dễ một đứa bé đói? Tôi ngần ngại nhìn họ rồi quay lại bé Phong. Khi ngược lên, bắt gặp anh Huỳnh đang nhìn tôi ra dấu từ chối. Không suy nghĩ, tôi ngó Vân lắc đầu. Lắc đầu xong, tôi hối hận muốn đổi ý. Nhưng khi nhìn chị Xuân thờ dãi chịu đựng, còn Vân, mắt đầy hờn oán, không hiểu sao tôi lại ngồi im. Tránh mặt họ, tôi cố ngó về phía trước, nhưng hình như con mắt lại chỉ thấy phía sau. Thằng bé mệt rồi ngủ bao giờ tôi không biết, nhưng hình ảnh nó dẫy khóc về sau là một nỗi ám ảnh không rời.

Xế trưa đó, chúng tôi gặp chiếc tàu buôn lớn. Tàu gần đến nỗi chúng tôi thấy cả cái lan can màu trắng và bóng người di động trên boong. Ban ngày, nhưng mọi người vẫn đốt lửa. Hết dếp, tôi hy sinh chiếc guốc cuối cùng. Chiếc này không cứu, gặp chiếc sau không còn gì để đốt. Chúng tôi ngồi nhìn lửa cháy rồi tàn, tàu buôn vẫn trơ ra đó. Ông Dư lại nói, lửa nhỏ quá?có thể họ không thấy. Thằng Bình điên tiết, 'Đồ tàu mù.' Chửi xong, nó cởi phất chiếc áo, phóng mình quyết bơi sang đó cầu cứu. Mọi người thắp thỏm nhìn theo bóng thằng Bình nhấp nhô trên sóng.

'Tàu đậu coi gần nhưng thật ra xa lắm, không dễ mà bơi tới.'

'Họ không cứu, có kêu cũng bằng thừa.'

'Coi chừng, xa như vậy, thằng Bình có sức đi mà không có sức về.'

Sóng cuộn, cá mập, những nỗi đe dọa càng lúc? càng nhiều. Chúng tôi quyết định, sống chết cùng chia, không thể để Bình một mình mạo hiểm.

'Bình ơi, về đi.' Nhiều người bắc tay kêu lớn. Nhưng gió?tạt, âm thanh chìm trong tiếng rì rào của biển. Bóng thằng Bình bật tằm. Thằng Châu lo lắng, nó nhảy ùm xuống nước, xung phong đi gọi thằng Bình. Khi Châu ra một đổi xa, 'thằng' Hạnh nóng ruột cũng phóng theo. Trên tàu,

chúng tôi tiếp tục kêu tên. Một lúc sau khản giọng, tiếng la càng rì rạc. Khi chúng tôi im bật thì 'thằng' Hạnh xuất hiện, sau lưng là Bình và Châu. Mọi người vỗ tay, hoan hô và cảm động như đang đón những người lính khải hoàn.

Ngày thứ chín, có người xỉu. Tôi lơ mơ nghe ngóng. Ngất hay ngủ, cũng giống nhau thôi. Con người chỉ khác khi sống và chết. Tàu chưa chôn ai. Tôi nằm bất động, nhưng thần trí như thoát ra và lướt chơi trên biển. Khi nhìn lại, con tàu trông giống một chiếc tù trời.

Chiều về, mặt trời tàn tạ lừng chừng. Tàu đang vật vờ, bỗng một tiếng nổ bật lên. Chúng tôi giật mình, mở mắt. Tiếng thứ nhì lại bật. Không phải mơ, là thật. Tiếng thứ ba xình xịch, rồi liên tục không ngưng. Máy tàu nổ. Trời ơi, mọi người choàng tỉnh. Con tàu thức dậy như sau giấc ngủ trăm năm. Huyền thoại. Cả một thế giới nhỏ nhoi bùng dậy. Niềm vui đột phá. Mừng quá, nhóm 'thằng' Hạnh nhảy múa tưng bừng. Tiếng máy nổ xình xịch, con tàu vui như người cảm biết nói. Chúng tôi ôm nhau la hét tưng bừng như chưa có ai đối, chưa có ai kiệt sức ngất đi. Hôm đó, tôi nhìn thấy mặt trời là đóa hướng dương, vàng tươi như cúc, nồng ấm như trà, sóng sánh như rượu ngó qua những lớp thủy tinh màu sắc.

Khi mặt trời sắp tắt, niềm vui cũng lắng dần. Ông Thúc dưới hầm ghe bước lên, hỉ hả. Chúng tôi nhìn ông như một vị cứu tinh cao cả trên đời. Hỏi nguyên nhân, ông cười, có gì đâu, máy chạy ngày đêm hết nhót mà quên châm, thế là tắt. Mọi người kêu trời, nhưng không ai trách.

Tối đến, trời không trăng sao. Máy ngày trôi nổi, không biết tàu đang ở đâu. Không có vị trí, không ai chấm được tọa độ. Hải bàn, hải đồ có cũng để chơi. Không định hướng, con tàu như người mù dẫm sầm vô bóng tối.

Mười giờ sáng hôm sau, bất ngờ có tiếng động cơ phàn phật. Một chiếc trực thăng quân đội có ngôi sao trắng đang quần sát đầu tàu. Chúng tôi ngược mắt nhìn. Trời ơi, máy bay Mỹ. Tim mọi người như thoát khỏi lồng ngực mà la, 'Sống rồi. Sống rồi.' Kể cả người sắp chết cũng biết đứng lên. Đàn ông cởi áo phật. Đàn bà, con nít chạy ùa ra trước. Chúng tôi hét inh trời. Rồi cười. Mừng, ôm nhau mà khóc.

Cuối cùng, chiếc trực thăng sà thấp. Một người lính thò đầu chỉ trở phía trước. Phút chốc, máy bay cất mình lên cao. Vừa bay, họ vừa bỏ trái khói ra đầu cho chúng tôi theo.

Mười hai giờ trưa, chúng tôi thấy tàu Mỹ. Đó là một chiến hạm lớn, có đại bác, máy bay và sân đáp. Tôi đọc hàng chữ to bên hông, sát mũi con tàu. USS- Callaghan 994, là ân nhân đem chúng tôi trở về cuộc sống.

Ngày hôm sau, tàu cập vịnh Subic. Chúng tôi làm thủ tục vào Phi. Chiều, đặt chân lên đất liền, tôi ngoái đầu nhìn biển. Biển Subic có màu ngọc thạch. Mặt trời lấp ló sau những rặng dương. Cảng giống như tranh vẽ. Tôi chợt nhận ra, trời biển chỉ đẹp khi ngấm từ trong đất liền. Không có đất, con người không còn chi để đứng.

Sập tối, cả nhóm được chuyển tới thủ đô Manila. Lần đầu tiên ra nước ngoài, tôi choáng ngợp. Thành phố rực sáng như một thảm trên châu trái rộng. Nhìn những cao ốc khang trang, tôi chạnh lòng xót cho những con hẻm tối tăm ở quê nhà.

Chúng tôi nhập trại chuyển tiếp vào lúc nửa khuya. Ban quản trị cấp tốc phát mền chiếu, vật dụng cá nhân rồi chỉ chỗ qua đêm. Sáng hôm sau, bình minh mọc từ phía sau lưng trại. Dưới ánh nắng, trại chuyển tiếp là một dinh thự hoang tàn. Trước, nó nguyên là bệnh viện công, sau trở thành tài sản riêng của bà Marcos. Người đàn bà nổi tiếng có ba ngàn đôi giày nhủ lông

thương, cho người ty nạn làm nơi nương náu.

Trại có ba gian. Gian chính, nhà kiểu Pháp, xây kiên cố, tường vàng vọt dùng làm văn phòng tiếp nhận, trạm xá. Phía sau là nơi ban quản trị cư ngụ. Bên hông có hành lang nhỏ thông qua căn lầu. Lầu đồ nát, chỉ mé sau còn kín, chúng tôi sáu mươi hai người ăn, ngủ tại đó. Ban quản trị cẩn thận dặn, đừng để trẻ chạy nhảy mạnh, e lầu sập. Gian cuối là dãy nhà tôn nằm sau trại, dùng làm nhà tắm, phòng vệ sinh. Mỗi là? gió Đông thổi, mùi xú ối nồng nặc. Rào trại là những đồng gạch ngổn ngang, vài ba cây cỏ thụ trợ trội ngăn chúng tôi với thế giới bên ngoài.

Đạo một vòng xong, tôi trở về chỗ. Nhóm đang họp. Ông Dư trưởng nhóm thông báo, chốc nữa Cao Ủy tới lập hồ sơ, mọi chi tiết chuyển đi phải được khai báo. Tin hành lang cho biết, những tàu có bạo hành, hãm hiếp, cướp giết, lường gạt,... đều bị giữ lại để điều tra. Mọi người quét mắt về nhóm 'thằng' Hạnh. Ông Phươn nói, chúng ta sống chết có nhau, giờ đã tới bờ, tất cả nên quên chuyện cũ. Ông Phươn chưa dứt lời thì Hiến ngắt:

'Quên sao được? Có người định giết ngộ.'

Chị Xuân cũng lên tiếng, 'Còn cháu bị mất một khâu, anh nào lấy làm ơn trả dùm.'

Nghe vậy, ai nấy nhớ chuyện Bảy Búa lục túi xách trên cồng. Nhiều người nhao nhao. Kề mất vàng, người mất tiền. Những cái túi ở lại, không cách chi kiểm chứng. Bọn 'thằng' Hạnh một mực kêu oan, chúng nó đi với hai tay không, tất cả đồ đạc Bảy Búa giữ. Mọi người nhìn lại làm thinh. Quả, thằng nào cũng chỉ có một bộ đồ dính da làm vốn. Nhưng chị Xuân nhất định khô?g tin, đòi cho được tiền mua sữa. Chị bảo, nếu không, có sao chị khai vậy. Mọi người hoảng, ai nấy xúm nhau thuyết phục. Kề cả bà Xiếu là nạn nhân chính cũng lên tiếng khuyến lơn. Cuối cùng, 'thằng' Hạnh tức mình đứng ra nhận, nhưng khát, khi hẳn có sẽ trả ngay. Mọi người gặt gù, ra về tán đồng. Không còn cách chi hơn, chị Xuân đành gặt.

Chuyện tạm êm, nhưng quá khứ vẫn là cái án treo, đám 'thằng' Hạnh thất thế thấy rõ. Gặp người lớn, Hạnh lễ phép xưng con. Bọn trẻ trong nhóm bắt chước nói leo, có đứa nói trỏng hoặc gọi Hạnh bằng 'thằng'. Hẳn mỉm cười, dễ dãi. Nhưng lạ nhất là bà Xiếu. Đã không oán đám 'thằng' Hạnh, những trưa rảnh, bà chăm chút khâu quần áo cho cả bọn. Tôi nghĩ, dễ mà gặp được người có tâm bồ tát, như bà.

Mấy ngày đầu, ban quản trị phát gạo củi và một nồi, một chảo, cả nhóm nấu ăn chung. Đàn ông xách nước, chẻ củi, đàn bà nấu cơm. Bếp là một góc lầu bệ bên ngoài. Cơm nấu bằng nồi lớn, chảo dùng đựng thức ăn. Cơm tập thể, chưa xong chén thì đã sạch nồi. Mấy đứa con trai đói, gõ bát, hát như rên. Mới sập tối, tôi xốt ruột, anh Huỳnh chia cho một tô cơm lớn. Hối, hóa ra là cơm để dành. Chưa nuốt miếng nào mà bụng tôi đã ứ đầy ác cảm.

Ăn xong, tôi lăn ra ngủ. Mười ngày trên biển, tôi tỉnh táo, nhưng khi lên bờ đầu óc choáng váng. Xuống trạm xá, bác sĩ bảo tôi say đất, chỉ mấy ngày sẽ khỏi. Tôi nằm, khi tỉnh khi mơ, nghe loáng thoáng tiếng Bắc vừa dọn cơm vừa háy trổng, 'Thứ người chi lười như quý.' Vần kèm nhèm, 'Họ tưởng, chúng mình là đầy tớ cho họ đấy.' Nghe vậy, tôi nhướn mắt nhìn. Vần oán, tôi hiểu, nhưng Bắc ghét thì lạ. Bắc mới mười sáu, da trắng, môi hồng. Cặp mắt to, đen láy, ánh mắt dễ đắm lòng người. Nhưng ưa nhìn nhất là bộ ngực, hây hây một cặp lê căng phồng dưới manh áo mỏng. Tôi thấy, Du cũng thấy. Từ lúc lên bờ, anh chàng vẫn lén lút nhìn Bắc như ngây.

Buổi sáng, trại thường có những cơ quan từ thiện đến thăm. Họ phát cho quần áo, mùng, mền, thau, thùng, nồi, chảo. Nhóm tôi, Sáu Mười Hai-Subic, công bằng tuyệt đối, tính theo đầu

người, không phân biệt già trẻ lớn bé. Một cuộn dây cũng cắt ra sáu mươi hai khúc bằng nhau. Tôi lấy một khúc, căng làm sào phơi. Chiều áo khô, tôi định cuộn dây lại, bất thần bé gái con ông Thúc nhào ra giành. Mặc tôi nói, nó nhất định bảo, 'Khúc này là của con.' Rồi la toáng, gọi bố. Ông Thúc từ trong chạy ra, chưa hỏi ra lẽ đã bênh chăm chặp, 'Khúc này là sào của cháu đấy, cô ạ.' Tôi há miệng định cãi, nhưng nghĩ sao lại thôi. Nhìn hai cha con mau mau gom những sợi dây đem cắt mà tôi ngán ngẩm.

Thơ thần ngoài hiên một hồi bỗng dừng tôi chú ý, trời không bóng chim mà tiếng hót vang lừng. Dòng tai nghe, tôi nhắm đếm những con chim đang ẩn mình đâu đó. Có tiếng tíu tít, có tiếng ngân dài, có tiếng rút nghẹn như nuốt lời vào cổ. Trong tích tắc đột nhiên tôi nhận ra, cái hạnh phúc được nghe tiếng chim chính là cái giây phút tôi hiện hữu. Tôi còn sống đây mà. Tôi mới vừa giành lại tánh mạng của mình từ bàn tay tạo hóa. Còn niềm vui nào lớn hơn? Trời ơi, sá gì một khúc dây lẽ tẻ.

Hôm sau, nhóm quyết định nấu ăn riêng. Gạo, củi chia đều. Gạo, mỗi người một chén; củi, mỗi người một cây. Gia đình ông Phươn, ông Thúc là hai gia đình lớn ưu tiên dùng nồi. Những người khác mua từ những người Phi bán dạo. Bếp không nhiều, mọi người thay phiên nấu. Đợi mọi người nấu xong, tôi mượn Bích cái nồi rồi chờ bếp của Bắc. Gia đình đông, Bắc nấu nhiều thứ linh kinh. Cuối cùng, khi nhắc nồi ra, Bắc vói tay múc một thau nước đầy tạt bếp rồi nhếch môi cười. Nước văng tung tóe, tiếng lửa lèo xèo, tro bốc bụi mịn mù. Tôi, một tay cầm củi, một tay cầm nồi, ngơ ngẩn nhìn theo những lọn khói leo qua cửa sổ để thoát lên trời. Buổi sáng đó, trời quang mây tạnh mà lòng tôi cũng ráo hoảnh không ngờ.

Theo thủ tục, lập hồ sơ xong, Cao Ủy Ty Nạn chuyển danh sách qua phái đoàn JVA phỏng vấn và cứu xét định cư. Trong thời gian chờ đợi, mọi người được chuyển tới trại ty nạn chính ở Palawan học Anh ngữ. Mấy ngày cuối ở trại chuyển tiếp, không khí rộn rịp hẳn. Chuẩn bị cho chuyến đi xa, những người có vàng hoặc có thân nhân đã định cư mua sắm tưng bừng. Nổi nhất là chị Xuân và bà Xiếu. Chị Xuân lột xác, đổi đồ đầm sang hơn dân bản xứ. Bà Xiếu ngày ngày ra phố, chưng diện lòe loẹt. Vài ông tài sản khách, rờ xe chờ ngoài đầu ngõ. Những chiếc xe đồ hai bên hông vẽ hình rồng phượng, đầu mui có gắn cả bầy ngựa giả đang thi nhau giông ruổi. Người Phi tin, rỗng ngựa nhiều, xe chạy như bay, càng đất khách. Thấy trại đông, mấy đứa trẻ bán dạo cà rà mời mọc. Hàng lật vật đủ thứ. Tôi ghé mắt vào coi, bất thần tá hỏa. Những hộp diêm in hình các cô gái trần truồng không che tí vải. Nhóm tôi giành nhau xem, đàn ông cười ngật ngoẻo, đàn bà đỏ mặt bỏ đi. Chỉ bọn trẻ Phi tinh bơ, dường như người mặc quần áo hay không, chúng coi không khác.

Tới Palawan, chúng tôi biết ra, đây cũng chỉ là trại chuyển tiếp thứ nhì. Khi được quy chế ty nạn, người ta sẽ chuyển qua trại Bataan. Đó là trại dành riêng cho những người đi Mỹ. Đi nước khác, phải chờ thân nhân bảo trợ và được phái đoàn các nước chấp nhận. Trong nhóm, chỉ vài người đi Úc, Pháp, đa số còn lại đều chờ đi Mỹ. Thời gian ở Palawan dài ngắn còn tùy, hồ sơ trót lọt, kết quả phỏng vấn, và nhiều vấn đề linh tinh khác. Không biết ai bày, mới vào trại nhóm 'thằng' Hạnh đi lòng khắp nơi để tìm cho ra một ông thợ hớt tóc. Thợ tay ngang, cắt tóc thí, nhấp đầu cả đám bằng cây kéo lứt. Bộ tóc mới lúi xùi nhưng hết vẻ bụi đời làm Hạnh đắc ý. Hấn nói, cạo trọc cũng được, miễn sao đừng làm phái đoàn sợ.

Palawan, đúng ra là tên đảo. Trại ty nạn nằm dọc bờ biển, phía sau là đồng hoang, cỏ cao lút đầu. Cổng chính có đường lớn dẫn ra phố. Bên kia đường có vài ba quán bán bia kiem hàng xén. Buổi tối, quán bia trở thành tiệm rượu rồi biến ra vũ trường. Có tiệm chỉ chuyên chiếu Kung Fu, ban ngày chiếu phim người lớn. Trẻ vị thành niên thường là khán giả trung thành của những tiệm này.

Trong trại có chín khu, gồm chín dãy nhà tập thể, cất theo kiểu tiền chế. Nhà bằng cây cao ráo, nhưng không cửa, không vách. Vào lúc trại đông, lính địa phương giúp cho cây lá, dân tỵ nạn tự cất thêm nhà. Những căn nhà tự lan tràn thành khu xóm, hàng quán cũng mọc lên khắp nơi. Thường, trước khi chuyển trại, chủ nhà tìm cách sang nhượng cho người khác. Giá cả thả nổi, lên xuống tùy căn, tùy lúc. Người có tiền xem thời gian ở trại là thời gian nghỉ ngơi trước khi hội nhập xã hội mới. Đối với kẻ không tiền, có những nỗi khổ buồn cười không nói được.

Vào trại mấy ngày, nhóm tôi đã tản đi gần hết. Nguyên dãy nhà tập thể khu Chín dành cho người mới tới chỉ còn lại Hùng, Hằng, nhóm 'thằng' Hạnh và tôi. Ban ngày, cả bọn kéo nhau la cà khắp trại, ngóng tin. Tối về trễ phải trèo cổng mà vào. Riêng anh em Hằng cả ngày quần quýt, nửa đêm tôi phát giác, hai đứa ngủ chung một mùng.

Nhóm tôi may, tới trại mấy ngày đã được phái đoàn gọi lên phỏng vấn. Mọi người ăn mặc tươm tất, ngồi chờ trước văn phòng Cao Ủy. Chú Dư điểm danh. Đúng một giờ, phái đoàn gọi tên. Tới ba giờ, buổi phỏng vấn kết thúc. Hồ sơ bị kẹt là Hùng và Hằng. Hóa ra, họ không phải anh em, mà là một cặp tình nhân bỏ trốn. Điều rắc rối là Hằng mới mười sáu, phái đoàn cứ buộc Hùng phạm tội dụ dỗ trẻ vị thành niên. Mặc Hằng khóc lóc thề thốt, người Mỹ vẫn khư khư thi hành đúng luật.

Cuối cùng, mọi người về. Tôi băng qua sân cò, đến phòng thông tin xem danh sách thư tín. Đi nửa sân gặp thằng Cỏ ngược đường về. Chưa hỏi chuyện, Cỏ đã huơ tay, hôm nay không có thư. Rồi nó nhăn nhó bảo, trông thư như trông trúng số. Tôi đứng lại hỏi thăm. Hóa ra, cả đám chưa có tiền gửi thư nhưng ngày nào cũng mong tin nhà. Nó nói, không ai báo, có thể gia đình tưởng mình đã chết. Nghe vậy, tôi an ủi qua loa rồi giả lả xoay qua khen bộ đồ đẹp. Không ngờ, nó cười rộ, đứng giữa đường giơ áo cho xem. 'Trời đất ơi!' Tôi kêu lên rồi cười phá ra. Cái quần mượn, lưng rộng rinh, được buộc lại bằng một sợi dây dù. Dây quá dài, nó thâu lại bằng cách thắt một gút lớn, phủ áo xuống, giữa bụng thấy lòi ra một cục.

Cả buổi tối tôi lơ mơ cứ nghĩ tới cái rồn lồi thằng Cỏ. Sáng hôm sau, tôi qua ban xã hội xin một ít quần áo trong kho. Trong mớ đồ cũ tôi lựa được những chiếc còn mới. Nhưng chưa tìm đâu ra dây nịt cho Cỏ thì Bôn báo tin, nhóm nó dọn sang nhà mới. Không biết 'thằng' Hạnh xoay đâu ra khá tiền dẫn cả bọn ra phố sắm đồ.

Hai ngày sau, tôi cũng dọn nhà. Người bạn mới tên Thu, giáo viên Nha Trang, vượt biển một mình. Nhà của chị cột xiêu, mái rệu, nhưng kín đáo. Bên trong, có hai giường nhỏ, chính giữa là bếp. Chị lớn hơn tôi hai tuổi, người trầm tĩnh, hiền lành.

Xóm nhà mới chỉ vài căn, nằm sau phòng Thông Tin. Căn đẹp nhất, có lầu, sát bên vách là nhà Chiến, một gã hàng xóm nguy hiểm. Nghe đồn, hẳn trước là bộ đội bán bãi, lừa gạt nhiều người. Tới trại bị nhận mặt nên hồ sơ xin định cư nước nào cũng bác. Ở trại lâu, hẳn chai lì. Sáng, làm thuê ở đâu không biết, chiều ngồi vắt vẻo trên lầu, vừa uống bia vừa ca hát. Thấy tôi tới, hẳn ngưng bật, lừ mắt coi như coi quái vật. Ban ngày chỉ có vậy, ban đêm hẳn mới giờ trò. Mỗi tối sau tiếng keng báo ngủ, đợi đèn đuốc tắt ngúm, hẳn chõ miệng vào vách rồi rên ư ử. Tiếng rên như tiếng mèo kêu, một giống thú động tình lạc điệu. Nghe lâu ngày, chị Thu quen, nằm xuống ngủ ngon lành. Còn tôi trần trọc, vừa kinh vừa tởm.

Để tránh Chiến, buổi sáng, tôi học Anh ngữ, tối có lớp Cultural Orientation, gọi tắt là C.O. Giáo viên Phi, dạy về đời sống Mỹ. Sau này tôi mới biết, đó là kiểu người mù tịt voi, vì chính họ cũng chưa đến Mỹ lần nào.

Những lúc không có lớp, tôi thường ra thư viện, nơi lý tưởng trong trại. Phòng sách nhỏ, yên

tĩnh, có cửa sổ trông ra biển. Để tâm hồ? vào sách cũng là cách tập cho mình tĩnh táo nhìn đời. Lúc hết giờ, tôi lang thang ra bãi. Dải cát bám đầy rong. Qua khỏi trại, một vườn dừa hoang dày đặc, chạy dài. Từ đây, những người Phi quê mùa, mặc vá, xách xô thường vòng sang trại vừa đi vừa rao, 'Chạp-bu'. Họ xin cơm thừa. Xin làm gì không biết. Cũng có người gánh dừa đổi gạo. Chạp tối, họ rời trại, tới vườn hoang thì lẩn vào trong mát dạng. Mỗi chiều, tôi cũng dạo tới đây thì ngừng. Khi ngược về vừa lúc trại lên đèn. Đi dăm bước nữa tới cả? câu cá. Cầu bằng ván, bả? lửng lơ ra biển. Khúc này sâu, sóng sạt bờ nên người Phi xây một cái thành đá. Lúc sẩm tối, tôi thích ngồi trên đầu thành ngắm sóng. Đằng sau, tiếng nhạc xập xình vẳng ra từ xóm nhà 'thằng' Hạnh.

Một tháng sau, tình hình Phi đột nhiên căng thẳng. Phe đối lập mưu toan lật đổ chính quyền. Tại Manila, các tổ chức liên hệ biểu tình rầm rộ chống Marcos. Khắp nơi, lệnh thiết quân luật ban hành. Sản xuất đình trệ. Bên ngoài, vật giá vùn vụt leo thang. Trong trại, người tỵ nạn thân nhiên đến dừng dưng. Mọi người chỉ có nước chờ. Khi an ninh vẫn hồi, phái đoàn các nước trở lại tái phỏng vấn lần chót, rút ngắn thời gian tạm dung. Điều tôi thấy lạ là, mặc tình hình bất lợi, Cao Ủy vẫn tiến hành dự án phát triển. Người tỵ nạn được thuê đào mương, đắp đường mở mang ngay trong trại. Công lao động mỗi ngày được một đô tiền mặt.

Sau mấy tuần, lớp C.O. chuyển sang dạy nhảy. Nhiều người bỏ lớp, ở nhà. Thời gian này, hình như chị Thu có bạn mới nên vắng nhà thường. Tôi cũng hoành hoành đó đây trong trại. Những con đường mới đầy mô gò, nhưng tương lai nhiều hứa hẹn. Một mai trại đóng cửa, vấn nạn thuyền nhân chấm dứt, người Phi cũng có thể cấp cho những kẻ không nhà.

Lang thang một hồi, cuối cùng, tôi cũng trở về con đường lớn. Đây là con đường huyết mạch, tập trung những sinh hoạt chính. Tôi không ưa sự nhộn nhịp của con đường này, mà chỉ thích cây Si trước cổng. Cội Si già, cành oằn, tán mỏng. Từ gốc nhìn lên, cứ như ai lấy bút vạch trời.

Lễ Phật xong, tôi băng qua nhà thờ rồi vòng ra bãi. Biển trước mặt. Tôi nhìn những đợt sóng ngàn năm cứ vật vã vào bờ. Như những buồn vui, tranh chấp trong trại mỗi ngày cứ lập đi lập lại. Mãi lúc trời tối tôi mới quay về. Khi tới cái bờ đá đột nhiên tôi chú ý. Ai như 'thằng' Hạnh đang ngồi gục đầu ói mưa. Tiếng ựa dồn thúc, rồi hấn nôn ọe.

'Ê, nè, anh... có sao không?' Tôi rụt rè hỏi.

Hấn ngược lên, miệng mồm ướt dãi, rồi xua tay như đuổi. Nhưng tôi không đi. Hấn gục đầu, ói tiếp. Không chừng, hấn sẽ mưa tới mặt xanh. Tôi bật chạy, hốt hải kêu người giúp. Nhưng vừa trờ tới đầu ngõ đã thấy một đám lố nhố trở mắt đứng cười rần.

Hôm sau, tôi gặp Côn, Bôn ở phòng Thông Tin, hai đứa còn hếch miệng cười. Tụi nó kể, cả bọn không tiền, 'thằng' Hạnh liều mình bán thân, làm 'vợ' một thằng thầy giáo Phi. Thấy tôi trối mắt ngạc nhiên, Côn nói, thằng Phi là dân gay, ai chịu làm 'vợ', hấn cho ba mươi đô một tháng. Thằng Phi cưng 'vợ', bia, thuốc, rượu, thịt,... muốn chi cũng có. Đêm động phòng, cả bọn ở ngoài theo dõi. Không biết thằng Phi làm chi mà Hạnh kinh tới nổi, hấn tông cửa, phóng trối chết ra ngoài.

'Thật sự, cả nhóm không ai có tiền à?' Tôi nghi ngờ hỏi. Thầm nghĩ, chả lẽ Bảy Búa không chia cho hấn đồng nào.

Thằng Bôn chối lia, 'Ông Bảy nghèo lắm. Tụi em có, nhiều khi còn cho lại ổng.'

'Nghèo gì?' Tôi không tin, 'Bảy Búa to béo. Dân anh chị, chuyên chém lộn, có cái thẹo trông

phát khiếp.'

Nghe vậy, Bôn, Cồn phá ra cười ngặt ngoẽo, 'Trời, thằng chả bị phù mà.'

'Còn cái thẹo? Ở?g bị người ta chém chứ đâu phải vác dao chém người ta, mà sợ.'

'Thật à?' Giọng tôi vẫn nghi hoặc, 'Nhưng rõ ràng, ông ta vừa ăn cướp vừa hiếp người.'

'Hiếp ai?'

'Bà Xiếu.'

Tôi vẫn nhớ lúc bà Xiếu chạy ra, quần áo xốc xếch, mắt mũi tèm lèm.

Không ngờ, Bôn, Cồn kêu trời, 'Đâu ai hiếp bà. Lúc kéo vô bụi, tụi em năn nỉ muốn gãy lưỡi, nhưng bà nhất định không chịu lời một cắc. Bà than, tui còn nghèo hơn mấy chú.'

Tôi lại hỏi, 'Thật à?' Rồi cười ngượng ngập.

Không ai nói gì thêm. Một chút sau, thằng Cồn thở dài, 'Lúc túng quẫn, con người ta hay nghĩ bậy, làm càn.'

Cuối năm, gió chuyển mùa. Mới sáng sớm, nắng hanh vàng khắp nẻo, báo hiệu mùa khô hạn bắt đầu. Tôi may mắn có tên trong đợt chuyển trại đầu tiên. Ngày đi, tôi vác hành lý bước trên con đường chính. Xin chào biệt Palawan, chào cây Si, chào những ngọn sóng chiều. Mắt tôi bỗng nhiên ướt sũng. Có ai đó đỡ hộ hành lý lên xe. Điềm danh xong, xe lăn ra chậm chậm. Tình cờ, tôi chợt thấy 'thằng' Hạnh trong số người đưa tiễn. Hắn vác cuốc trên vai, nghe nói mới xin đi đào mương cho Cao Ủy. Một người trong nhóm vẫy tay, hắn cũng quơ quơ cái cuốc mà chào. Lần đầu tiên tôi phát giác, khi vui mắt hắn khờ và môi cười tươi như con gái. Tôi chắc, thằng thầy gay thích hắn vì nụ cười này.

Phụ đính:



Mũi lao

Ngôi trường trung tiểu học nằm cuối con đường Thiệu Trị, cạnh đó là bến đò Lê Quang Liêm, ngã sông rẽ vào Rạch Ông Buông, chảy thông ra Phú Lâm. Nhờ gần sông rạch, sau lưng trường có một cái ao cạn bỏ hoang.

Năm 76, hưởng ứng phong trào 'trồng cây nhớ bác', bà Hiệu Trường vận động toàn thể giáo viên học sinh xuống ao vét bùn đắp thành bờ đê xung quanh. Sau ba ngày thi công, cái ao cạn thành ao cá Bác Hồ. Vườn cây là bốn bờ đê trồng bốn mươi cây Mãng Cầu Xiêm, loại cây ghép giống Bình Bát mới phổ biến, chỉ ba năm đã có trái.

Thành tích này đã biến ngôi trường trung tiểu học nhỏ hẻo lánh trở thành một ngôi trường tiên tiến nhất thành phố. Ngoài việc bận rộn tiếp đón các phóng viên báo chí đến chụp hình, phỏng vấn, ban Giám Hiệu còn đôn đốc tất cả mọi người lúc nào cũng phải đặt mình trong vị trí khuôn mẫu, vì bất chợt có thể có các đơn vị trường bạn đến học tập gương tiên tiến điển hình mà trường đạt được.

Thời gian sau, những đợt thăm viếng ngớt dần. Các trường bạn vẫn không sao học tập được tám gương trồng cây nuôi cá. Đối với những trường trong quận huyện nội thành, kiếm một miếng đất đen trồng cây lấy bóng mát cho trẻ chơi đã khó, còn nói chi đến chuyện đào ao lập vườn.

Không có ai phá thành tích lao động kể trên, nên trường nghiêm nhiên đoạt danh hiệu tiên tiến nhất thành phố trong năm năm liền. Tập thể giáo viên mừng thầm, chỉ một lần bỏ công, mà năm nào trường cũng về nhất.

Qua năm thứ sáu, ban Giám Hiệu bắt đầu cảm thấy lúng túng khi làm bản báo cáo thành tích hàng năm. Thầy Mang, trước là Hiệu Phó, nay mới được đề cử thay bà Hiệu Trường vừa lên Ban Giáo Dục nhậm chức Phó Ban, không lý do gì lấy thành tích cũ làm của mình. Hơn nữa, không thể báo cáo mãi cái thành tích đến lần thứ sáu. Thầy tính nẫu người. Mấy hôm thăm ao, bùn đóng đáy rất dày làm cá rô phi sinh sản kém, giờ cũng nên tính chuyện vét ao. Nhưng mới nói dèm, phía nữ đã phản đối kịch liệt. Phải có một thành tích mới. Dự án thì không thiếu. Cái khó chính là chỗ vận động con người khi họ cố lách mình ra khỏi các cuộc thi đua. Sức mạnh của phong trào thi đua giống như một cơn lốc. Trong đó, mọi vật toát ra một hấp lực tác động lẫn nhau, cái nọ đẩy cái kia để sau đó tất cả cùng bốc lên trời.

Cuối cùng ban Giám Hiệu nghiệm ra rằng, họ không thể nào ngưng đạt danh hiệu tiên tiến. Vì mất, có nghĩa là cả tập thể giáo viên tụt hậu. Dù có viện lý do gì, cũng sẽ không được Ban chấp nhận. Vì chính Ban cũng không thể giải thích trên cấp Thành, họ không giữ được số trường tiên tiến do Ban quản lý. Cũng cùng một mối ưu tư như thế, cấp Thành nhắc nhở Quận trước mùa báo cáo tổng kết cuối năm. Và Ban Giáo Dục Quận lại chạy xuống trường đôn đốc, động viên.

* * *

Thầy Mang thả người trên chiếc ghế bành, thở phào. Cuối cùng, mọi việc hoàn tất như dự định. Bản tổng kết thành tích toàn trường dày mười lăm trang đánh máy. Mỗi trang là một thành tích của mỗi khối, nói lên sự nỗ lực của tập thể thầy trò trong cả năm.

Quan trọng nhất là cách viết. Đôi khi cùng một sự kiện, mỗi người viết một cách. Người viết ví như người đầu bếp, tuy cùng dùng những vật liệu mà mỗi bát phở có những hương vị khác

nhau.

Với ngòi bút linh động, giọng văn hùng hồn, và lối diễn giải sinh động, thầy đã trở thành thói nam châm thu hút sự thán phục của gần ngàn cử tọa. Những buổi xét duyệt, bình bầu đơn vị xuất sắc của Đại Hội toàn ngành cấp quận, cấp thành đều thông qua nhanh chóng. Một lần nữa, trường trung tiểu học P.Đ. đạt được danh hiệu xuất sắc toàn thành lần thứ sáu. Thêm một phần thưởng khác, thầy được bình tuyển là Chiến Sĩ Thi Đua xuất sắc của thành phố. Sự bất ngờ này đã làm thầy lúng túng khi lên nhận cờ và bằng khen. Lẽ ra, phải nói một lời gì đó để cảm ơn và hứa hẹn, thầy lại lập cập không ra lời. Khi bước xuống khán đài, tiếng vỗ tay còn chưa ngớt. Âm thanh cứ bay bổng lên cao. Thầy lướt qua những hàng ghế, tay vẫy cao cờ hiệu. Những ánh mắt, những nụ cười rạng rỡ ngó theo.

Giữa rừng người hớn hờ, thầy dễ dàng nhận ra đơn vị mình. Sắc mặt họ nghiêm và hơi tái. Thầy cũng tắt nụ cười, ngồi cạnh họ. Tất cả chuyền tay nhau ngắm nghĩa lá cờ hiệu. Không ai nói với ai câu nào. Họ chỉ nhìn nhau, ái ngại.

* * *

Hơn mười giờ sáng. Anh Hai, nhân viên hành chánh lững thững tới trường. Giờ học, sân trường vắng vẻ. Mấy con chim se sẻ vừa sà xuống sân, nghe động vụt bay lên. Anh dựng xe đạp sát bờ tường. Lục trong túi vải một bức thư khấn trên Ban Giáo Dục Quận gửi, anh có lý do tới trễ.

Ban Giám Hiệu vắng mặt. Người tiếp thư là ông Miên, thư ký hành chánh thâm niên. Ông nhắc cặp kiếng, đọc đi đọc lại lá thư nhiều lần. Khi ông nhìn lên, đôi mắt thẳng thốt, lo âu.

'Chết cha rồi. Vậy là tiêu.' Ông rên rỉ, 'Ông Mang đâu?'

Một nhóm giáo viên trẻ đang rì rầm trò chuyện ở cuối phòng, ngạc nhiên đưa mắt nhìn.

Ông Miên giải thích, 'Ban Giáo Dục thông báo, ngày mốt trên Sở xuống tham quan trường mình. Trời ơi, vậy là... chết.'

'Không sao đâu,' Thầy Huy trấn an, 'Họ xuống mấy lần rồi mà'

'Thì cứ cho họ coi ao cá, rồi tặng mặng cầu như năm rồi.' Một anh giáo viên thể dục tiếp lời.

Ông Miên xoa tay:

'Lần này khác. Năm nay trường mình đạt danh hiệu tiên tiến toàn thành lần thứ sáu. Ngoài điểm vượt chỉ tiêu dạy và học ra, nổi bật nhất là thành tích lao động. Vụ ao cá xưa rồi. Kỳ này, nhờ ông Mang báo cáo trường mình thành công trong việc nuôi bò nên mới đạt tiên tiến. Từ một con bò mẹ, bây giờ mới đẻ ra một con bò con.' Đoạn, ông hạ thấp giọng, 'Chủ yếu là họ đến cốt để xem bò.'

Mười cặp mắt tròn xoe, đổ dồn nhìn ông:

'Ủa, bò ở đâu?'

'Trường mình có bò à?' Cả nhóm ngỡ ngác hỏi.

Ông Miên nhăn mặt, gãi đầu, che vế thẹn như chính ông nói dối:

'Làm gì có,' rồi ngập ngừng, 'Ông Mang kẹt... nên báo cáo vậ thôi. Đâu ai ngờ, họ đòi xuống coi gấp như vậy.'

Chỉ mười phút sau cả tập thể gần sáu mươi giáo viên đều biết tin. Sự lo âu lan truyền như cơn sốt. Họ kéo nhau đến trước văn phòng bàn tán, hỏi thăm. Một vài người phàn nàn:

'Ông Mang thật vẽ chuyện, không đạt tiên tiến thì thôi. Vẽ bò, vẽ ngựa làm chi... Rõ khổ.'

Thầy Giang, giáo viên già nhất trường chép miệng, thở dài:

'Phóng lao thì phải theo lao. Ngưng thi đua, mà được à. Không khéo họ sẽ đến sẫm soi coi mình tụt hậu ở chỗ nào còn phiền hơn nữa.' Ông nheo mắt nhìn mọi người dặng dờ, ' Ông Mang cũng vì tập thể thôi. Chốc nữa, các anh chị đừng ai trách gì ông ấy nhé.'

Mọi người làm thinh. Sự im lặng mặc nhiên đồng tình với thầy Giang.

Sau cùng, một giọng trầm ấm cất lên phá tan sự yên lặng:

'Vấn đề là làm thế nào nội ngày mai bò vẽ phải trở thành... bò thật.'

Mọi người nhìn nhau, lo âu. Mấy chục bộ óc cùng suy nghĩ một đầu đề hóc búa như đề thi đại học. Không khí trong phòng chiu nặng.

Thầy Dũng, chua chát pha trò:

'Cũng còn may, ổng chỉ vẽ con bò... nếu vẽ voi còn khổ nữa.'

Cuối cùng, tập thể giáo viên đều nhận ra sự đề cử thầy Mang vào chức vụ Hiệu trưởng thật xứng đáng. Ngoài những tiêu chuẩn cần thiết, ông còn có khả năng ứng phó nhạy bén với mọi tình huống khó khăn bất ngờ.

Khác với mọi người, khi nhận được tin trên, ông thù người suy nghĩ. Chỉ lát sau, ông bật dậy, nhanh nhẹn phân công: anh Khẩu, anh Nhơn, hai nhân viên bảo vệ chịu trách nhiệm đóng chuồng; cô Bình, cô Dung, thầy Vĩnh, và những người sống gần vùng Bình Chánh, Rạch Kiên lãnh phần dọ hỏi mượn hoặc thuê bò tạm thời trong mấy ngày; một vài người kiểm rơm, số khác cắt cỏ; đại đa số còn lại chuẩn bị kêu gọi học trò tổng vệ sinh trường lòu và chuẩn bị những phần chuyên môn học tập.

Ngay sau đó, một khoảnh sân được quét dọn sạch sẽ. Hôm sau, hai anh bảo vệ đã lo cửa cây, đóng chuồng. Đến xế, anh Khẩu trải rơm và để một thúng cỏ tươi. Việc lụng kiếm bò vẫn chưa tới đâu.

Giờ chơi, học trò túa ra ngắm cái chuồng bò trống không.

Tối đó, anh Khẩu tới phiên trực. Anh ngồi vắt vẻo trên thành chuồng, ca ư ử mấy câu vọng cổ. Bên trong, thúng cỏ vẫn còn nguyên.

* * *

Tờ mờ sáng hôm sau, cô Bình chở một con bê non tới trường. Một giờ sau, thầy Vĩnh khó nhọc lắm mới lôi được con bò mẹ qua cổng.

Mọi người nhìn vào chuồng, lắc đầu. Hai mẹ con không giống nhau.

Chín giờ, phái đoàn thanh tra của Sở đến. Ngoài họ, còn có hai phóng viên của tờ báo thành phố đi kèm. Ban tiếp tân ra đón ngoài cổng là những giáo viên trẻ trong những chiếc áo dài đẹp mắt.

Sau khi nghe Ban Giám Hiệu báo cáo những thành tích dạy và học, những dự án phát triển trường lớp... phái đoàn được đưa đến tham dự giờ dạy điển hình của cô Khánh, giáo viên giỏi của trường.

Mười giờ mười lăm, tiết thể dục giữa giờ. Thầy Dũng đánh trống giữ nhịp. Học trò xếp hàng ra sân, hàng trăm đứa như một, rậm rập làm động tác theo nhịp trống.

Đám học trò rất ngoan, những khi có khách lạ chúng cũng giữ ý, không nô đùa thái quá và tránh xa khu văn phòng.

Phái đoàn Sở tấm tắc khen. Ban Giám Hiệu mỉm cười hãnh diện.

Sau giờ chơi, phái đoàn được hướng dẫn đi thăm trường sở. Cuối cùng họ dừng lại trước chuồng bò.

Quả, bên trong có hai con bò thật. Con mẹ màu cát vàng, mang cục bướu gồ ghề trên lưng đang đung đỉnh nhai cỏ. Bò con là một chú bê lang trắng đen, nhỏ như một con dê đứng run rẩy trong một góc chuồng.

Mọi người đứng quanh vòng rào ngắm hai mẹ con con bò. Nhiều người buột miệng hỏi:

'Lạ, mẹ vàng sao lại đẻ con lang trắng đen, hay nhỉ?'

'Ờ,... nó giống cha. Bố nó là loại bò tây lang trắng đen.' Cô Bình mau mắn đáp.

'Ồ! Giống cha là may đấy, giống này là loại cho sữa nhiều nhất, không giống nào bằng.' Anh phóng viên ra về sành sỏi 'Sau này, trường tha hồ uống sữa tươi, ngày vắt được hai lần đấy.'

Vài người trong đoàn bước hẳn vào trong, đưa tay sờ con bê.

'Này, hình như nó hơi nhỏ con, phải không?' Một người ngắm nghía, chặc lưỡi tiếc rẻ.

'Ừ, trông nó yếu quá nhỉ?' Một người khác đồng tình.

Có anh túm một nhúm cỏ tươi dí trước mặt nó. Con bê chớp mắt quay đầu đi chỗ khác, chốc chốc nó lại đưa lưỡi liếm mép liên hồi.

'Hình như nó thèm sữa.'

Một anh trong đoàn cố đẩy con bê tới gần con mẹ. Nhưng nó trì chân lại, không muốn đi. Một người khác nhẩy vào chuồng giúp. Một anh bế con bê tới sát bụng con mẹ. Anh kia thò tay nâng vú cho bê con để bú. Bỗng, bò mẹ quấy đuôi, rùng dít, kêu 'bò...' rồi ngoe nguẩy bỏ đi.

Ông trưởng đoàn quay qua hỏi ông Mang:

'Hôm Đại Hội, anh bảo nó được bốn hay năm tháng rồi, tôi quên mất.'

Ông Mang lúng búng giải thích:

'Bốn,... bốn tháng thôi. Con bê hơi nhỏ vì đẻ muộn đấy.' Ông nhìn mọi người phân bua 'Nhưng không sao, có chế độ nuôi dưỡng tốt thì nó cũng chóng lớn thôi.'

Mọi người gật gù đồng ý.

Đứng lâu, ông trưởng đoàn mỏi chân, người bắt đầu tựa vào thành chuồng. Ông Mang cũng tỳ tay vào cây đà đóng ngang phía dưới. Mùi gỗ tươi lấm tẩm rịn những lớp bụi bào mới cửa bắt đầu dính vào tay áo. Một hàng đầu đinh sáng màu chì cắm sâu vào thân gỗ. Ông giật mình, bụng rủa thầm anh Khẩu, anh Nhơn vô ý dùng toàn đồ mới.

Để tập trung sự chú ý của mọi người, ông bước ra sân cười giả lả. Ông đại diện tập thể, ngỏ ý cảm ơn sự quan tâm sâu xa của Sở Giáo Dục Thành và Ban qua cuộc thăm viếng. Sau hết, ông mời phái đoàn tham dự một bữa tiệc đặc biệt do trường chiêu đãi: cháo cá, cá được vớt từ ao của trường và măng cầu xiêm vừa mới hái.

Khi tiếng vỗ tay đã ngớt, mọi người vui vẻ khoác tay nhau lần lượt tiến về phía hội trường

Tiếng cười nói râm ran xa dần, cái chuồng bò đột nhiên trở trọi. Sau rào cửa, chỉ còn lại hai mẹ con bò nhìn nhau lạ lẫm.

726256-B526

Năm mười một tuổi, trong một đêm theo người lớn bắt ếch ngoài đồng, lơ ngơ sao tôi theo nhằm một đám người ra sông vượt biển. Khi lên ghe, có người hỏi, muốn vượt biên họ cho theo, còn không cầm đuốc mà về. Tôi ngoảnh lại, sau lưng, ruộng đất tối thui. Đường về phải băng ngang một gò mả lớn. Mới nghĩ tới, bắt rùng mình. Tôi cầm đuốc liệng xuống sông, rồi nhảy phốc xuống ghe, kiếm một chỗ ngồi im chong góc.

Mùa biển lặng, ghe xuôi gió tới Mã Lai. Hai tháng sau, văn phòng Cao Ủy Ty nạn sắp xếp tôi sang Mỹ theo diện trẻ mồ côi. Một gia đình ở Georgia nhận tôi làm con. Và tôi, đương nhiên coi Judy, con gái họ như em ruột. Lúc đó, tôi không ngờ, con nhỏ này chính là người thay đổi cuộc đời tôi, chứ không phải là thằng cha cho tôi cây đuốc.

Gia đình mới của tôi ở một thị trấn nhỏ, miền Nam Georgia. Cha nuôi, một người đàn ông cao lớn, suốt ngày quần quật trong nông trại. Mẹ nuôi, người ngoan đạo. Cuộc sống êm đềm, nhưng quen dần cũng đâm chán. Chiều tan trường, tôi thích băng ngô tất qua cánh đồng khô sau nhà. ở đó, tôi ngồi đợi nắng thoi thóp rồi tất dần. Mặt trời lặn bên này để mọc bên kia. Tôi hình dung ra chốn quê xưa. Ruộng đất trơ mình, điều hiu gốc rạ. Những mái lá đơn sơ. Con đường quê quanh quất. Tôi nhớ mẹ, nhớ em, tôi bời đứt ruột. Mãi khi sập tối mới trở về. Cả nhà Judy nhìn tôi như người bước ra từ cơn mộng dữ. Cha mẹ nuôi không nói, nhưng đôi mắt Judy nhìn tôi như hỏi không ngừng.

Có lần, tôi đang khóc bị Judy bắt gặp. Nó ngó mây trời rồi hỏi, tôi thấy gì trong đó. Đang lúng túng chưa biết trả lời sao thì tôi phát giác. Ráng chiều hắt lên mặt nó một màu rực rỡ. Tóc nâu óng, môi ngả màu mận chín. Trời ơi, còn đôi mắt. Một chùm mây nhỏ lửng lơ đang trôi vào trong đó. Thấy tôi ngó sững, Judy hỏi. Tôi nói, mắt mày sâu không thấy đấy. Nó cười chúm chím, cứ nhìn đi rồi sẽ thấy.

Chúng tôi thân thiết như hai anh em ruột. Tôi dốt tiếng Anh, vào lớp sợ bạn cười nên càng nói lặc. Về nhà, Judy dạy tôi từng chữ. Nó nắm tay tôi, bắt nói từng câu, hai chữ rồi tăng dần ba, bốn chữ,... Nó dẫn tôi ra đồng, ngồi cách nhau một sào rạ để nói chuyện. Cốt ý tập tôi nói lớn, nói cho quen, để hết cà lặc. Vốn liếng tiếng Anh của tôi hầu hết là Judy dạy. Chỉ có ba chữ "I love you" là tôi dạy nó. Đó là năm tôi mười bảy, cũng ngay trên cánh đồng này.

Mấy năm sau, cha nuôi bớt việc, ở nhà thường. Mẹ nuôi ngày càng ngoan đạo. Cuối tuần, cả nhà đi lễ. Bọn con trai trong họ đạo thích Judy. Tôi chê, mấy thằng vai u thịt bắp nhưng đầu óc trống trơn. Judy nói, còn anh ốm tong, trông yếu xiu. Không phải đùa, nhiều lúc tôi thấy Judy nể họ ra mặt.

Năm mười tám, tốt nghiệp trung học xong. Đám bạn như ghé tan bầy. Tôi lên thành phố kiếm trường định vừa làm vừa học. Hôm về, thấy một đám bạn tới nhà từ giã. Họ vào quân đội, sẽ học ở trung tâm huấn luyện Fort Benning gần đây. Tôi nhăn mặt, đi lính cực lảm. Tụi nó nói, chịu đựng mười bốn tuần, hết thời tập huấn là khỏe. Sau hai năm, vào đại học nhà nước dài thọt, nếu đi làm cũng được ưu tiên. Thấy mặt tôi vẫn nhăn nhó, thằng John chằm, tướng mày đi lính, vắc súng sẽ lùn đi. Cả đám cười àm. Tôi nổi sùng bỏ đi một nước.

Buổi tối, Judy nói, vừa học vừa làm cực khác chi lính. Chịu khó một thời gian coi như đi làm, sau này giải ngũ, học không tốn tiền, lúc đó nó cũng lên thành học chung. Judy nói nhiều, nhưng tôi chỉ hiểu một. Nó không muốn xa tôi. Chính điều này làm tôi cảm động. Sáng hôm sau, tôi đến phòng tuyển mộ, điền đơn.

Trước ngày nhập ngũ, tôi nhận tin nhà. Trong thư mẹ khóc, thằng con dại, người ta tốn tiền lo trốn lính, sao mày lại đâm đầu vô chỗ chết. Còn cha mới ra tù lại ủng hộ. Nước Mỹ mạnh, đi lính không gì sợ. Chính phủ họ thương quân đội, lính chết mấy chục năm vẫn còn tìm.

Sáng hôm sau, mưa sục sùi. Không gian dường nhuộm màu tang. Cả nhà thức sớm để tiễn chân. Mặt Judy buồn hiu làm như tôi sẽ không về.

Trung tâm Fort Benning cách thị trấn không xa. Trước cổng có chiếc xe tăng chĩa súng lên trời. Cái trại này tôi qua lại nhiều lần, duy có lần này tôi vào trại.

Chia tay mọi người trong phòng đợi, tôi mang hành lý theo người điễm danh lên xe bus đến phòng tân binh. Xe qua trạm gác, mọi người nhìn ra. Trại rộng hơn tôi tưởng, đường nhựa thẳng tắp, hai bên có bóng cây, sân cỏ. Nhà cửa sơn trắng, cất kiểu chung cư, giống nhau như một. Người lạ vào, rất dễ lạc.

Phòng tân binh là một hội trường, trước cửa có hàng chữ "Welcome to the US Army". Giữa khán đài có quốc huy hình con ó lớn, một chân quặp bó tên, chân kia quặp nhánh Olive. Hai bên treo cờ và la liệt đầy bằng khen, huy hiệu.

Khi mọi người ngồi yên, một người sĩ quan đội nón bánh ú, cổ đeo tu-huyết nhanh nhẹn bước lên khán đài. Ông tự giới thiệu là huấn luyện viên, tên Bill Hawk, đại diện trại chào mừng các

tân binh, đề cao những người tình nguyện, xung phong phục vụ đất nước. Ca ngợi xong, ông trở giọng đe, quân trường không phải là chiếc giường để những kẻ lười biếng, thất nghiệp đặt lưng. Mười bốn tuần, thời gian biến người dân thành người lính. Ai còn do dự cứ tự tiện về. Ông nhấn mạnh, "Quân trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu."

Vừa dứt lời, một người quân nhân cầm xấp giấy phát ra. Ông giải thích, đó là thời biểu khóa học. Mười bốn tuần chia làm ba giai đoạn. Giai đoạn một, hoàn tất thủ tục nhập ngũ, học tập nội quy, kỷ luật, nhiệm vụ trong quân đội và thao diễn cơ bản. Giai đoạn hai, tập bắn, sử dụng vũ khí. Giai đoạn ba, thực tập tác chiến và thi mãn khóa. Không đủ điểm sẽ bị loại.

Tôi nhìn quanh, ai nấy chúí đầu vào thời khóa biểu. Lịch trình dày đặc, mỗi ngày mười hai tiếng, một tuần sáu ngày. Chủ nhật nghỉ. Người có đạo, được lễ tại trường. Trong thời tập huấn, không phép ra ngoài. Mọi hình thức thăm viếng bị cấm ngặt.

Tôi lấy bút dò từng hàng, cố tìm giờ rảnh sẽ gọi điện thoại cho Judy. Thấy tôi mò mẫm, thằng ngòi ké vò tờ giấy tròn vo, rồi vươn vai ngáp dài, "Lúc nào là lúc để thờ, hả trời?"

Bên trên, ông huấn luyện viên giờ cao thời khóa biểu, đọc rào rào, "Bốn giờ ba mươi:tập hợp, thể dục tại chỗ, nhận lệnh trong ngày. Năm giờ: điểm tâm. Năm giờ mười lăm:tập hợp, diễn hành. Sáu giờ: chạy. Bảy giờ: vượt chướng ngại, tám giờ,... đến hai mươi một giờ: đèn tắt. Ngủ." Thời khắc nghiêm nhặt. Rồi ông dặn, trong quân đội khi nghe lệnh, lập tức thi hành. Chính xác. Mau lẹ. Lệnh không lập lại. Nói xong, ông la lớn, "Tất cả rõ chưa?" Chúng tôi nói, "Rõ." Ông lắc đầu, chưa nghe. Mọi người đồng thanh, "Rõ." Thật lớn, ông vẫn chưa chịu. Đợi chúng tôi gào bồng cổ, ông mới thôi.

Khóa tập huấn chia bốn nhóm. Mỗi nhóm là một trung đội. Mỗi đội bốn mươi người, trực thuộc một huấn luyện viên chịu trách nhiệm chính. Sĩ quan của trung đội tôi chính là Bill Hawk. Hawk là điều hâu. Cái nhìn ông soi mói, giống cú hơn giống điều.

Hình như Bill Hawk không biết đi, chỉ biết chạy. Ông dẫn đầu, cả đội lúp xúp theo sau. Chúng tôi di chuyển tới lui nhiều chỗ, làm hồ sơ, khám sức khỏe, nhận đồng phục, sắp xếp chỗ ăn ở đúng quy cũ. Doanh trại rộng, sợ lạc, sợ trễ, làm gì chúng tôi cũng bảo nhau, nhanh chóng, lẹ làng. Chỉ hai ngày tôi đã hiểu, mình chìm lỉm. Quân đội triệt tiêu đời sống cá nhân. Tập hợp, nhận lệnh, di chuyển, tới lui, ăn ngủ, tan hàng,... đều răm rắp. Phải, kể cả tan hàng. Trong quân đội, tan hàng thật ra chỉ là một hình thức sẵn sàng đợi lệnh. Nó là thứ tập hợp lỏng. Mỗi người như một cơ phận, một con ốc, một chiếc đinh vít trong guồng máy khổng lồ. Điều quan trọng, khi máy quay, người ta phải chạy vận tốc mới điều hòa.

Bài đầu tiên trong quân trường tôi học là lúc chích ngừa. Con mẹ y tá cầm súng chích bắn vào cánh tay mỗi thằng một phát. Thấy ai giật nảy thì con mẹ lại cười duyên, "Chỉ như kiến cắn, phải hôn nà?" Nhìn mấy thằng trước chích xong đi lầy bầy, tôi chùn bước. Mẹ nhìn tôi nghiêm giọng, cứ trần mình chịu mới bớt đau. Tôi ngạc nhiên đến nỗi bị chích hồi nào cũng không biết.

Đêm đầu tiên, tôi mất ngủ. Nhắm mắt lại, nhưng tâm trí cứ lòng vòng ngoài sân trại. Chỗ này phát quần áo, chỗ kia là cantin. Khiếp nhất là phòng hớt tóc. Cả đội xếp hàng chờ. Tới phiên, tôi dặn, hớt ngắn hai bên tai và ót, nhưng phía trước làm ơn để dài một chút. Thằng cha thợ gạt lia lia, ừ, ừ. Khi ngồi xuống, hấn gọt một đường tông đơ từ sau ra trước. Đầu tôi có sọc như cái vỏ dừa. Nhớ lại, tôi vẫn ngờ, thằng cha thợ... điếc. Sau này, tôi nhủ, sẽ hớt tóc ở ngoài.

Gần sáng, tôi kéo mền lên đầu, đánh một giấc. Chỉ chút sau mền bung, tôi phát giác, mình khó ngủ vì lạnh cái đầu. Tôi trùm mền kín mít, định dỗ giấc thì nghe tiếng hoét hoét ngay đầu

giường. Theo lịch trình, chương trình huấn tập bắt đầu vào tuần thứ hai. Nhưng mới tờ mờ, Bill Hawk đã đem còi tới thổi. Trời còn tối đen, chúng tôi nhào ra sân. Gió đêm dầm mùi sương mơn lên da thịt. Cả trung đội, kẻ trước người sau co giò, nhảy. Một hai, một hai, một hai,... có người nhắm mắt, đếm. Bill Hawk không để ý chuyện này. Thế dục tại chỗ xong, ông đọc huấn lệnh. Đến năm giờ, giải tán. Chúng tôi vào phòng điếm tâm. Bill Hawk không ăn. Ông cầm dùi cui đi lòng vòng kiểm những kẻ ngừng nhai, la mắng, "Ăn, ăn, ăn." Ăn cho no, mới đủ sức tập. Sau này, tôi mới biết, đối với ông, khi ăn phải nhai, khi bắn phải trúng, đó là cái đích để tới. Chuyện mắt nhắm hay mở, không cần thiết. Nói một cách khác, nó ví như những vòng tròn đứng ngoài tâm điếm.

Ăn xong, chúng tôi về phòng thay quân phục. Ngắm thử trong kính, tôi trở mắt, một thằng lính dữ tợn cũng đang ngo ngoáy nhìn ra. Trời, tôi đó ư? Đang định thần nhìn kỹ, thằng Jones nắm lưng lôi tôi ra ngoài. Nó vừa chạy vừa la, "Tập hợp, tập hợp."

Chúng tôi, bốn mươi thằng sắp làm tám hàng, mỗi hàng năm đứa. Bill Hawk ngậm còi, nhưng không thổi. Ông rảo quanh, hàng dọc, rồi hàng ngang. Tới chỗ tôi, ông dừng lại, ngắm. Tia nhìn sắc lém. Tôi ngáy người, nín thở, bụng dạ rối bời. Cảm giác như ai lấy mũi dao rạch chơi trên mặt, mày, mi, mắt. Xong, ông lướt qua, rồi dừng lại chỗ một vài người khác. Sau cùng, rút danh sách, gọi tên. Tới ai, nấy la, "Có." Tôi để ý, trong đội ngoài thằng Lee gốc á, có một Mễ, một Cuba, số còn lại toàn dân bản xứ.

Điểm danh xong, Bill Hawk nghiêm giọng nói, khi thực tập mọi người phải cố gắng bằng chính sức mình. Mỗi người phải sống, chiến đấu như một con sói cô độc. Không giúp đỡ, không bao che, không hợm mình. Tất cả đều bình đẳng, mọi hình thức kỳ thị, bị cấm ngặt. Trong quân đội, mọi thứ phải đơn giản, rõ ràng, như thắng và thua, như không và có. Phải loại trừ những thứ lừng chừng. Ngôn ngữ quân đội cũng khác, ông không muốn nghe những chữ có lẽ, hình như, thì là, tại, bị...

Buổi đầu, chúng tôi tập những động tác thao diễn. Nghiêm. Nghỉ. Chào. Quay trước, quay sau. Sắp hàng, rồi tan hàng. Khi nắng lên cao, chúng tôi bắt đầu diễn hành. Một. Hai. Ba. Bốn. Bill Hawk đếm trước, chúng tôi đếm theo. Một. Hai. Ba. Bốn. Đếm mỗi, Bill Hawk lấy còi thổi. Một hồi sau, không có tiếng còi, chỉ còn tiếng chân. Đội hình di chuyển nhịp nhàng. Chúng tôi băng đồng cỏ, vượt qua ngọn đồi cao. Khi vòng về, đếm chán, Bill Hawk dạy chúng tôi ca.

I'm just soldier,
Sergant march for you.
I'll not quit until P.T. is through.
That's turn me on.
Must be army.
That's make me strong.
One. Two. Three. Four.
One. Two. Three. Four.

Chín giờ sáng, chúng tôi từ đồi cao thẳng một đường vào lớp học. Giảng viên là một sĩ quan, đội nón kết, đứng dang chân, tay chống nạnh, nghe báo cáo. Tôi nói lớn, "Tiểu đội Một, báo cáo, Ron Nguyen, 9341, sir." Ông thầy lừ mắt nhìn. Tôi mặc, đi tới ghế, đằng sau quay, đặt đít xuống.

Khi tắt cả ngồi yên, lớp học bắt đầu. Ông thầy, tên Tom Selek, ngồi trên bàn chăm chú nhìn mọi người một lúc rồi hỏi, tại sao chúng tôi vào quân đội? Câu hỏi tưởng dễ, mà hóa khó. Mọi người bối rối. Không ai xung phong trả lời. Ông chỉ Jones. Nó ấp úng nói, nó vào quân đội làm người lính để bảo vệ quê hương. Chúng tôi chịu Jones nhanh trí, trong chớp nhoáng nó nghĩ ra câu trả lời đúng bài bản. Nhưng ông thầy chỉ nhếch môi, cười chế diễu. Ông chỉ tiếp, Ted,

người Cuba. Nó kể dài dòng, đại khái nhà nó nghèo, lớn lên trong khu xã hội đen, đi lính để diệt kẻ xấu. Ông Tom cười ngất, bảo nó lạc đường, nên vào cảnh sát mới đúng. Rồi ông chỉ Lee. Thăng này thành thật nói, ba nó biểu nó đi lính. Ông Tom gật gù, mày đi lính để cha cầm súng, phải không? Cả lớp cười àm.

May, tới tôi thì ông Tom ngưng rồi phát tài liệu. Tiếng lật giấy rào rào. Tôi đọc lướt qua từng đề mục. Ngoài những mục về nhiệm vụ, nội quy, kỷ luật, còn có những môn phụ như toán, Anh ngữ. Ông bắt đầu đọc từng phần. Kinh nghiệm chỗ nào nhiều người hỏi, ông ngưng lại giảng huyền thiên. Trong khi nghe, tôi xoay thế, ngồi duỗi chân. Một cảm giác tê rần lan truyền từ trên xuống dưới. Phải lợi dụng lúc học để nghỉ mới có sức chịu đựng tới chiều. Mãi tới lúc ông Tom đứng nghiêm, đọc mẫu lời tuyên thệ, tôi nghe ở cuối lớp có tiếng ngáy xen vào.

Ngay chiều đó, khi trở ra bãi tập, Bill Hawk nói, tập diễn hành là tập làm dáng, một kiểu làm đom của quân đội. Biết chạy, mới là hành động thiết thực. Nói xong, ông giơ ba ngón tay tức ba miles, rồi rút còi ra thổi. Thăng Jim phản đối, mới ăn trưa xong, chạy nhiều vậy sẽ xóc ruột. Bill Hawk hứ mũi, lập tức giơ năm ngón, năm miles. "Quân đội chỉ có tuân lệnh, đó là kỷ luật. Phản đối ư? Tao còn nhiều ngón tay lắm." Ông đắc chí nói. Vài thằng tức, định đập thăng Jim thì nghe còi thổi. Chúng tôi lập tức tung mình chạy. Nhiều thằng giữ hơi, chạy tà tà. Bill Hawk đuổi theo sau, lấy còi thổi vô tai nghe điếc rái. Điểm đến là cánh rừng thưa. Vừa tới đích, nhiều thằng nhào lăn ra đất, thở. Khi Bill Hawk tới, ông chê, chúng tôi chạy dở. Phải chạy sao cho nhanh và bền. Trông chúng tôi bây giờ, sức đâu đủ trối gà.

Hai giờ chiều, chúng tôi gặp lại Tom Sele. Ông đọc nội quy và kỷ luật quân đội. Trong đó có nhiều mục. Ông nhấn mạnh tới Mười Một Điều Lệnh Tổng Quát. Người lính trong mọi tình huống lúc nào cũng phải đề cao cảnh giác để bảo vệ an ninh và tài sản quốc gia. Chỉ điều này đã làm tôi nghĩ, một ngày làm lính, cả đời là lính.

Ông Tom nói, nhiều người nghĩ, kỷ luật quân đội là thứ kỷ luật sắt, người lính mù quáng tuân hành. Điều đó sai. Khi thấy cấp trên sai trái, người lính có quyền phản đối. Ngày nay, quân luật được đặc biệt tôn trọng, không như trước. Ông dặn chúng tôi, đừng tin vào những phim truyện chiến tranh. Toàn là điều giả tưởng, mà Thượng đế chính là thăng cha đạo diễn. Ba giờ, chúng tôi trở ra sân, tập hít đất, ngồi bật, đu xà. Bill Hawk nói, đó là cách rèn luyện thân thể dẻo dai, cường tráng. Phải tập thường xuyên, chúng tôi mới có thể đạt, hít đất, hai mươi lăm; ngồi bật, bốn mươi lăm, đu xà, hai mươi cái. Đó là tiêu chuẩn kỳ thi cuối khóa.

Bill Hawk thổi năm còi. Chúng tôi nằm sấp, hai tay chống đất, dồn sức vào tay đưa mình lên. Được ba cái, nhiều thăng sụm, nằm bẹp dí. Bill Hawk gọi, đó là những con gián. Ông bắt gián ra, buộc phải làm lại, năm cái. Lần thứ hai, tôi làm bốn cái. Bill Hawk lắc đầu. Lần thứ ba, tôi hít năm giữa tiếng reo hò cổ vũ của cả đội.

Khi tan hàng, Bill Hawk nhìn tôi thương hại, phải cố lên. Cái nhìn làm tôi ghét. Về sau, tôi vẫn nhớ ánh mắt thăng cha này.

Buổi tối, tắm rửa xong, chúng tôi có lớp tối dạy cách mua sắm trong các BX. Đó là siêu thị trong quân đội. Giá rẻ, trả bằng tem phiếu, ghi trong cuốn sổ nhỏ gọi là chit book. Giảng viên bảo, quân trường cung cấp đủ vật dụng, chúng tôi sẽ lãnh đủ một lần vào cuối khóa. Quân lương chia theo ngạch, từ E 1 tới E 10. Chúng tôi thuộc E 1, lương thấp nhất. Giảng viên an ủi, chẳng ai đi lính mà khá. Tuy nhiên, quân đội là con đường mở rộng học vấn. Ai tham gia các nhiều khóa huấn luyện, thăng ngạch cũng tăng lương.

Tám giờ, dọn phòng. Phòng ngủ gọi là barracks, gồm hai mươi giường đôi. Chúng tôi vừa làm vừa cãi lộn. Thăng Jim giương dưới, mở màn cạp, tôi hay để mền thông, nửa đêm dậy nó giật

mình tưởng ma. Cả bọn hoác miệng cười. Jones phân bua, đỡ hơn thằng Lee, tối ngủ còn tập kungfu làm cái giường lác như con tàu. Thằng Lee nổi cáu hét, láo, láo. Jones hỏi, láo chỗ nào? Lee nói, không cần hỏi cũng biết, ở trong lớp mây dóc, không biết ngược. Cái gì gọi là người lính đi bảo vệ quê hương? Jones cười hà hà, người Mỹ bảo vệ Mỹ, còn mây Tàu có chi lại vô đây? Câu hỏi đung chạm nhiều người. Lee chưa kịp trả lời, Jones đã bị chúng tôi mắng cho một mách. Kỳ thị là vi phạm quân luật.

Chúng tôi im. Nhưng vấn đề cứ lảng vảng trong đầu. Một hồi sau, đội kiểm soát tới xét phòng. Chín giờ, còi hú. Đèn tắt. Chúng tôi ngủ. Bóng tối ngập phòng. Tôi mở mắt thao láo nhìn lên trần. Bên dưới, thằng Jim cứ trở mình. Một hồi, nó gỡ nhẹ thành giường. Tôi lú đầu thù thì, gì? Jim nói, mây đi lính Mỹ, nếu có chiến tranh giữa hai nước, mây bên nào? Tôi trùm mền suy nghĩ rồi giả bộ ngủ quên. Câu hỏi là cái bẫy, mà trả lời sao cũng dính.

Qua tuần sau, Bill Hawk nói, trước khi tập bắn, chúng tôi cần học cứu thương. Bill Hawk đi khỏi, thằng Jones đưa, trước khi giết người, phải biết cứu người.

Ở lớp quân y ra, Bill Hawk lại nói, biết cứu thương chưa đủ, sau này, chúng tôi cần phải biết cách mưu sinh thoát hiểm.

Chúng tôi mang súng, vắc ba lô, đội nón sắt, chạy. Ban đầu chạy trên đồng cỏ. Về sau, tập chạy trong rừng, nhảy qua chướng ngại. Hết chạy, tới bò. Bò lên đồi cao, chui qua rào kẽm, dưới tầm hỏa lực. Những đêm có mưa, Bill Hawk làm dấu tạ ơn, rồi bắt chúng tôi bò. Đạn của ban huấn luyện, không biết thật giả, xẹt qua đầu, đổ ké. Chúng tôi khiếp, bò sát đất. Thằng Jim nghi, không lẽ họ bắn mình bằng đạn thật? Thằng Ted giơ súng làm bộ nhắm, ôm súng không đạn như ôm nhầm người không tim. Bò ra tới ngoài, Bill Hawk trông thấy chúng tôi cười. Ông chửi một mách, rồi phạt cả đội, làm lại từ đầu.

Tuần thứ ba, chúng tôi mang súng thật. Cầm, ôm, mang, vắc, nạp đạn,... lau chùi phải đúng quy cách. Ai lỡ tay, ông phạt ngay, phồng những người bất cần. Tôi phát giác, mắt Bill Hawk sắc như điều. Nhiều người nói, thằng cha này tinh lắm, ruồi bay qua cũng muốn bắt lại dòm.

Sáng chiều đều có giờ bắn. Đây là môn chính, tính nhiều điểm nhất. Tôi giơ khẩu M 16 nhắm, từ lỗ chiếu môn đến đỉnh đầu ruồi sao thành một đường trùng với tâm điểm. Tôi bắn mười, trúng một. Bill Hawk nói, cứ mười phát mà trúng một, họa may sống. Kiểu như tôi, ra trận, không có cơ bắn tới phát thứ mười. Tôi làm tinh, làm lì ghim chặt súng. Bắn. Sức giật khiến nòng súng chéch, viên đạn trệch một đường bay vút ra ngoài.

Tối ngủ, tôi nằm mơ. Những hình nhân biết di động, biết cười nói xôn xao. Còn tôi ôm súng thật đứng trơ như bia gỗ. Sáng dậy, đôi mắt cay sè. Tôi theo đám diễn hành như kẻ mộng du.

One. Two. Three. Four.
One. Two. Three. Four.
Má ơi, đừng khóc nữa,
Con má, chưa chết đâu.
Con đi, vì sông núi.
Cháy túi, con trở về.

Tôi giật mình. Bài ca nhằm. Tôi liếc qua Bill Hawk, lại thấy ông ta cười.

Sáng hôm đó, nụ cười của Bill Hawk đã làm tôi tỉnh ngủ.

Khi tới sân BRM, tôi ngắm những bia người đứng bất động. Ngẫm nghĩ sao, tôi lo lắng nói, "Ra trận, tao sợ tao không dám bắn người thật?" Thăng Lee nhìn tôi, ngạc nhiên, "Còn tao, chỉ sợ người ta bắn mình." Rồi nó nhún vai, "Chết cho đất nước này, thật vô lý." Thăng Ted Cuba, nhăn mặt, "Chết cho bất cứ nước nào cũng vô lý cả."

Mấy ngày sau, chúng tôi học về tác hại của những thứ vũ khí mới. Bom hạt nhân, bom sinh học, và hóa học. Những loại tối độc và giết người hàng loạt với số lượng nhỏ, khó khám xét. Để nhận diện, chúng tôi học thêm toán và Anh ngữ. Toán, học cách cộng, trừ, nhân, chia, chấm tọa độ,... không máy tính. Các nguyên tắc đọc bí số, ký hiệu trên các loại chất nổ, vũ khí,... để biết công dụng. Lớp Anh ngữ, dạy chúng tôi hiểu ý nghĩa từ ngữ một cách chính xác, cách đọc bản đồ, và những ngôn ngữ riêng của quân đội. Ví dụ, colors (màu sắc) nghĩa là cò; cover (che đậy) là nón, sickbay là bệnh viện. Thời giờ quân đội cũng khác, một ngày có hai mươi bốn giờ, bảy giờ mười lăm tối phải nói mười chín giờ mười lăm. Tôi nghĩ, mình biến đổi như con ve đang lột xác. Tới giữa khóa là thời gian khổ luyện. Chúng tôi học cận chiến. Địch là đám người cây, đứng yên không nhúc nhích. Chúng tôi bò sát đất, khi tới gần thì bật dậy, ào ào thét, "Xung phong." Cả đội xông tới đâm túi bụi vào đám người cây. Bill Hawk đứng đằng sau, nhào ra chữa, chúng tôi điên.

Khó nhất là học leo dây, đi trên lưới, trèo tường, đu người từ trên cao. Bãi tập gọi là Đài Chiến Thắng. Đài đóng bằng gỗ, trên có cầu treo, dây đu, và nhiều xà ngang, xà dọc. Muốn lên, phải bám dây, dùng sức kéo cả thân mình. Dây là loại thừng to, nắm đau tay. Nhiều đứa leo chưa tới đầu đã bị tuột. Bill Hawk lấy roi đứng bên dưới quát vô giề. Chúng tôi sợ, phải gồng mình mới lên được. Đài cao, từ trên nhìn dễ chóng mặt. Lên đã khó, xuống cũng không dễ. Chúng tôi nắm dây, bung mình, thả từng chặn. Khi chạm đất, hai bàn tay rất bông, tê rần. Chưa leo thành thực, Bill Hawk đã dạy cách đi dây.

Buổi tối, khi về phòng, ai nấy đừ. Mình mảy tôi rã rời. Không còn sức cãi nhau. Vừa đặt lưng, chúng tôi đã ngủ say như chết.

Chúa nhật nghỉ. Sáng, tôi tức mèn dậy sớm. Phải chạy nhanh ra phòng điện thoại để gọi Judy. Tôi không muốn đang nói chuyện, có người sắp hàng chờ điện thoại. Khi băng ngang đài Chiến Thắng, nhắc thấy bóng người. Quái, ai đang tập giờ này? Tôi chạy tới gần, lom lom nhìn. "Hi. Ron." Thăng Lee đứng trên cao vẫy tay chào rồi rít. Chưa kịp hỏi, nó đã nói, phải tập nhiều cho quen. Ngưng một ngày, khi trở lại sẽ thấy khó như mới bắt đầu. Nó rủ tôi tập chung. Thấy nó chịu khó, tôi không nỡ bỏ đi. Tập một mình thật dễ chịu. Một lúc sau tôi nhận ra, không ai hỏi, tôi có thời giờ tìm thể nắm thích hợp, dễ leo.

Trên đường về, tôi rủ nó ôn các tiếng lóng trong quân đội. Nó nói, "Tiếng Anh rắc rối, đọc một đàng hiểu một nẻo. Sau này, cả thế giới sẽ nói tiếng Tàu." Thấy tôi kinh ngạc, Lee giải thích, "Người Tàu ở khắp nơi, sau này con cháu chiếm đa số thì thế giới sẽ nói tiếng Tàu." Tôi dè dặt nói, "Nhưng hiện nay nước nào cũng học Anh ngữ là sinh ngữ phụ." Lee cả quyết, "Đó chỉ là tạm thời, điều tao nói là qua thời gian đó nữa." Tôi chống chỏi, hỏi một câu ngớ ngẩn, "Nhưng, trong lúc cả thế giới nói tiếng Anh thì người Tàu nói tiếng gì?"

Chúng tôi gặp lại Tom Selek trước khi bước qua giai đoạn ba, tập hợp đồng tác chiến. Ông dạy cách truyền tin, đánh mật mã, và nhận diện các đơn vị bạn. Như Thủy Quân Lục Chiến, huy hiệu con ó đậu trên quả địa cầu, đằng sau có chiếc mỏ neo gác chéo; Đội Đặc Nhiệm, mũ xéo xanh, huy hiệu là cây gươm vàng và ba lần chớp; Người Nhái, có con ó đậu trên mỏ neo,... Ngoài ra, chúng tôi còn học những huy hiệu quân đội nước ngoài. Như Anh, tất cả huy hiệu đều có hình vương miện; Nga, hình búa liềm; Trung Quốc, ngôi sao đỏ, chữ Tàu bạc,...

Chúng tôi xem quá nhiều huy hiệu phát hoa mắt, một hồi không phân biệt nổi. Tom chỉ, điểm khác nhau giữa quân đội của các nước không phải trên huy hiệu mà ở trong nhà tù. Lính tư bản bắt mười tù nhân phát cho mười một liều thuốc, trong khi phe cộng sản chỉ phát chín. Cùng là cách dùng vật chất mua linh hồn. Chỉ khác nhau, người mua rẻ, kẻ mua mắc, vậy thôi.

Chúng tôi nghĩ, Tom Selek là một người hóm, luôn đặt ra những vấn đề rắc rối để giải khuây. Còn Bill Hawk như một bóng quạ, lúc nào cũng lơ lửng giữa bầy gà. Gần cuối khóa, ông càng khắc tợn. Buổi sáng, hai dặm trong mười lăm phút. Ai chạy chậm, phải chạy lại từ đầu. Ông đưa ra tiêu chuẩn, bắt chúng tôi mỗi ngày phải thi thử. Mỗi lần nghe phàn nàn, Bill Hawk mắng, tiền thuế dân đầu dư dả để trả cho mấy người ngồi bệ lóng tay. Tụi tôi nói, thằng cha này không phải điều mà là cạp.

Cuối cùng, chúng tôi học pháo, cách phối hợp xe tăng, trực thăng, và những đơn vị khác. Khóa học bốn trung đội, chia hai phe. Mục tiêu là cái chòi gác trên đồi cao. Buổi trưa, trên đường tiến lên đồi, tôi gặp lại thằng John cùng lớp đang nấp trong một lùm cây. Mới gặp nó hồi hận, chữi thề, vào đây như xuống địa ngục. Tôi lặp lại lời nó hồi trước, chịu đựng mười bốn tuần, hết thời tập huấn là khỏe. Sau hai năm cỡi áo, làm dân. Nó thờ dài, áo này như áo da, mặc vào rồi khó cởi. Nói đến đây, nhắc thấy Bill Hawk đang thị sát đằng xa, tôi định chạy. Nó nói, ông Bill hiền, chứ không như thằng cha Tiger bên tao, nó dữ còn hơn cạp. Ngày mãn khóa, chúng tôi diễn hành quanh khán đài. Ban chỉ huy trường mời các vị sĩ quan cao cấp về dự lễ. Tôi liếc qua hàng ghế dành cho quan khách, Judy và cha mẹ nuôi cũng đang hướng về tôi.

Ban chỉ huy trường tuyên dương và xướng tên tân binh mãn khóa. Chúng tôi được gắn ngạch và cấp bằng. Từ giờ phút này, tôi đã là người lính, quân số 726256- B526 là tên. Tiếp theo, chúng tôi làm lễ tuyên thệ, rồi tung nón bể mạc. Sau ngày tốt nghiệp, tôi được một tuần phép trước khi trở lại nhận lệnh mới.

Tôi về nhà thay thường phục rồi dẫn Judy ra cánh đồng xưa. Chúng tôi kể nhau nghe nhiều chuyện và đuổi bắt như hồi còn thơ. Tới chiều, nắng đổ ngập cánh đồng. Mặt trời gay gắt chói. Judy nép vào sau lưng tôi trốn nắng. Thấy áo dẫm mồ hôi, nó đưa môi ngậm từng giọt như người Hồi nhấm nháp rượu quỳ.

Tuần phép trôi qua nhanh. Trước ngày trở lại trường về đơn vị mới, Judy nói trông tôi thay đổi nhiều. Tôi cười, nhìn vào kính, ừ. Trông tôi ốm, da đen đi, nhưng rắn chắc. Còn Judy, tôi nhìn kỹ, trông hơi khác.

Chín giờ mười, ngày mười một tháng chín, chúng tôi có lệnh tập hợp khẩn. Ban chỉ huy báo cáo tình hình. Một tổ chức khủng bố tấn công hai tòa nhà chọc trời của New York và một góc lầu của Bộ Quốc Phòng. Lệnh báo động toàn quốc. Quân nhân các cấp toàn ngành ở trong tình trạng sẵn sàng. Không phạn, hải cảng, đường biên giới đóng cửa. Cả đơn vị chờ đợi nhận lệnh. Không khí đượm mùi chiến tranh.

Buổi chiều, đơn vị tôi được lệnh điều động tới New York. Xưa nay, tôi vốn không ưa thành phố lớn. New York, nơi mệnh danh "A thousand dreams for one parking place." Máy bay quân sự bay một vòng. Khói mù mịt. Bên dưới, một đống gạch đổ cao như một núi hoang tàn. Trái tim tôi như thất lại từng hồi.

Trung đội tôi chia nhau đóng một ngã phố. Chúng tôi căng dây, giăng chướng ngại vật ngăn từng khu. Những người dân cầm cờ đứng hai bên lề hoan hô người lính. Tôi cảm động, hơi xấu

hồ. Chúng tôi là lính mới, chưa làm gì để được hoan hô. Tôi nhìn những đoàn người thiện nguyện, làm việc ngày đêm, nhặt những mảnh thi hài mà cảm phục. Buổi tối, con phố không ngủ. Nhiều người mang khung ảnh thân nhân, xuôi ngược trên vỉa hè. Gặp ai, họ cũng hỏi. Những câu hỏi vang lên như điệp khúc.

Tôi đứng canh giữ hiện trường. Và tưởng tượng hàng trăm chuyện tình trong tòa nhà đổ nát. Mà chuyện nào kết thúc cũng giả sử nạn nhân là tôi hoặc Judy. Để sáng mai tôi gặp lại những người không may, vừa mừng vừa thương hại. Tôi hạnh phúc vì tôi có tình yêu. Như người đang đứng ngoài ánh sáng, mà Judy chính là người cầm đuốc mang cho. Đến sáng, thay phiên gác, tôi quyết định gọi về nhà. Mẹ nuôi bốc điện thoại, mừng rỡ, "Con khỏe không? Em nó đi chơi biển với bọn thằng Tim. Chưa nói với con à?"

Tôi không tin ở lỗi tai mình. Hôm qua, Judy mới nói đi cắm trại ở trường. Lẽ nào?

Tôi đứng lại bên đường. Nắng ban mai đã vàng bên kia phố.

Đường ra khỏi basra

Khi tôi đặt bàn chân đầu tiên chạm xuống đất Mỹ, tôi đã để ý rất kỹ, cái cảm giác đầu tiên bao giờ cũng vậy, nó gây một ấn tượng sâu sắc lâu dài trong ký ức. Vậy mà trong giây phút đó tôi chỉ ngẩn ngơ một chút, một chút thôi rồi bị đẩy theo dòng người... Cái cảm giác bàng hoàng, sâu sắc nhất phải kể là lúc máy bay cất cánh rời Việt Nam. Khi chiếc máy bay United Airline nhắc mình rời phi đạo, tôi ý thức được mình không còn đặt chân trên mảnh đất quê hương nữa. Tôi lơ lửng, bay cao và bay cao mãi. Đột nhiên tôi có cảm giác xác thân không còn tồn tại, tôi giống như một thứ linh hồn đang lơ lửng rời bỏ trần gian.

Mẹ tôi nói, đặt chân lên đất Mỹ tức là đặt chân lên tới thiên đàng. Cha nói, hãy bám trụ, đừng trở về cái địa ngục này. Tôi hiểu, cha mẹ đang cắt ruột đấy, và tôi cũng đang quặn lòng phải rời bỏ gia đình để đi du học.

"Phải bám trụ." Ba cái chữ này ám ảnh và mọc rễ trong tâm trí tôi. Nhưng mà làm thế nào để bám trụ? Để được ở lại nước Mỹ, vào quốc tịch, và sau này kéo hết gia đình sang, đó là mục tiêu tối thượng, và cũng là niềm mơ ước của cả gia đình, điều đó thật không dễ. Con đường tắt là kết hôn với người có quốc tịch. Ở ký túc xá, trong lớp, đi shopping, đi làm thêm, hay bất cứ lão rảo nơi đâu tôi cũng dán mắt vào những đứa con gái. Tôi đoán và xác định mục tiêu, con nhỏ này còn Việt Nam quá, chắc chỉ có thẻ xanh, con nhỏ kia có vẻ Mỹ hóa chắc chắn là có quốc tịch rồi hay nó để ở đây. Tôi bắt kể tuổi tác, nhan sắc, trong đầu vẽ ra một cuộc tình chớp nhoáng, mà cái nào cũng kết thúc bằng một buổi lễ tuyên thệ tại sở Di Trú. Nhưng mà thực tế, chưa có lần nào tôi mở miệng làm quen, tôi vẫn đứng đó với một tâm trạng xuôi xị, hèn hèn. Tệ hơn nữa, trước mặt họ, tôi có cảm giác mình là người làm bằng thủy tinh trong suốt, họ nhìn thấy tâm địa bất chánh, những ý đồ đen tối rõ mồn một như một vết mực đen vấy bẩn khắp người. Những thằng du học sinh khác bảo, hãy coi chừng, léng phéng với họ có ngày ăn dao, ăn đạn đấy. Chúng nó bày, muốn ở lại, chỉ có nước kết hôn giả. Kết hôn giả tốn rất nhiều tiền. Cha mẹ tôi đã phải cầm cố nhà cửa, tài sản duy nhất để lo chuyện du học rồi, đánh chết tôi cũng không dám nghĩ tới tạo một gánh nặng nữa cho gia đình. Một thằng bạn khác bảo, đăng lính đi, phục vụ trong quân ngũ một thời gian vừa được quy chế vào quốc tịch, vừa được học bổng học đại học, nhất cử lưỡng tiện. Chiến tranh Iraq mới bắt đầu, nhu cầu cần lính đang cao. Và tôi, quyết định ngay, mở một con đường máu, vào quân đội để thoát hiểm.

Quyết định vào lính làm mọi người kinh ngạc. Bạn tôi nói, "Đi lính bây giờ là nhảy vô địa ngục."

Tôi cười cười, vò vò cái đầu gần như trọc lóc. Không, tôi chỉ muốn làm một cú “vượt vũ môn” thôi. Tương truyền ngày xưa có một loài cá chép, cứ ba năm thì được vượt vũ môn để hóa thành rồng. Từ dân Việt để trở thành công dân Mỹ cũng giống như đi đầu thai kiếp khác, tôi cần phải “vượt vũ môn” như một con cá chép thật.

Tôi không kể cho ai nghe về thời huấn luyện ở quân trường. Làm thế nào để từ một người dân trở thành một người lính? Nó đã tóm gọn trong hai chữ huấn luyện. Người ta huấn luyện người lính đứng vững trong mọi tình thế, kể cả khi địch bắt, bị tra khảo và chịu nhục hình. Tôi gửi cho gia đình một tấm hình lễ mấn khóa. Tôi trong bộ quân phục bộ binh, vác súng, qua nhiều tư thế. Mẹ tôi khóc. Mẹ đã vất vả nuôi ba tôi trong tù nhiều năm. Còn cha, tuy là lính trơn nhưng lúc xe tăng T.54 tiến vào Dinh Độc Lập, cha cùng đồng đội còn đang lập chốt làm tuyến phòng thủ ở phía Tây Sài Gòn. Cha bị bắt ngay mặt trận vào giờ thứ 25 nên tù lâu là chuyện thường. Trong thư cha viết, “Cha tôn trọng quyết định của con. Phải nhớ rằng, một ngày làm lính, cả đời là lính. Người lính không sử dụng quân đội như một phương tiện... Khi con có mục tiêu thì phải chiếm cho bằng được.” Kể từ đó, cha không viết về những chuyện đã rồi, thư cha toàn là những trang liệt kê về những ưu điểm của đủ thứ vũ khí các loại, và cách đối phó những tình thế nguy hiểm. Không nói ra, nhưng tôi hiểu cha muốn truyền hết nội lực, tâm huyết cho tôi, không giữ lại một chút gì. Tôi nghĩ, những vũ khí xưa ở chiến trường Việt Nam hiện nằm trong viện bảo tàng. Chiến trường Iraq ở sa mạc, trong lòng núi, ngoài thành phố, chợ búa, và bên vệ đường. Nguy hiểm nhất là những “road bomb”. Nó chỉ là những chất nổ tự tạo, rất đơn sơ, nằm lẫn trong gạch đá, rác rến phế thải ở ven đường. Ở một nơi mà kẻ thù không những chỉ là con người, mà còn là gạch đá, rác rến, cỏ cây thì đó là nơi tối nguy hiểm. Nhưng tôi không nói với cha điều này.

Ra trường một năm đơn vị tôi mới tới phiên qua Iraq. Trước đó, chúng tôi đã được thao tập nhuần nhuyễn về chiến trường mới, thực tập trên các địa hình sa mạc Black Rock (Nevada), leo lên những mỏm núi chót vót ở những vùng thạch sơn kỳ vĩ của Arizona. Mùa Đông chúng tôi len lỏi hành quân trên những rặng núi trắng xóa trên Canada. Hè, chúng tôi xuống Texas, lang thang lạc lối trên sa mạc miền viễn tây, chịu đựng cái nóng và khát cả tuần để tự mưu sinh thoát hiểm. Bộ chỉ huy đơn vị nói, phải biết sinh tồn trong “tủ lạnh” và trên “lò nướng” để khi qua Iraq làm tụi Al- Qaeda “lé” mắt.

Chiến tranh Iraq bắt đầu vào ngày 20 tháng 3 năm 2003 và ngày 1 tháng 5 khi việc thăm chiến hạm USS-Abraham Lincoln ông Bush tuyên bố chiến tranh chấm dứt. Chính quyền độc tài bị lật đổ, chuẩn bị cho một nền dân chủ đang được tiến hành, mọi đảng phái đều được tham chính thông qua bầu cử. Ngày 13 tháng 12 cùng năm đó, Saddam Hussein bị bắt, hy vọng phục quốc tiêu tan.

Nhưng mà ở Iraq súng vẫn nổ khắp nơi. Từ thành phố đến thôn quê, rừng núi, sa mạc, nhà thờ, trường học, chợ búa, đâu đâu cũng có những ổ kháng cự. Nhỏ thì dăm ba người, lớn lên đến vài trăm. Thoạt trông họ là thường dân, cầm súng lên họ là giặc. Không phải dân Iraq chỉ chống Mỹ, mà xem ra họ chống nhau còn tàn tệ hơn. Quân kháng chiến có thể xả súng bắn vào chợ búa, nhà thờ, trường học, thậm chí đám cưới hay tang lễ.

Khi tôi đặt chân đến Mosul, pháo đài kiên cố nhất của đảng Baath do giáo phái Sunni phe Saddam thì giao tranh vẫn còn ác liệt.

“Sức mấy mới hết chiến tranh.” Thăng Michael Tea, tiểu đội trưởng mới của tôi nói. “Mỹ có rút hết quân thì chiến tranh vẫn còn.”

“Tại sao còn?” Tôi ngạc nhiên.

“Mày tưởng tụi Iraq chỉ có chống Mỹ hả? Tụi nó chống nhau còn dữ hơn chống Mỹ.” Thấy mắt tôi vẫn tròn xoe, nó nói. “Cùng là dân Iraq, gốc Ả Rập, cùng Hồi giáo, nhưng phe Sunni chống

phe Shi'a, hai phe này lại cùng chống người Kurd ở miền Bắc, người Kurd lại chống chính quyền Iraq bất kể phe nào cầm quyền, người Turkman cũng chống chính quyền Iraq, chống Sunni, chống phe Shi'a, chống người Kurd, người Assyrian Christian chống hết tất cả các phe khác họ."

"Trời ơi, nhức đầu quá."

"Tao điên mất." Mấy thằng trong đơn vị tôi ôm đầu la.

Tôi bình tĩnh hỏi, "Trong các nhóm, nhóm nào đông nhất?"

"Giáo phái Shi'a đông nhất, chiếm gần 60% dân số. Phái Sunni 20% đứng nhì. Thứ ba là người Kurd miền Bắc cũng khoảng 20%. Mấy nhóm còn lại chừng 3%."

"Để ợt. Chỉ cần ổn định các phe phái lớn trước thì các phe nhỏ phải chịu phép thôi. Iraq sẽ thái bình"

Michael Tea cười lớn, "Chuyện đó con nít cũng biết. Nhưng mà làm sao để họ ngồi lại với nhau họa chăng chỉ có Trời mới biết."

"Nhưng tại sao họ chống nhau?" Thằng Ted hỏi.

"Nguyên nhân bắt nguồn từ Giáo chủ Muhammad. Sinh năm 571, nhưng mãi đến năm 610, bốn mươi mốt tuổi, ngài mới bắt đầu rao giảng kinh Qur'an và thành lập Hồi giáo. Đến năm 632, ngài bị bệnh và nghĩ tới việc truyền ngôi. Bấy giờ, trong hàng tín đồ bắt đầu chia ra hai phe. Một phe theo kiểu cha truyền con nối, Giáo chủ không có con trai nên ủng hộ người con rể tên Ali Abu Talid nối ngôi. Nhưng phe khác cho rằng, Giáo chủ là người thừa sai của Chúa, vậy người đại diện Abu Bakr mới đủ đạo hạnh tiếp tục ngôi vị đó. Cuộc tranh chấp dẫn tới việc Giáo chủ phải ra phán quyết cuối, nhưng cả hai phe đều không chờ được nên xảy ra bạo loạn và khi ấy đã có kẻ ra tay giết Giáo chủ. Từ đó đến nay không thấy ai thắc mắc, điều tra hung thủ đã sát hại Giáo chủ. Người ta bận lo tới việc tranh ngôi. Cho tới bây giờ kể như bất phân thắng bại."

"Hơn cả ngàn năm trôi qua, Ali và Abu cũng không còn, ai lãnh đạo thì cũng đọc kinh Qur'an thôi, có chi mà tranh chấp." Tôi nói.

"Đạo Hồi có một tỷ ba dân số khắp thế giới, giáo quy gắt gao, người lãnh đạo quyền hạn hơn Tổng Thống, vua chúa một nước. Chính Ali và Abu chắc cũng không ngờ, nếu biết trước họ đã tận diệt nhau chứ không chịu chia thành hai phe, di họa tới bây giờ." Michael Tea nói, "Mày không tranh chấp, dễ thua thiệt lắm."

Tôi vào quân đội, rồi được nhập tịch, tương lai đem cả gia đình sang, nghĩ tới cảnh đoàn tụ, tôi "lời" quá cỡ, thua thiệt chỗ nào. Tôi tiếp tục thắc mắc.

"Vậy giáo phái Sunni của Saddam thuộc dòng nào?"

"Họ là truyền nhân của đại đệ tử Abu Bakr, là thiểu số. Còn phái Ali con rể Muhammad là phái Shi'a thân Iran chiếm đa số."

"Trời đất!" Tôi kêu lên, "Làm thế nào mà Saddam lấy thiểu số thắng đa số?"

"Lấy bàn tay sắt." Michael Tea trả lời tỉnh bơ. "Chính nghĩa, công lý hay gì gì nữa cũng bị đè bẹp thôi. Trong 25 năm, Saddam xử tử cả trăm ngàn người."

"Ồi trời ơi." Cả tiểu đội kêu lên, thật kinh khủng.

Đêm đó, tôi trần trọc nghĩ về Saddam. Iraq là một vùng đất cổ, có hai con sông Euphrates và Tigris vắt qua. Nơi đây được mệnh danh là cái nôi của nhân loại, bởi người ta tìm thấy dấu vết con người xưa nhất trái đất ở đây. Vì sống giữa vùng đất được bồi đắp phù sa của hai con sông nên người ta gọi nền văn minh này là nền văn minh Lưỡng Hà. Thời đồ đá, đồ đồng, đồ sắt được dùng làm vũ khí. Các công trình nghệ thuật kiến trúc như thành Babylon, vườn treo sau này trở thành kỳ quan thế giới cũng phát xuất từ đây. Văn hóa phát triển rực rỡ như thế nhưng dân cổ đại Iraq yếu xiu, đánh giặc dờ không thể tả. Liên tiếp trải mấy ngàn năm Iraq luôn bị các chủng tộc khác xâm chiếm và cai trị. Iraq chưa bao giờ giành được độc lập, tự vệ biên giới cho mình. Sau thế chiến thứ nhất, đế chế Ottoman thống trị Trung Đông bị Anh, Pháp, Mỹ đánh bại. Chính người Anh đã vẽ lại bản đồ cho Iraq. Nhưng Saddam và đảng Baath mới giành độc lập cho Iraq từ Anh. Như vậy kể ra Saddam là một anh hùng, chưa chắc là tội nhân. Nghĩ tới đó, không chịu nổi, tôi hỏi Michael. Nó bật cười lớn.

“Ya, ya. Saddam là anh hùng, nhưng là anh hùng của 20% dân số thôi.” Nó nạt tôi, “Ngủ đi. Sống ở đây, khóa miệng lại. Tuyên bố bậy bạ, sáng mai 60% dân số còn lại sẽ giết mày đó.”

Nhưng mà tôi vẫn không tài nào ngủ được. Nếu Saddam là người Shi'a có thể tình thế sẽ khác. Nếu Saddam không độc tài, tình thế sẽ khác. Nếu Saddam không xâm chiếm Kuwait, không mơ làm Thành Cát Tư Hãn thống nhất Ả Rập, tình thế sẽ khác. Và nếu tôi không mất ngủ, tình thế cũng sẽ khác.

Mới mờ sáng, đơn vị tôi nhận lệnh tới Haji Ibrahim. Đây là vùng núi cao nhất Iraq, trên 11 ngàn feet, nằm sát biên giới Iran. Bộ chỉ huy đơn vị nói, những tổ chức người Sunni đang rút về đây, họ sẽ truy quét người Kurd ra khỏi vùng núi để chiếm lấy địa bàn. Nếu để họ chiếm được khu vực này sau rất khó kiểm soát. Đây cũng có thể là con đường vận chuyển vũ khí lậu từ Iran chuyển cho khủng bố. Nhiệm vụ chúng tôi là bảo vệ người Kurd, chặn đứng con đường tiếp tế vũ khí từ Iran.

Mặt trời chưa lên, ba phi đội UH-60 Black Hawk bay hàng một luân phiên thả chúng tôi xuống chân núi. Chân vừa chạm đất, chúng tôi vừa lăn vừa chạy. Phải biết biến mình thành một mục tiêu luôn luôn di động. Có thể những tay bắn tỉa của địch đang phục kích đâu đây. Cuộc hành quân bắt đầu từ giữa hai khe núi thấp nhất và tỏa ra những vùng phụ cận. Núi Iraq rừng lơ thơ, cỏ không cao quá gối, nhiều nơi chỉ có toàn đá trọc. Tiểu đoàn trưởng ra lệnh, tắt cả đèn ra, kiểm soát những hang động trước khi tiến lên núi, chú ý hầm hố và những bãi mìn.

Tiểu đội dàn ngang, ghim súng chậm chậm tiến lên. Kiểu đội hình này, cha tôi viết, là thể tiến nguy hiểm, vì địch nấp ở đâu đó quạt một tràng là tiểu đội tiêu. Tôi đâm sợ, thằng Michael Tea không có kinh nghiệm, đáng lẽ nên dàn hàng một tiến lên mới đúng. Tôi kêu Michael trong earphone. Nó la, “Nhìn vô ống nhắm, quan sát những điểm đen kia.” Những điểm đen thường là những cửa hang, lấp bằng vải bạt hay ván tạp. Tôi rùn mình xuống, lò dò tiến. Mắt dán vào ống nhắm và điều chỉnh. Cái ống nhắm này tôi nài nỉ mãi mới được loại 50MM có thể phóng mục tiêu lớn ra từ 3 đến 9 lần, rất rõ. Tôi gắn ống nhắm trên khẩu M4A4 có 2 cò, vì bên dưới còn thêm bộ phận phóng lựu M203, sức công phá mạnh và xa hơn M.79 ở chiến trường Việt Nam. Tiểu đoàn trưởng nói, hành quân 2 ngày, quân trang gọn, nhẹ để dễ leo núi, không quân yểm trợ nếu có tình thế bất ngờ. Nhưng cha tôi viết, nếu đụng trận diễn tiến không lường được, cuộc hành quân có thể kéo dài. Vì vậy, hành trang của tôi nặng trĩu như một cuộc chuyển quân xa hay sắp dựng một trận lớn. Ngoài ra, cái áo khoác tactical vest nhiều túi của tôi nhét đủ thứ, 4 băng đạn dự trữ 1,800 viên, 10 quả M203, dao găm Ka-Bar bén ngót, kính hồng ngoại tuyến ban đêm, một canteen nước, hai phần MRE thức ăn liền, mặt nạ chống hơi gas vì người Kurd đã từng bị Saddam tấn công bằng hơi độc Sarin chết hàng loạt.

Lúc ngồi trên trục thăng, thấy tôi vũ trang đến tận răng, cả đội nhìn tôi như quái vật.

“Ê, mày định một mình tiêu diệt hết một tiểu đoàn hả?” Thằng Ted xỏ ngón tay tìm coi có cái túi nào còn trống trên cái áo vest phòng cứng của tôi.

“Oh! My heroes” Thằng Robert láu lỉnh, giả vờ chấp tay ngưỡng mộ. “Có mày, chắc tụi tao ở không quá.”

Tôi nổi sùng, hất tay tụi nó, nạt. “Kệ tao.” Nhưng mà nhìn lại, tôi thấy mình giống như “Cái Bang Tám Túi” thật. Đem nhiều thứ quá cũng không giống ai. Lần sau tôi sẽ rút kinh nghiệm.

Có một bàn to lớn mò mẫm bóp cái ba-lô sau lưng tôi.

“Trời ơi, nó đem theo mền nữa đây này.” Thằng Ed cười hô hố, “Mày tính định cư trên núi luôn à?”

“Câm miệng.” Tôi quát lên một tiếng, bực tức, thằng này lớ quớ khi xuống đất tôi sẽ đá cho nó một cái để đời. Nhưng mà nhìn lại, nó bự hơn, bàn tay của nó to gấp ba lần tay tôi.

Michael Tea, tiểu đội trưởng, nạt, “Shut up.” Đôi mắt nó rà một lượt, tia nhìn phát ra lửa, chúng tôi nóng ran cả người.

Có tiếng súng M4 “tạch, tạch, tạch...” ròn rã. “Đụng rồi.” Có tiếng la sau lưng tôi. Cả bọn nằm rạp xuống. Chừng ba mươi giây, Michael ở đằng trước quay đầu ra hiệu, chúng tôi tẻ hai bên, nhường cho hai thằng mang M249 đi giữa, một thằng lui ra sau dự bị. Chúng tôi bò lên, ép sát hai bên, tiến gần cửa động. Chắc chắn có người, tôi thấy tấm bạt rung rinh, nhất định không phải dân, có lẽ tụi Baath đã đi trước một bước.

“Marhaba” Tiểu đội trưởng cầm micro gọi lớn ba, bốn lần, không ai trả lời.

Qua kính nhắm, tôi thấy tấm vải bạt nhúc nhích như có người đứng ngay sau đó. Tôi đặt tay vô cò sẵn sàng, thằng nào lú ra, tôi nả liền. “Tiên hạ thủ vi cường.” Tôi nghĩ, “Thà bắn lầm còn hơn bị bắn chết.” Tôi không muốn chết, nhất là chết ở đây. Mặc kệ ông Bush muốn xây dựng dân chủ hay phát huy tự do gì gì đó, tôi không “ke”. Tụi Iraq có chết khô trên giếng dầu, tôi cũng không “ke”. Tôi chỉ muốn sống để trở về. Để mơ, một ngày nào, cha mẹ em út tôi được đặt chân lên miền đất hứa.

“Hello. Hello. Anybody’s there?” Thằng Michael kêu muốn tắt hơi.

Cửa hang vén khê, một nhánh cây ló ra, đầu có cột một miếng vải trắng. Đầu hàng rồi, chúng tôi thở phào, không cần phải nổ súng. Nhưng vì đề cao cảnh giác, biết đâu địch trí trá khó lường, Michael vẫn kêu họ bằng tiếng Ả Rập.

Họ bắt đầu đi ra, dè dặt từng người một. A! tôi nhận ra, đây là dân quân Kurd, họ trang phục khác người Iraq, đàn ông mặc quần phùng (kiểu Thổ), áo sơ mi, đầu quấn khăn xếp, râu tóc ngắn gọn. Tất cả hai mươi bảy người, kể cả bốn đứa trẻ chỉ độ 12,13 tuổi. Trong bộ tộc Kurd, người nào vác nổi súng, người đó là lính, bất kể nam phụ lão ấu.

May quá, người Kurd ở đây, có nghĩa vùng này an toàn. Trong khi tiểu đội liên lạc cấp trên, tôi đi một vòng khảo sát.

Chỉ suy diễn từ cái hang này tôi cũng thấy vấn đề kiểm soát an ninh, hay ngăn chặn sự chuyển vận vũ khí qua lại biên giới là một chuyện nan giải. Cửa hang nhỏ, nhưng càng vào trong càng rộng, khuôn viên chính giữa có thể chứa vài ngàn người. Ở giữa động có một hồ nhỏ, nước trong vắt. Họ nói, mùa Xuân tuyết trên núi tan, nước theo khe chảy xuống tích tụ nên hồ, đủ dùng quanh năm. Đằng sau còn có một cửa khác ăn thông, có thể thoát ra bằng vách khác. Cái cửa hậu này không phải do thiên nhiên mà do họ đào phá từ năm này qua năm khác mà thành. Tôi đi vòng lòng xem qua nơi ăn, chốn ở của họ. Có lẽ đây là trạm trú quân của quân du kích nên đồ đạc, bếp núc không có dấu vết đàn bà. Nồi niêu xoong chảo, ấm chén của họ có lẽ toàn là đồ từ thời Adam, Eva, cũ kỹ thấy phát sợ.

Người Kurd có mặt ở Iraq có lẽ từ thời khai thiên lập địa. Họ không phải giống dân Ả Rập, không theo đạo Hồi. Sự khác biệt văn hóa, phong tục, ngôn ngữ, trang phục, biến họ thành cái gai trong mắt dân Ả Rập. Trải qua hàng ngàn năm, họ đã bị các chủng tộc, các thời đế chế, vua chúa khắp nơi truy sát. Nhưng mà, với sức chiến đấu dẻo dai, khả năng sinh tồn mạnh mẽ, họ đã trốn chạy liên tiếp từ đời này qua đời khác. Khi bị truy sát ở Iraq, họ bồng bế nhau qua Thổ, khi Thổ đánh đuổi, họ chạy qua Syria, khi bị Syria cản, họ trốn qua Iran, bị Iran đánh, họ lại chạy về Iraq. Họ sống du mục và chạy loanh quanh khắp biên giới bốn nước. Lịch sử của người Kurd là lịch sử chạy. Cho tới bây giờ họ chưa có điểm dừng chân.

Tôi nghe nói, sau thế chiến thứ I, người Anh ký hiệp ước giúp họ thành lập quốc gia Kurd, thủ đô đáng lẽ là Mosul. Đổi lại, người Kurd ký kết cho Anh khai thác mỏ dầu lớn ở miền Bắc, lãnh địa Kurd. Hiệp định đã ký kết, năm 1927, Anh đã khai thác dầu. Nhưng quốc gia Kurd đến nay vẫn còn nằm trên giấy. Không phải người Anh bội ước mà người Kurd đã bỏ mất cơ hội lập quốc có một không hai. Vì đây là thời gian, Anh cũng đang thành lập Iraq. Do trốn chạy khắp

nơi, người Kurd đã bị phân hóa từ đời nào cũng không biết. Khi tiến hành việc thành lập quốc gia, người Kurd ở Thổ thích chính sách của Thổ, người Kurd ở Iran thích theo khuôn mẫu Iran, người Kurd ở Syria thích theo chế độ như Syria, người Kurd ở Iraq lại không thích ý kiến các nhóm khác. Không ai nhường ai. Mấy năm sau, Iraq tuyên bố độc lập, biên giới bao trùm luôn phần đất Kurd. Và người Kurd từ đó lại tiếp tục: Chạy.

Nghe tới đoạn này, tôi cảm thấy buồn. Mong rằng người Việt tỵ nạn khắp nơi Mỹ, Anh, Úc, Pháp, sau này trở về sẽ tránh vết xe đổ như người Kurd.

Tiểu đội ra lệnh tập hợp, chúng tôi trở vào trong hang. Một vòng tròn, nửa là Kurd, nửa Mỹ. Tiểu đoàn mới thả dù một quân nhân thông dịch tới. Người Mỹ sẽ bảo vệ người Kurd, tạm thời vẽ một khu tự trị cho họ. Từ thành phố Tikrit trở lên là khu Cấm Bay, ngoại trừ máy bay Anh Mỹ và Liên Hiệp Quốc. Phía Mỹ sẽ cung cấp khí giới và huấn luyện dân quân Kurd. Đổi lại, Kurd kiểm soát và phát hiện những con đường vận chuyển vũ khí lậu qua biên giới. Vũ khí và toán huấn luyện sẽ tới sau. Nhiệm vụ chúng tôi rời khỏi nơi đây và tiếp tục hành quân sau lưng núi. Thăng Ted chửi, Robert chửi, Ed cũng chửi, còn tôi chửi... thầm.

"Tại sao họ không để tụi mình ở lại huấn luyện?" Thăng Bob cự nự.

"Đây là lệnh. Chấm hết." Tiểu đội trưởng kết thúc.

Chúng tôi đi vòng sau lưng núi. Núi này tiếp ngọn núi kia. Màu đá tím tím, phẳng lì, dốc cao thoải thoải. Ba-lô trên vai tôi trĩu xuống, oằn vai. Mới 17:00 tức năm giờ chiều, trời đã nhá nhem. Gió thổi buốt mặt. Chúng tôi dừng lại bên một khe trũng, mấy lùm cây thưa cao quá đầu người, che khuất một cái hang. Tôi mệt đừ đừ. Tựa vào gốc cây, tôi đứng thở dốc. Mấy thằng kia quân trang nhẹ hửng, cũng mướt mồ hôi. Khi thằng Michael chạy tới, nó xua tụi tôi như xua tà.

"Đi, đi vào trong kia kiểm soát trước." Nó chửi te tát, "Chưa kiểm soát mà đứng đây chơi, tụi bây muốn chôn thầy ở đây chắc?"

Cái thằng này có thể lên tới tướng đây. Nó không hề biết thương anh em đồng đội. Mồ hôi người ta mà nó tưởng như nước lã.

Chúng tôi chạy vào trong hang, kiểm soát. Tôi mệt muốn xỉu, từ sáng tới giờ chỉ đi và chạy, chưa có hột cơm nào. Đã vậy, đôi mắt chập chập cứ muốn riu lại. Nếu gặp địch, tôi cũng phải ngã ra ngủ một giấc cái đã, chuyện đánh đấm tính sau.

May quá, cái hang cạn, không có người. Michael nói, khi nào chắc chắn an toàn mới được nghỉ ngơi, ăn uống. Thăng Ted giỡn, "Sao nó không nói, khi nào bắt được Bin Laden, ăn cơm cũng chưa muộn."

"Clear." Thăng Bob từ bên sườn chạy vòng qua nói.

"Clear." Thăng Tom ở vách sau hay đâu đó cũng la lên trong máy.

"Clear, clear." Hai ba tiếng nữa của ai đó vọng ra. Tiểu đội trưởng liên lạc với trung tâm hành quân rồi phân công. Chúng tôi đóng chốt ở đây. Một, hai, ba, thằng Michael chỉ tôi, Ed và Ted, ba đứa bây: chốt Một. Rồi nó khoác tay, kéo một đám theo sau, đi đóng chốt Hai. Nhưng mới vài ba bước nó quay lại, chỉ xuống chân núi.

"Đêm nay, tụi bây chia nhau canh giữ hẻm núi phía dưới. Có phát hiện gì báo ngay, không được tự ý hành động." Nó quay qua tôi, "Còn mày, tối nay, không được làm thơ, không được ngủ."

Chưa kịp phản đối, nó khóa miệng tôi. "Đây là lệnh."

"Yes, sir." Tôi gào lên, tức muốn ói máu.

Ted và Ed bảo, "Ăn cái đã, từ sáng tới giờ tao đói muốn rã ruột." Tụi nó ăn, tôi kê đầu trên ba-lô ngủ. Có nhiều khi ngủ ngon hơn ăn gấp cả ngàn lần.

Ngủ được ba tiếng, thằng Ted lôi tôi dậy. Đổi phiên. Trời bây giờ tối đen như mực. Tôi có cảm giác bị người ta quăng vào cái lỗ đen trong vũ trụ. Vừa nằm xuống, thằng Ed, thằng Ted đã ngủ say như chết. Tôi dụi mắt, mắt cay xè. Tôi uống một hớp nước, cũng chưa tỉnh nổi. Bây giờ

thiên đường không phải là thành Babylon, không phải là vườn treo Hanging Garden, không phải ở Địa Đàng, hay trên Thiên Đàng, mà là ở trong cái mền bông mềm như nhung, mượt rượt, mượt mà. Tôi đang ước được chui đầu vào đó, đánh một giấc trăm năm.

Tiếng Michael léo nhéo trong máy. Tôi trả lời rồi lồi trong ba-lô một tấm ponchos, một lọ thuốc Alert. Thuốc này uống vào bảo đảm tỉnh như sáo suốt 48 tiếng đồng hồ. Tấm ponchos, tôi trải ra tử đều cho hai đứa bạn. Đêm trên núi cao, sương xuống lạnh lắm.

Tôi ngồi thu lu trong bóng tối. Một chút sau mắt quen với màn đêm, tôi thấy đêm không đen như tôi tưởng. Trời trong và cao vút, đêm có ngàn sao lấp lánh, một mặt trăng lưỡi liềm chênh chếch hướng Đông. Trăng lưỡi liềm cong vút, bóng nguyệt treo ơ hờ, sắc trắng mờ nhạt lung linh làm đêm trở nên huyền ảo. Không hiểu sao trong tất cả truyện cổ Ả rập người ta chỉ thấy bầu trời và ánh trăng lưỡi liềm. Bây giờ, tôi ngó trăng. Trăng cũng ngó tôi. Mà không, trăng ngó vạn vật. Tôi cũng ngó vạn vật. Đêm thật yên tĩnh. Tôi lắng nghe tiếng gió mơn man vuốt ve lưng núi, tiếng cỏ lao xao, rì rào chen lẫn trong tiếng đập đều đặn của trái tim tôi.

Ba tiếng đồng hồ trôi qua. Tôi ngồi im trong một tư thế gần như bất động. Nhìn xuống khe núi bên dưới, bốn bề vắng tanh. Có ai biết nỗi khổ của một con sói rình mồi? Phải kiên nhẫn lắm. Tôi nhìn vào khe núi như nhìn vào một khoảng không vô định.

Hai giờ sáng. Giờ này là của thằng Ed đây. Nhưng tôi tỉnh táo lắm, cho hai đứa nó ngủ thêm một chút. Bây giờ, trăng chênh về Tây. Đêm Iraq thật huyền diệu, nhưng mà tôi vẫn nhớ một vàng trăng vắng vạc xa tít ở quê nhà.

*“Trời xanh, trăng có tự bao giờ?
Ngưng chén, đêm nay hỏi một câu
Người với lên trăng, vin chẳng được
Khi đi, trăng lại mãi theo nhau.”*1*

Có phải ánh trăng này từ Việt Nam đã theo tôi tới đây chẳng? Còn sao nữa? Sao Hôm, sao Mai đâu? Tôi nhìn trời rồi nhìn điểm “nóng” dưới khe núi. Một vì sao đang rơi trong lùm cỏ. Sao nhấp nháy, nhấp nháy. Thật vô lý. Tôi dụi mắt mình mấy lượt. Quả thật, có một ngôi sao đang rơi trong lùm cỏ. Cái gì đó hả? Tôi chộp khẩu súng, mở kính nhắm, điều chỉnh tầm nhìn. Không phải ánh sao. Điểm sáng là ánh đèn pin đang vẫy qua, vẫy lại. Tôi lấy googles*2 nhìn, đèn tắt. Nghe tiếng lách cách, thằng Ted, thằng Ed đồng nhòm dậy. Chúng bò lại bên tôi, thì thầm. “What’s up?” Nó hỏi, “Cái gì vậy?” Không đợi tôi trả lời, nhanh như cắt, nó chộp súng, quan sát qua ống kính, “Oh, men.”

Tôi gọi máy, báo cáo tình hình. Michael lệnh, theo dõi mục tiêu, khoan nổ súng. Nó báo cáo về Trung Tâm hành quân. Ba thằng tôi xác định tọa độ, theo dõi địch. Có thể đây là tụi vận chuyển vũ khí tiếp tế cho khủng bố. Có một đường hầm hay hang động bí mật nào đó đi ngang qua eo núi này. Có lối vào ắt phải có lối ra. Không biết phía trước núi có ai phát hiện gì không? Không biết số lượng vũ khí là bao nhiêu và số người tham dự đường dây này? Của tổ chức nào?

Mười phút sau, tiểu đội tôi tề tựu. Vì hang động ăn sâu trong núi, không thể tiêu diệt hết nếu chỉ tấn công bên ngoài. Các đơn vị khác cũng đang bao quanh trước và sau núi. Trung Tâm sẽ chỉ viện một phi đội trực thăng AH-64 Apache để tấn công cả hai cửa hang. Nếu sức kháng cự lớn, trung tâm sẽ gọi các loại F mang bomb bunker*3 yểm trợ sau.

Trong khi chờ đợi chúng tôi di chuyển vào vị trí phối hợp. Mắt tôi không rời mục tiêu. Bên dưới một toán người sắp hàng một, lặng lẽ trước và sau đây những thùng sắt to và dài bắt đầu xuất

hiện. Chúng tôi nóng ruột. Có thể là những air-missile SA-7B hay SA-14, dễ di chuyển. Cả đoàn khoảng hai mươi người đã bắt đầu đi vào cửa hang. Trời ơi! Không khéo họ sẽ mất hút trong ấy hay cố thủ sẽ khó đây. Cần phải tấn công ngay. Nhiều họng súng chĩa ngay về phía họ.

Trong phút chốc, tiếng máy bay vùn vũ ngay trên đầu. Cả chục chiếc đèn cực mạnh sáng rực như ban ngày. Có tiếng loa kêu gọi đầu hàng. Phía địch bỏ chạy tán loạn. Có kẻ chạy thẳng vào hang, có kẻ trở đầu súng chĩa lên bắn máy bay. Những chiếc Apache đảo vòng vòng. Chúng tôi nổ súng bắn địch. Họ buông súng, thân xác ngã vật ra. Tai tôi không nghe thấy gì. Tiếng nổ chát chúa, liên tục. Trên không, máy bay nả những chiếc rocket AGM-114 Hellfire bay liệng vô hang. Ầm. Ầm. Những tiếng nổ lớn, mặt đất rung rinh, lửa vụt sáng chói và những luồng khói đen bốc lên cuộn cuộn. Tôi xoay nòng súng bắn như điên vào những lùm bụi gần cửa hang. Không thể để chúng bắn tĩa máy bay vì họ đang bay rất thấp.

Khi trận công phá kết thúc, tôi đi xuống dưới coi. Xác địch ngổn ngang, không biết tên nào do tôi bắn chết. Những kẻ này mặt mũi bình thường, nhưng giờ đã là những cái xác vô tri. Nếu sống, có thể có một ngày nào đó dám tôi mời hắn uống café trên đường phố Baghdad. Xem chán, tôi vào hang động, nhưng bị chặn lại. Người ta đang đưa những chuyên viên vũ khí tới đây. Cũng có thể có mìn hay chất nổ tự hủy đã được giải sẵn.

Đơn vị tôi được lệnh trở về, tuy cuộc hành quân vẫn còn tiếp diễn. Về sau quân đội phải khóa kín biên giới Iran, Syria ngăn chặn vũ khí đổ vào Iraq.

Từ mùa Xuân năm 2004, tổ chức Al-Qaeda với Musab-al-Zarqawi, dân quân vũ trang Mahdi của phái Shi'a, phe giáo sĩ Al- Sadr, tổ chức tấn công dữ dội khắp nơi. Trong đó Musab al-Zarqawi là tên khủng bố kinh hoàng nhất. Hắn dùng kiểu hành hình thời thượng cổ, lấy lưỡi gươm Sinbab chặt đầu tất cả các con tin ngoại quốc để áp lực Mỹ rút quân vô điều kiện. Các nạn nhân trước khi chết đều sợ hãi. Nhưng những người chưa bị bắt, chưa bị chặt đầu, chưa sợ. Thế giới Hồi giáo khắp nơi cũng phản đối. Al-Zarqawi bôi nhọ Hồi giáo. Hồi giáo không man rợ như Zarqawi. Phải chống Mỹ kiểu khác. Lực lượng vũ trang Sunni tổ chức phản công mạnh mẽ ở Fallujah bắt đầu tháng 3 năm 2004, giết bốn nhân viên an ninh cung cấp lương thực của tổ chức Blackwater. Họ cột bốn cái xác vào một chiếc xe, diễu lê khắp phố phường Iraq. Chủ ý răn đe buộc Mỹ rút quân. Nhưng cách đó thất bại. Người ta nhìn thấy tổ chức Sunni đã man, cần phải tiêu diệt. Trận đánh đẫm máu với Sunni là trận 46 ngày đêm ở Fallujah. Người Mỹ so sánh với trận Mậu Thân Huế năm 1968. Mỹ mất 95 binh sĩ, và địch bỏ lại 1,350 xác chết đủ mọi sắc tộc như Chechnyan, Iran, Syrian,... Ả Rập,... Sau tháng 11 năm 2004 trở đi, tình hình có vẻ lắng xuống.

Người Iraq xoay qua chống Mỹ theo kiểu khác: Kiểu Việt Nam. Trong chiến tranh Việt Nam, người Mỹ “thua” không phải trên mặt trận quân sự, mà “thua” trên mặt trận tâm lý. Chiến tranh tâm lý mở rộng. Phong trào phản chiến, những vụ Mỹ Lai được khai thác triệt để. Các tổ chức chống Mỹ, tổ chức nhân quyền đua nhau tố cáo những vụ vi phạm nhân quyền. Nổi tiếng nhất là cô Lynndie England và anh lính Charles Graner của trại tù Abu-Ghraib. Bức hình nổi tiếng tình tứ nhất của họ là bức hình lột truồng sáu người tù và bắt họ chổng chéo nhau xếp thành hình Kim Tự Tháp. Thế giới phẫn nộ, người Mỹ phẫn nộ, lính Mỹ phẫn nộ, chính quyền Mỹ rất phẫn nộ, nhưng tôi không... phẫn nộ. Tôi nghi, cặp tình nhân này điên ư? Họ không biết hành động vậy là vi phạm nhân quyền, vi phạm quân kỷ à? Tù như chơi. Họ biết, nhưng vẫn làm. Và ai là người đang đứng chụp hình cho họ đấy? Một nhân vật thứ ba. Rõ ràng đây là một vụ vi phạm nhân quyền có dự mưu. Cặp Lynndie và Charles đã lãnh bao nhiêu tiền? Khác với vụ Mỹ Lai, tòa án quân sự Mỹ làm rùm beng chuyện này. Họ xử nặng và tuyên bố sẽ lôi hết các vụ vi phạm nhân quyền ra công lý.

Cuối năm 2005, chúng tôi được lệnh điều về miền Nam. Mười lăm ngàn quân nhân canh giữ an ninh cho các thùng phiếu. Tất cả các tổ chức, giáo phái, phe phái chủng tộc, ghét Mỹ hay thân Mỹ đều được mời tham chính. Tất cả do người dân quyết định bằng lá phiếu. Ông Bush tin, với cách này, mọi người đều có mặt trong chính quyền, người dân sẽ quyết định chính thể của họ. Chúng tôi nghĩ, ông Bush lầm. Mọi phe nhóm đều không có ý định hợp tác tham chính, mỗi một phe đều muốn giành lấy độc quyền cai trị và tiêu diệt đối lập. Họ muốn dùng bàn tay sắt như Saddam. Họ chống Mỹ vì Mỹ không để điều đó xảy ra.

Sau bầu cử, người Iraq mở những mặt trận mới. Họ tiêu diệt nhau tận tình. Người Sunni xả súng bắn vào chợ búa người Shi'a, 65 người chết. Người Shi'a ném bom vào đám cưới Sunni, 124 người chết. Người Sectarian (không biết từ đâu tới) đánh bom vào thánh đường Al-Askari của người Shi'a ở Samarra, 165 người chết. Người Sunni lái xe bom lao thẳng vào lãnh địa Sadr giết chết 215 người. Con số người chết tăng đều như người ta nhân các giải độc đắc lotto hàng tuần. Đây chỉ là khúc dạo đầu cho một cuộc nội chiến tương lai.

Đầu năm 2007, ông Bush tuyên bố tăng quân, tăng chi cho cuộc chiến Iraq. Mặc, trong khi người ta phản chiến khắp nơi. Tình hình Iraq không thể ổn định, nhưng cũng không thể rút quân. Tiến thoái lưỡng nan. Mỹ rút, một cuộc nội chiến chắc chắn sẽ xảy ra. Tàn khốc còn hơn thời Saddam và chiến tranh hiện tại. Người Iraq giết người Iraq. Và mọi tội lỗi sẽ đổ lên đầu người Mỹ.

Giấc mơ ổn định Iraq giống như chuyện nằm mơ ban ngày. Mọi hận thù sắc tộc, tôn giáo gì đó là những mối thù truyền kiếp có thể sẽ kéo dài cho tới ngày tận thế. Đồng minh các nước lục tục rút quân về. Người Anh cũng bắt đầu giảm quân ở căn cứ Basra.

Tiểu đoàn tôi được lệnh di chuyển từ Samarra tới Basra. Khi ngang qua Baghdad chúng tôi được viếng thủ đô, thăm thắng cảnh trong 48 giờ. Nhiều người không đi, họ ở lại trong đơn vị, chỉ ra ngoài khi có nhiệm vụ. Baghdad là tụ điểm của khủng bố, phá hoại, bắt cóc, của "road bomb" và "tự sát". Bởi đây là nơi gây nhiều tiếng vang, lấy thành tích dễ nhất. Nhưng cơ hội ngàn năm một thuở, tiểu đội tôi quyết định ra ngoài. Viếng thăm xứ Ngàn Lẻ Một Đêm là điều tối ư cần thiết.

Chúng tôi mặc thường phục, lặn súng ngắn, máy định vị, rời ra đường. Baghdad lớn lắm, người đông, có con sông Tigris bắc ngang chia thành hai khu vực. Thủ đô đầy nhà cửa dinh thự, kiến trúc cổ công phu rất đẹp, khu dân cư tầm thường đơn giản, và đường sá xây dựng rất cầu thả. Những người trẻ mặc âu phục, đa số trung niên người già ăn vận theo truyền thống. Đàn ông mặc thawbs (áo dài chấm chân), đội mũ kufiyah (mũ úp) hoặc gutra (khăn trùm) có egals (vòng vải quấn quanh đầu). Đàn bà mặc abaya (áo đen trùm kín thân người), đầu quấn khăn choàng lớn.

Bỗng dừng, thằng Ted hỏi đó, "Thằng nào thấy đưa con gái Iraq đi giày cao gót đầu tiên, tao tặng \$100 dollars."

Cả bọn xôn xao, cười như Tết. Giải thưởng hấp dẫn đây. Nhưng làm sao kiếm ra. Bọn tôi chú ý mắt vào chân tụi con gái. Thật đáng kinh ngạc. Lòng vòng này giờ, thấy hơn trăm đưa, chẳng có mạng nào mang giày cao gót cả. Mà đàn bà đẹp là nhờ giày cao gót. Giày cao gót làm dáng đi yểu điệu, mảnh mai. Bây giờ tôi chợt hiểu ra, trông con gái Iraq không có nét dịu dàng, mềm mại là bởi tướng đi chắc nịch, hơi giống tướng đàn ông. Đã vậy, khăn áo kín mít, trông như những con quạ di động, chẳng có gì hấp dẫn. Vòng qua nhiều đường phố, cả thành phố chỉ có một loại cây duy nhất là cây Chà là. Chúng tôi lẩn quẩn khắp nơi, đường phố Iraq rất dễ lạc, nhà cửa cây cối các nơi đều giống nhau. Chiến tranh, khủng bố, bom nổ làm khắp nơi tiêu điều. Iraq ít có nhà hàng, quán xá, café... như các thành phố khác. Tiếp xúc người dân ở đây cũng đáng ngại. Họ sợ bị nghi ngờ, bị trả thù. Chúng tôi cũng sợ hãi trúng những người ôm bom tự sát.

Chúng tôi quyết định trở về khu trung tâm, viếng dinh Saddam. Nghe nói, Saddam cũng chán

đàn bà trùm chẵn, trong dinh treo toàn hình Marilyn Monroe vén váy. Nhưng mà Saddam có tới 23 cái dinh, luân phiên ngủ mỗi ngày, vậy cái nào mới có hình các kiều nữ Hollywood khỏa thân, ở trường.

“Mày tưởng Saddam có dành một cái dinh để tu chác?”

Cả bọn cười sằng sặc.

Chúng tôi quay lại con sông Tigris, băng qua cầu. Tại đầu cầu này, năm đó, khi tiến vào Baghdad, sư đoàn 3 đã dừng lại mấy ngày chờ lệnh. Người ta đợi một sự thỏa thuận buông súng của lực lượng Vệ binh Fedayeen trung thành với Saddam, để tránh những tổn thất nhân mạng không đáng có. Lúc đó Baghdad có tin đồn, Mỹ hết đạn. Một số tay súng lập lô cốt phòng thủ ngay trên đường phố, dùng AK-47 chống xe tăng M1Abrams. Trong chiến tranh đôi lúc cũng khiến người ta chết vì những tin đồn nhảm nhí như thế.

Bốn mươi tám giờ ở Baghdad qua mau, đơn vị gấp rút chuyển quân xuống Basra. Cách 55 dặm về phía Nam Baghdad là thành Babylon. Đoàn quân xa chậm chạp qua khu vực này. Thành Babylon cổ xưa, rộng tới mười cây số vuông, nơi cách đây gần ba ngàn năm người ta đã xây dựng đền đài cung điện cao ngất để lên trời. Năm 1258, Hốt Tất Liệt đã dẫn đại quân Mông Cổ đánh chiếm một nửa Châu Âu, rồi tràn qua Iraq. Lịch sử ghi, người Mông Cổ đi tới đâu, cái gì không cướp được là phá hủy. Kinh sách không đọc được đều bị đốt, kể cả những thứ về kiến trúc, y học, thiên văn. Ngọn lửa đốt cháy thành Babylon và tất cả sách vở hơn ba tháng mới tắt. Dân trong thành cũng chết sạch. Người Mông Cổ đã tiêu hủy cả một nền văn minh cổ xưa, phát triển rực rỡ nhất của loài người. Bây giờ, gạch đá ngổn ngang, phế tích tang thương, khiến chúng tôi không khỏi ngậm ngùi.

“Ôi, bên bờ sông Euphrates

Thành Babylon đổ nát

Mà ta còn ngồi đây

Đàn đã lờ lên dây

Kẻ thù còn bắt hát,

Ngợi ca về Zion

Làm sao ta hát được

Bài ca trên đất lạ...”

(Psalm 137)

Nhưng mà, đáng lẽ người Iraq phải thù Mông Cổ mới đúng. Đằng này, họ đi thù Mỹ. Tôi nghĩ, có thể bắt đầu do một sự hiểu lầm nào đó. Năm 1927, khi người Anh phát hiện mỏ dầu ở Kirkuk, lần đầu tiên khoan giếng, một tai nạn khủng khiếp đã xảy ra. Dầu bắn mạnh và phun cao như một thứ nham thạch vọt ra từ trong miệng núi lửa. Ngọn cao tới 15 mét, dầu tràn như lũ lụt. Chỉ cần một que diêm cả thành phố sẽ ra tro. Sau chín ngày, người Anh mới dập tắt được ngọn lửa. Mặc dù đó là một tai nạn, nhưng người Iraq vẫn ngờ, đó là một đòn dằn mặt. Chớ có tự ý khai thác dầu. Kỹ thuật khoan dầu, xưa nay vẫn được giữ kín như một thứ bí mật quốc phòng.

Đoàn quân xa theo quốc lộ chạy thẳng xuống Basra. Chúng tôi vượt qua nhiều khúc sông, hồ và đầm lầy. Nơi đây là bình nguyên trù phú nhất của Iraq, nhưng đất đai không màu mỡ. Cỏ lùn phún thưa, gần đầm có lau sậy, có nơi có những hàng Chà là rợp bóng như hàng dừa của Bến Tre. Vùng cần cỗi vậy mà là cái nôi của con người ư? Thủy tổ của loài người, dấu tích ông Abraham đã từng sinh sống nơi đây. Vùng đất nghèo dân khó, nông dân ở đây đi xuống thô, ở lều vải, chẳng có ai cất nổi một căn nhà.

Bây giờ là tháng Sáu, trời vào Hè. Nhiệt độ 120F, Iraq trở thành một cái lò nướng khổng lồ. Nóng rất mặt, rộp da. Chúng tôi băng qua một khu sa mạc. Gió bắt đầu nổi lên. Bộ chỉ huy báo động, khoảng một tiếng nữa sẽ có bão. Bão sa mạc đến bất ngờ và qua cũng trong chớp mắt.

Chúng tôi dừng lại và chờ đợi. Những tấm bạt, lều, ponchos được trưng dụng tối đa. Chúng tôi phủ lên những vũ khí, đạn dược và bịt chặt các nòng súng. Cá nhân đeo mặt nạ, và chui vào xe trú ẩn. Hơn một tiếng sau, bão rú. Tiếng gió rít như xé lụa tận trên cao, rồi bão ầm ầm xô tới. Một con sóng màu vàng cuộn cuộn cuốn tung đất cát ngàn ngút lẫn qua sa mạc. Chúng tôi khum đầu xuống, đất cát đổ xuống mình lộp độp nghe như tiếng mưa rào. Khi trời im bão, chúng tôi đứng lên, rũ cát, nhìn ra xa. Mặt đất như mới thay da, một màu cát mới tinh khôi trải dài ngút tận chân trời.

Cách Basra hơn 46 dặm, chúng tôi dừng lại nghỉ. Lính đua nhau nhảy ào ào xuống, chạy vào làng. Đây là Al-Qurnah, Vườn Địa Đàng của Adam và Eva, thủy tổ của loài người. Tất cả kinh thánh viết, trong vườn Địa Đàng đầy cây trái và bát ngát hương hoa, duy chỉ có một thứ Trái Cấm của cây Tree of Life là không ăn được. Ai ăn Trái Cấm sẽ bị đuổi ra vườn Địa Đàng, tự trồng trọt để nuôi thân, rồi sẽ già và chết. Nhưng Eva hàng ngày nhìn quả Cấm trên cây và thắc mắc. Satan dụ dỗ, Chúa cấm ăn vì ăn Trái Cấm con người sẽ thông minh như Chúa, sẽ làm được những điều Chúa muốn làm. Eva cắn ngay một miếng và nằng dành một trái cho Adam. Ăn xong, khi đến trước Chúa, lần đầu tiên Adam bỗng mắc cỡ vì thấy mình lỏa lồ. Chúa biết hai người đã phạm điều cấm nên đày họ ra khỏi vườn Địa Đàng...

Bây giờ, tôi cũng muốn chạy tới xem cây Tree of Life, bằng cách này hay cách khác, tôi sẽ trộm cắn một Trái Cấm. Xin Chúa hãy đày tôi ra khỏi Vườn Địa Đàng hay nói đúng hơn đày tôi ra khỏi Iraq, tránh xa cuộc chiến này. Tôi chưa muốn chết, nhất là chết ở một đất nước không có dây mơ rễ má nào với tôi. Nhưng khi vào làng, tôi thấy một đám đông chòm nhum chờ đợi để chụp hình dưới cây Tree of Life. Một gốc cây sù sì không có lá, đang giơ những cành khô hiêm hóc nổi bật dưới trời xanh.

Tháng 7 năm 2007, 441 lính Anh thuộc nhóm Danish rời Basra. Đây có lẽ là nhóm thứ chín rời trại. Những chiếc trực thăng bốc họ rời căn cứ. Tôi ngó lên bầu trời nhìn cho tới lúc dấu trực thăng mất dạng. Tôi thêm có một ngày tôi cũng bay bổng để ra khỏi vùng đất Basra.

Chúng tôi đóng quân gần căn cứ Anh. Nơi này là ngoại ô bảo vệ Basra, bảo vệ các giếng dầu và hệ thống dẫn xuất, hệ thống khí đốt quan trọng của Iraq. Ngoại trừ thủ đô, đây là thành phố lớn nhất Iraq, dân số một triệu rưỡi. Basra còn nhiều ngành hóa học, công nghiệp khác. Chỉ nói về dầu, Iraq đã cung cấp 20% năng lượng cho thế giới. Trong cuộc chiến với Iran năm 1980, do lượng định sai, Iraq đã bất ngờ tấn công và bao vây nhiều làng mạc Iran, tiêu diệt hàng trăm binh sĩ. Nhưng sau đó Iran tập trung lực lượng phản công, đánh thẳng vào Basra, giết chết hàng ngàn lính Iraq, phá hủy hệ thống dẫn dầu của Basra. Tuy vậy, Saddam vẫn tuyên bố chiến thắng. Để bù đắp chiến phí và thiệt hại chiến tranh, Saddam quyết định cần phải nâng cao giá dầu gấp bốn, năm lần. Thế giới phải trả giá cho những sai lầm của Iraq. Nhưng Kuwait, một quốc gia kề cận Basra vẫn bán dầu với giá rẻ. Saddam lên án Kuwait phá giá dầu. Hơn nửa mỏ dầu Kuwait có một phần nằm dưới lòng đất Iraq. Năm 1990, Iraq xua quân xâm chiếm Kuwait. Cả thế giới nổi giận. Mỹ và đồng minh đánh vào Iraq. Trước khi rút quân, Saddam ra lệnh đổ hàng triệu thùng dầu xuống vịnh Persian và đốt 700 giếng dầu của Kuwait. Đầu năm 2003, để tử thủ Basra, Saddam cũng ra lệnh quán mìn dày đặc chung quanh 400 giếng dầu của Basra. Nhưng người Mỹ mua dầu bằng dollars, họ không bao giờ đi đốt tiền, dù là tiền của người khác. Mỹ bao vây giếng dầu, lính Iraq cũng không thể uống dầu để chiến đấu. Họ lục tục theo nhau kéo cờ trắng.

Chiến tranh kéo dài đến mệt mỏi. Để áp lực nước Mỹ rút quân, khối Ả Rập dùng đủ mọi cách tăng giá dầu. Thế giới bắt đầu bước vào thời kỳ khủng hoảng năng lượng. Giá dầu nhích dần. Chính phủ mới của Iraq đã thỏa thuận ký hiệp khai thác dầu với Mỹ, Anh, Trung Quốc.

Ước mơ kết thúc cuộc chiến là ước mơ chung của tất cả mọi người. Hơn thế nữa, nó là nỗi hy vọng lớn nhất của những người lính, nhiều khi còn vui hơn niềm vui chiến thắng.

Ngày 10 tháng 9 Tư lệnh chiến trường Iraq General David Petraeus tuyên bố, Hè năm tới sẽ rút 30,000 quân số. Ông Bush cũng hứa, cho phép 5,700 quân nhân từ các đơn vị được về đón

Giáng Sinh. Chao ơi! Chúng tôi nhảy cõn vì sung sướng. Niềm vui như được ngồi trên một tấm thảm thần của xứ sở Aladin bay lượn ra khỏi nơi đây.

“Kỳ này về, tao sẽ đi học trở lại.” Thăng Ted nói, nó vào lính để được hưởng học bổng toàn phần.

“Tao sẽ ứng cử nghị viên thành phố.” Michael Tea, đúng là con nhà nòi, ba nó là Thượng nghị sĩ.

“Tao sẽ lấy vợ và đẻ một chục con.” Edward tuyên bố thẳng thừng.

Tụi tôi hề nhau thụi nó. “Ê, mày muốn quân đội phá sản vì đám con của mày à?” Ed cười hô hố.

“Còn mày?” Tụi nó quay qua tôi.

“Ước mơ lớn nhất của tao là được nhập quốc tịch, rồi bảo trợ gia đình sang.” Tôi cười ngượng nghịu.

Cả bọn vỗ vai tôi, “Ô! Chuyện nhỏ.” Chúng nó cười khuyến khích, “Mày sẽ được như ý.”

Hôm sau, đúng vào ngày thứ Sáu, tiểu đội nhận lệnh trực. Tiểu đội trưởng huấn thị, theo báo cáo Bộ chỉ huy tuy cường độ khủng bố giảm nhẹ, nhưng số thương vong do các vụ tấn công vào mục tiêu dân sự vẫn còn nhiều. Ở Baghdad 265 người, Kirkuk 450 người,... Dự báo, khắp nơi sắp có nội chiến.

Tôi mặc kệ nội chiến. Cứ giết nhau đi. Saddam này chết, sẽ có một Saddam khác lên thay. Còn tôi sẽ rời khỏi nơi đây, bằng cách này hay cách khác.

Chúng tôi bốn thằng, hai thằng trên lô cốt, hai thằng ở ngay cổng. Vai đeo súng, mắt nhắm ra xa, chúng tôi rảo bước trước doanh trại. Đi lính, tôi ghét nhất là đi tuần và canh gác. Nhiệm vụ chán chết người. Mà trong phim mấy thằng lính gác đều là mấy thằng chết trước.

Hai tiếng đồng hồ trôi qua. Trời ơi, khát. Uống bao nhiêu đi nữa, nước cũng bốc thành hơi trong bụng. Tôi nhìn qua thằng Ted, mặt mày nó khô khốc, đôi môi rộp, da đỏ bừng. Tôi tưởng tượng, chỉ cần bật tí lửa nó sẽ bốc cháy như cây đuốc sống. Nhìn nó, tôi thông cảm được tâm trạng người lính Mỹ từng tham chiến tại Việt Nam. Tại sao tôi lại đổ mồ hôi và máu tại chiến trường này? Vì lý tưởng tự do dân chủ ư? Hai phần ba thế giới không có dân chủ, đâu phải chỉ mỗi mình Iraq? Vì Saddam độc tài, sở hữu vũ khí giết người hàng loạt à? Mỗi một nước thuộc thế giới thứ ba đều có một thằng lãnh đạo độc tài như thế. Hay vì dầu hỏa? Phong trào phản chiến ở tại nước Mỹ lên án, chính phủ đem sinh mạng người lính đi bảo vệ túi tiền cho các hãng dầu. Nhưng muốn ký kết hiệp ước khai thác dầu, hay hạ giá dầu có nhiều cách, không nhất thiết phải mở một cuộc chiến. Tồn phí cuộc chiến Vùng Vịnh lần I, sáu tuần lễ, ngón hết 61 tỷ dollars, buôn bán dầu hỏa đâu giàu mau thế; chiến tranh Vùng Vịnh lần II trong 5 năm tiêu hết 577 tỷ. Thế giới nói, người Mỹ đánh giặc theo kiểu con nhà giàu. Nhưng trong chiến tranh Việt Nam, Mỹ keo kiệt đến mức độ kinh tởm. Mỹ chi 111 tỷ cho cuộc chiến 20 năm. Lấy 111 tỷ chia cho 20, mỗi năm 5 tỷ rưỡi. Và trong thời kỳ cuối, quốc hội Mỹ đã từ chối 300 triệu dollars viện trợ để cứu lấy đồng minh.

Trưa đúng Ngọ, mặt trời đang đứng ở đỉnh đầu. Tôi đứng tỳ tay vào thành cổng, ôm chặt khẩu M4A4, đây là loại tối tân nhất, chỉ thiếu bộ phận hồng ngoại tuyền IRIS như đội đặc nhiệm. Còn cha tôi, và những người lính miền Nam chỉ được dùng loại M1 Garant hay Carbine, bắn từng phát để chống với AK-47 tối tân, hiện đại nhất Liên Xô. Dùng xe tăng M41, thiết vận xa M113 để dàn trận đánh nhau với T.54 của địch. Ví như người ta dúi cho lính miền Nam một con dao cùn trong trận tử chiến. Mãi đến sau Tết Mậu Thân, miền Nam mới được tiếp viện giới hạn M.16 và chiến xa M.48. Nhưng, đã quá muộn.

Người ta ví, chiến tranh Việt Nam là nơi tiêu thụ vũ khí thừa từ thế chiến thứ II, cứu các xưởng vũ khí Mỹ bị thua lỗ. Chiến tranh Iraq là nơi thử nghiệm những thứ vũ khí mới. Và những người lính miền Nam chết trong tay đồng minh nhiều hơn trong tay địch.

Ôi! Việt Nam. Ôi cha ơi! Những người tù sau chiến tranh bị đày đi chém tre, đẵn gỗ trên ngàn và bỏ xác trên núi rừng xa lạ.

Nước mắt tôi rơi, trái tim tôi vỡ.

“Khát quá.” Tiếng thằng Ted khàn đục. “Nước đâu?”

Nó chụp chai nước suối của thằng Ed quăng xuống, chuyền cho tôi một chai.

Không. Tôi không khát. Nước ở đây này. Nước mắt tôi rơi như mưa, và tôi đang nhắm từng giọt mẫn mẫn trên môi như người ta nhắm rượu.

Từ xa, một chiếc xe vận tải xuất hiện. Thằng Ted chớp ống nhìn, quan sát. Nó nói, xe giao sữa. Nó lui vào trong, ra sau cổng, lấy máy rà mìn. Tôi cũng ngó qua ống nhìn. Xe chạy băng băng. Tôi nhận ra, thằng lái xe là Abu gì đó, tôi quên mất. Nó vẫn thường giao sữa mỗi thứ Hai, thứ Năm. Nhưng hôm nay là thứ Sáu mà. Ngày thứ Sáu người Hồi giáo đồng loạt nghỉ, không có ai làm việc vào ngày này. Tôi dán mắt vào ống nhìn. “Trời ơi!” Tôi kêu lên, gần đến cổng, mà nó xả hết tốc lực.

“Xe bomb.” Tôi thất thanh kêu. Không còn kịp nữa, tôi lao ra về phía trước, đưa khẩu súng nhắm. Trong trại, đơn vị đang ăn trưa, hơn 400 lính đang ngồi đầy trong đó. Nếu bắn, thật nguy hiểm. Có thể tôi bị thương hoặc sẽ chết. Bắn thằng Abu, xe vẫn lao tới. Không suy nghĩ nữa, tôi quyết định trong nháy mắt.

Tôi bóp cò phóng lựu bên dưới khẩu M4, một quả M203 bắn vọt ra như hỏa tiễn, đâm ngay thùng xe. Tôi nhìn thấy một đường khói còn chưa tan hẳn. Một tiếng nổ kinh hồn rung chuyển mặt đất. Lô cốt rung rinh. Cát và đá mịn mù. Mà lạ quá, bỗng nhiên tôi thấy mình nhẹ hững, bay lên, bay lên cao. Tôi nhìn xuống. Ôi, thân xác tôi kia. Tôi nằm bất động. Những mảnh kim loại cắm đầy người. Chiếc xe bomb nát như tương. Thằng Abu mất xác.

Khi cả đơn vị chạy ra, tiếng xe cứu thương kêu inh ỏi. Họ khiêng xác tôi lên. Cả tiểu đội khóc cuồng cuồng.

“Còn nước còn tát.” Michael đập đập tay vô xe cứu thương.

“Hãy cứu nó đi.” Tụi nó gào lên, chạy theo xe.

“Cứu cái gì?” Tôi la lên, nhưng chúng không nghe. “Tao ở đây nè.”

Bây giờ, thế giới hai nơi. Tôi bắt đầu mơ màng chìm trong giấc ngủ. Đâu đây văng vẳng bài hát tôi yêu.

*“... Trả súng đạn này. Ôi, sạch nợ sông núi rồi
Tôi trở về quê, trở về quê tìm tuổi thơ mất, năm nao...”*

Cuối cùng thì tôi cũng tìm được con đường ra khỏi Basra.

Nov. 10/2008

Đi về phía mặt trời



Đêm cuối cùng của tháng Mười là ngày Saving Light*. Đứng nửa khuya, đồng hồ cả nước đồng loạt lui xuống một giờ. Qua hôm sau, mặt trời lặn sớm, bắt đầu mùa lạnh đêm dài ngày ngắn. Mỗi tuần hai ngày, năm giờ chiều, tôi rước con bé út từ lớp nhạc về. Xa lộ 75 là con đường xuyên suốt Bắc Nam của tiểu bang, bên trái là phía Tây, rặng chiều ửng hồng bên đó. Trước năm giờ mặt trời còn chói lọi, thế mà chỉ trong vòng mười lăm phút trời lặn rất nhanh. Trước khi lặn, trời tắt nắng, vàng thái dương to và đỏ như màu than cháy, từ từ chìm vào lòng đất. Những lúc đó, con bé dí sát mặt vào cửa kính gấp rút kêu, “Mẹ, xem kia. Kia.” Tôi háp tấp kiếm chỗ tấp vào lề. Hai mẹ con kéo cửa kính và đôi mắt ngắm mặt trời lặn. Không hiểu sao tôi có cảm giác mặt trời Mỹ có cái gì khang khác. Nó vô tình và nhạt nhẽo, lạ lẫm và xa xôi. Cái mặt trời này nó làm tôi nhớ cái mặt trời hồi xưa của tôi quá đỗi.

Sau lần cháy nhà ở Khánh Hội vào đầu thập niên 60, gia đình tôi dọn về khu Phú Thọ Hòa II. Khu Phú Thọ Hòa I nằm gần khu vực Bà Quẹo. Hai khu này tuy là vùng ngoại ô cận thành Sài Gòn nhưng đồng hoang cỏ cháy, bao quanh là những vườn lài, vườn rau bạt ngàn, phe Cộng thường ém quân vào đây trước khi mở cuộc tấn công vào Sài Gòn. Nghe đồn chính quyền miền Nam muốn dời dân ra đó, họ muốn biến khu vực này thành vùng trái độn để bảo vệ thủ đô. Mẹ tôi nói, “Ở đây chính là ở giữa hai lần đạn, chết lúc nào cũng không biết.” Nhưng đám dân nhà cháy không có sự lựa chọn nào khác. Người lớn thờ dài đứng trước tương lai mù mịt. Nhưng đám con nít trong xóm vui lắm. Giữa hai lần đạn ư? Hai lần đạn giống như hai đường thẳng, sợ gì chứ? Sau giờ học, đám con nít mười mấy đứa ào ào như một đám giặc, bắn bi, tạt lon, thả điều, chia phe bên ta bên địch “bắn giết” nhau tơi bời. Thắng bại xảy ra chớp nhoáng trước khi mặt trời lặn. Khi bóng tối tràn ngập, kẻ “sống”, người “chết” kéo nhau về quây quần bên ánh đèn, ê a học.

Xóm nhà mới chưa có điện. Ánh đèn dầu leo lét không đủ để soi đường. Đợi anh chị học bài xong, chúng tôi thường ra cổng ngồi ngắm sao trời, và nhắm đếm những vì tinh tú. Mẹ tôi nói, mỗi con người sống trên đời đều có một số mạng tương ứng với một vì sao, hễ sao tắt thì mệnh hết. Tất cả truyện Tàu đều viết thế nên mẹ tin thế. Tôi tin mẹ nên suy ra tôi cũng tin truyện Tàu. Nhưng trời xanh thăm thẳm, những ngôi sao còn nhỏ hơn những dấu chấm, làm sao tôi tìm được ngôi sao của mình.

Đếm sao trời mau mỗi cổ, tôi quay ra ngắm xóm nhà mình. Buổi tối, dưới ánh đèn thấp thoáng, trông nó như những mái tranh đơn sơ trong câu chuyện cổ. Nó là điểm sống, là nguồn hy vọng của những kẻ lạc bước trong rừng. Nhưng lũ trẻ con trong xóm không nghĩ như vậy, trong bóng đêm chúng thường ngó về phương Đông, một khoảng trời rặng hồng sau cánh đồng tắm tối. Ở phía đó là thành phố, Sài Gòn đã lên đèn. Ánh điện đủ màu hắt lên trời tạo thành một hào quang rực rỡ. Chúng tôi ngồi chum nhum trong bóng tối, giơ bàn tay không thấy hết năm ngón, nhưng trong tâm trí vẽ ra cảnh thành phố rõ mồn một. Tiếng hát Chế Linh trong chiếc radio vang ra từ cái xóm nhỏ, vắng vắng

*“Khi vũ trụ lên đèn thành phố ngã nghiêng, men rượu say mềm,
Tuổi thơ đi hoang, nghìn đêm trốn ngủ
Phần ba tuổi đời, hoang phế sau lưng,*

...

*Từng đêm quê hương đạn bay súng nổ
hỏa châu sáng tỏ, những gương mặt người yêu phố thị
Ngày nào đó tôi còn thêm ánh sáng kinh đô
thêm ly bia qua tiếng nhạc mơ hồ,
thêm ngàn nụ cười, ánh mắt giai nhân...
Nay trả lại cho người thành phố sau lưng,
môi ngọt, rượu nồng
Giày sault tôi đi hằn trên lá cỏ... ”***

Trời đã quá khuya, tiếng muỗi vo ve đầy đồng, chúng tôi trở về. Những gót chân non cũng dẫm nát một vùng cỏ dại. Vào những đêm đó, mỗi giấc mơ đều thấp thoáng ánh đèn màu, những tà áo xanh áo đỏ, lẫn trong điệu nhạc mơ hồ, tiếng ly tách vỡ. Ước mơ được đi Sài Gòn, được tắm mình trong cái ánh sáng huyền hoặc, mê ảo, đầy ma lực ấy, lúc đó là một mơ ước lớn. Mãi về sau tôi mới biết khu Phú Thọ Hòa cách Sài Gòn chỉ vài cây số. Ôi! Tuổi thơ. Và những giấc mơ vụn vụn.

Đối với xóm nhà lá, bất kể mùa mưa hay nắng, đêm ở đây dài và ngày ngắn. Tất cả sinh hoạt sống động đều diễn ra vào ban ngày. Sáu giờ chiều, mặt trời lặn. Những ngọn đèn dầu được thắp lên. Người lớn đọc báo, nghe radio, con nít học bài, rồi đi ngủ. Đó là thời gian nghỉ ngơi. Ngày nào cũng như ngày nấy, sinh hoạt đơn điệu, nghèo nàn. Cuộc sống thật sự chỉ bắt đầu vào lúc mặt trời mọc. Bình minh dậy từ cánh đồng cỏ sau nhà. Mặt trời từ từ đi lên và nhuộm hồng những bông cỏ may màu tím tím. Những giọt sương đọng trên thềm cũng tan ra rồi rạo hoảnh. Buổi trưa mặt trời leo qua mái nhà rồi ngã về Tây.

Chiều nào cũng vậy, khi mặt trời treo trên nóc nhà thờ, tôi bắt đầu thơ thẩn dạo chơi trên vệ cỏ bên kia đường. Con đường đá đỏ nối từ khu giáo xứ với ngôi thánh đường kang trang dẫn đến trường tiểu học Phú Lộc, đó là ngôi trường duy nhất của xã. Lúc đó tôi còn bé lắm, chưa được đi học, nhưng rất thèm được cắp sách đến trường. Trong lúc chờ học trò tan trường túa ra, tôi bút những cọng cỏ gà, cứ năm cọng cột thành một, thắt gút ở cuống để thành một đầu gà tưởng tượng. Khi thấy bóng anh thấp thoáng đằng xa là tôi chạy u về phía ấy. Tặng anh mấy bó cỏ gà để được cắp sách thay rồi đi về như đứa học trò thật sự.

Cắt cặp sách xong, tôi trở ra. Ngày nào cũng như ngày ấy, tôi ngồi bệt trong đám cỏ dại cao ngang đầu mình, mắt đăm đăm nhìn về phía Tây. Năm giờ chiều. Đây là khoảnh khắc sống còn của một ngày, và của trời đất. Nắng đã tắt. Một vạt mây hồng tím loang thắm một mảng trời. Vàng thái dương lừng lững, cháy đỏ như than đang từ từ rơi xuống. Đúng lúc đó, tiếng chuông nhà thờ gióng giã đổ. Thời khắc đột nhiên chậm lại. Tôi bàng hoàng, cảm giác như đây là hồi chuông tiễn biệt mặt trời. Để rồi ngày mai mặt trời sẽ thức dậy. Tôi tin như thế. Mỗi ngày rồi mỗi ngày. Nhưng, nếu có một ngày, mặt trời không thức dậy thì sao. Không có cái gì bảo đảm như thế cả. Như mấy ông bà già trong xóm, ngủ mà không thức được. Mặt trời sẽ già, và một ngày nào đó nó sẽ không thức nữa. Trái đất tối om. Thế giới không có ánh sáng. Rồi tất cả sẽ lụi tàn. Loài người trở về thời hồng hoang. Đó là lúc những câu chuyện cổ tích khởi đầu từ trang thứ nhất. Dành vật với nỗi lo, tôi nghĩ, sẽ có một ngày tôi đi cứu mặt trời. Tôi sẽ đi, đi mãi, trực chỉ hướng Tây, tới sát đường chân trời. Tôi hình dung giống như tới sát mé biển, mặt trời đang bị chìm ở đó, tôi sẽ vớt mặt trời, rồi tìm cách gắn hay treo nó lên vị trí sắp lặn mãi mãi. Thế gian sẽ đẹp biết bao.

Không biết phải chờ bao nhiêu lâu để thời gian nung chín một ý nghĩ biến thành hành động. Đó là do quyết tâm. Tôi đã dự định và dò hỏi, dĩ nhiên là không cho ai biết, phải hết sức bí mật. Không phải sợ bị ngăn cản, mà sợ bị người ta cười. Tôi mơ hồ biết, ai nấy sẽ mắng tôi điên. “Đường đến chân trời à? Tao không biết, nhưng chắc là xa lắm” Chị tôi nói và che mắt nhìn về phía Tây. “Xa kinh khủng.”

“Xa kinh khủng là xa bao nhiêu?” Tôi thắc mắc, “Nếu đi, thế nào cũng tới chứ.”

“Ừ, ví dụ bây giờ mày đi, chừng già mới tới.” Chị tôi cười phá lên.

“Thiệt hả?” Trong lòng tôi le lói một chút hy vọng.

“Con đường này sẽ dẫn đi đâu?” Tôi hỏi, mắt ngó về ngôi nhà thờ ở phía Tây.

“Qua nhà thờ, tới chợ, qua chợ, tới ruộng bắp.” Chị tôi nói.

“Qua ruộng bắp rồi tới đâu?”

“Qua ruộng bắp tới vườn lài.”

“Qua vườn lài thì tới đâu?”

“Qua vườn lài chắc là tới... vườn ngâu.” Chị trả lời đạị.

“Qua vườn ngâu rồi tới đâu?”

“Qua vườn ngâu tới ơ... may hồi nữa, tao đập may chết bây giờ.” Chị nổi cáu, giơ tay lên dứ vào đầu tôi, dọa.

Tôi nghĩ, điều may mắn là bây giờ tôi còn bé. Nếu bây giờ lên đường, có thể năm ba mươi, hay tệ nhất là sáu mươi tuổi tôi sẽ tới. Ôi, sáu mươi tuổi, da nhăn nheo và tóc bạc trắng, nhưng mà tôi tới đích. Đó là niềm vui lớn nhất trong đời. Phải đi ngay, may ra còn kịp.

Trưa hôm sau, bắt đầu cho một chuyến viễn hành, tôi hăm hở chuẩn bị mọi thứ. Cần nhất là túi hành trang, tôi ngó quanh quất và ăn cắp cái túi đệm của mẹ. Cái túi này của ngoại cho và mẹ quý lắm chưa dùng đựng thứ gì. Tôi hốt hết mớ quần áo trong tủ chỉ chứa bộ đồ đang phơi trên dây kềm, sau nhà. Chuyến này đi tới mấy mươi năm, tôi nghĩ, phải đem hết mọi thứ, may ra mới đủ dùng. Tôi bê cái thang lên mái bếp, gỡ những nắm cơm nguội vo tròn mà mẹ đang phơi. Những nắm cơm tròn, khô khốc không biết làm sao nuốt cho trôi, nhưng đây đúng là loại lương khô mà những sĩ tử, đạo nhân, như Tế Điền hòa thượng hay những tay kiếm khách trong khi phiêu bạt giang hồ vẫn thường đem theo. Vấn đề làm sao ăn được, sẽ tính sau. Tôi dồn lương khô vào bị. Hình như không còn nhiều thời giờ nữa. Bất chước những chàng hiệp sĩ trong những cuốn truyện bằng tranh, tôi kiếm một cành tre, xỏ chiếc túi đệm của mẹ, thử quấy gánh. Ô, tôi quên, một điều quan trọng nữa. Một cái vợt. Phải có một chiếc vợt để vớt mặt trời chứ. Tôi cuồn ngay chiếc vợt hớt lảng quăng của anh lớn (Xin lỗi anh, xin lỗi một ngàn lần). Tôi nghĩ, mặt trời chỉ lớn hơn quả bóng một tí, cái vợt này vừa đây, tôi cột chặt vào cành tre. Thế là đủ. Tôi ngó quanh quất một lần cuối để kiểm soát. Hết rồi, không quên một thứ gì. Đi thôi. A! nhưng còn mẹ. Ai lại quên mất mẹ. Cuộc hành trình dài mấy mươi năm, có thể tôi không có dịp trở về. Bây giờ tôi phải gặp mẹ ngay. Xúc động quá, tôi giấu “hành trang” ngoài hè, chạy ào vô nhà và sa ngay vào lòng. Mẹ tôi đang may vá, dừng lại, ngạc nhiên hỏi, có chuyện gì. Tôi không trả lời, chỉ ôm và siết chặt mẹ một cái, rồi cắn nhẹ vào vai. Tôi muốn sau này khi mẹ nhớ tôi ắt phải nhớ “miếng cắn” này. Mẹ đẩy nhẹ tôi ra, mắng, “Ôi cha, đau. Cái con này,...”

Tôi bỏ nhà đi vào lúc ba giờ chiều, trước giờ tan trường để tránh gặp anh chị và mấy đứa nhỏ cùng xóm. Tình cảm nhỏ sẽ làm hư “việc lớn”.

Theo hướng Tây, con đường nhỏ trải đá đỏ sâu hun hút. Hai bên đường là cỏ dại, nhà cửa, dân cư. Đi ngang qua nhà anh Giỏi, anh này vẫn thường qua nhà tôi chơi, anh kêu, “An ơi, đi đâu vậy cưng?” Đột nhiên, tôi sợ bị bắt lại, tôi nói láo một cách trơn tru, “Dạ, em đi chợ.” Nhìn anh Giỏi, tôi thấy buồn, lòng nhủ thầm “Vĩnh biệt nha, anh Giỏi. Anh sẽ mãi mãi không nhìn thấy em nữa.” Tôi đi qua khỏi chợ, tới ruộng bắp. Những cây bắp vượt khỏi đầu nhưng không có lấy một trái. Gió mùa phơn phớt thổi, hai thằng bù nhìn đứng giữa ruộng bị lật nón, đưa bộ mặt tròn quay và nụ cười toe toét. Tôi đứng lại ngắm thằng bù nhìn, cười như vậy thì chim cũng chẳng sợ, đừng nói chi ai.

Qua khỏi ruộng bắp là một cánh đồng khô, kế bên có cái giếng nhỏ. Tôi tới bên giếng, soi mặt mình. Trời đất ơi, cái giếng khô, cạn xiêu, không có lấy một giọt nước. Môi miệng bắt đầu khô, tôi chợt nhớ, quên đem nước.

Khi khát, mặt trời lấp lóa trước mặt, tôi cảm thấy sức nóng của buổi chiều hôm đó bức lắm. Vai quấy cành tre nhỏ xíu nhưng đã bắt đầu thấy đau. Tôi chuyền qua bên này rồi đến bên kia. Khi đến vườn lài, bóng mặt trời đã nhạt và chìm sau dải rừng cây. Trời nhá nhem tối. Khu vườn lài âm u. Hai bên đường không một bóng nhà. Bỗng nhiên, tôi đâm sợ, chân tay bắt đầu run. Mẹ vẫn nói, Cộng Sản vẫn thường về núp trong vườn lài này, thoát ẩn thoát hiện, lính hành quân nhiều lần mà vẫn không bắt được. Hồi đó, tôi sợ họ như sợ ma, tôi cần qua khỏi khu vực này càng nhanh càng tốt. Tôi đi, đi nhanh như chạy, cũng chưa hết khu vực vườn lài. Dải rừng đen cứ chạy dài trước mặt. Đứng ra, nó là rừng lài. Mấy chị lớn trong xóm thường vào đây hái thuê. Những búp lài trắng muốt kết lại, tôi vẫn được mấy chị đem về cho cất vào trong túi. Hương lài thoang thoang, ngát trong gió Hè. Tôi chợt nhớ những chén trà buổi sớm, mẹ tôi pha trà lài, rồi rót “thí” cho một chén, mắng yêu, “Con nít mà bày đặt uống trà.” Tôi không chỉ thích uống trà mà còn thích vo vo cái chén trong tay, hơi ấm từ trà lan qua chén và truyền qua đôi bàn tay nhỏ xíu. Tôi thích nhìn vào chén lúc mẹ vừa rót, nước xoay như cơn xoáy, những búp lài khô quay

vòng vòng như cuộn mình trong cơn lốc. Mẹ tôi hay đùa, “cơn bão trong tách trà”. Khi “bão” tạnh, tôi chăm chú nhìn những búp lài khô từ từ bung cánh. Những cánh hoa trắng muốt vừa nở đã chìm dưới đáy nước vàng trong.

Bây giờ tôi đi mãi, đi mãi. Vừa đi, đầu óc tôi gộp nhiều thứ hình ảnh lộn xộn chung lại với nhau. Một lúc sau tôi phát hiện, trời đất ối, bóng tôi đâu? Hồi nãy lúc bắt đầu đi tới vườn lài, tôi còn thấy một cái bóng ồm nhom đồ dài trước mặt. Vậy mà bây giờ bóng không còn. Tôi dừng lại, xoay trước xoay sau và nhảy lò cò. Thì ra tôi đang đạp trên chiếc bóng của mình. Chiếc bóng đổ ngược sau lưng, hèn chi.

Tôi ngược nhìn trời. Bấy giờ, trăng đã lên tới đỉnh đầu. Đã nửa khuya rồi sao? Đêm đó trời trong xanh, không một vẩn mây. Một vài ngôi sao mù xa nhấp nháy. Vằng vặc giữa trời một vầng trăng sáng tỏ. Ánh trăng vàng tỏa xuống chiếu khắp mọi nơi. Một thứ ánh sáng huyền diệu sáng như một dòng sữa miên man tưới tràn vạn vật. Trăng chảy trên cành lá, nhỏ từng giọt sáng xuống đầu cành. Trăng tưới sáng con lộ, tưới trên tôi. Thân thể tôi ngập tràn màu trắng. Tôi đưa tay lên, lật bàn tay qua lại, và ngạc nhiên quá đỗi. Trăng tưới trên tay chân làm da thịt bóng nõn nà. Một màu da mềm mại và sáng như sữa mẹ. Tôi đặt túi đồ xuống đất, rồi vén quần lên, hai ống chân cũng trắng muốt, những dấu xước khi chạy trên đồng cỏ đã không còn. Tôi ngược đầu lên, và bóng bàng hoàng. Giữa đêm hoang vu, vạn vật đã ngủ say, trời đất bao la chỉ còn tôi và trăng. Tôi nhỏ xíu và trắng cao vút. Thế mà, khi tôi ngược đầu nhìn trăng thì trăng cũng nhìn tôi. “Chúng tôi cùng thức”, tôi mơ hồ cảm thấy thấy trăng cũng nghiêng đầu ngắm nghía tôi rồi cười. Trăng cười với tôi? Cái cảm giác đêm đó rõ ràng như thật. Một sự rung động kỳ diệu bất chợt chen lẫn với nhịp tim càng lúc càng rối. Trăng trong ngần. Ánh vàng miên man như một dòng sữa liên tục tưới tràn vạn vật. Tôi giơ tay lên, một giòng trăng lọt qua kẽ tay rớt xuống tan ngay dưới đất. Mặt đất cũng sáng ngời. Đây không phải là lần đầu tiên tôi ngắm trăng, nhưng quả thật chưa có lần nào tôi thấy trăng đẹp và gần gũi như đêm nay. Vũ trụ dày đặc những vì sao, mà từ nơi xa tít trên kia trăng đã nhận ra tôi. Mắt tôi ươn ướt và tay chân run rẩy. Thôi, tôi biết rồi, mặt trời lặn là để trăng lên. Đêm cần có trăng như ban ngày cần có mặt trời. Bóng chốc, tôi quên mất tiêu mục đích của mình. Tôi mừng rỡ vì phát hiện lớn này. Tôi phải la lên cho mọi người biết. Trước hết phải nói với chị cái đã. Tôi chưa kịp nhón chân quay về thì nghe có tiếng la.

“Ê, em bé,...”

Hai người lính cầm súng, nhô đầu ra khỏi vườn lài, chạy tới.

Người tôi điếng ngất. Lưỡi líu lại, chân tay lóng cồng.

“Em bé, em đi đâu vậy?” Một người lính lom khom hỏi.

“Em,.. dạ, em...” Giọng tôi lắp bắp, nói không ra lời. “Em muốn... về nhà.” Giọng tôi lạc hẳn.

Tim đập thình thịch. Nước mắt ứ đầy trong khóe chỉ chực trào ra.

“Em đi lạc rồi.” Anh lính chỉ trở, “Sau vườn ngâu không có nhà ai hết.”

Đã tới vườn ngâu rồi ư? Vậy mà tôi tưởng mình còn ở khu vườn lài.

Hai anh lính, qua ánh trăng tôi thấy chỉ cỡ bằng anh Giỏi. “Để tụi anh đưa em về.”

Họ dắt tôi đi ngược lại. Mới đi khoảng hơn trăm thước, có ánh đèn pin chớp choạng. Chị tôi chạy xe đạp hót hời hợt lớn.

“Mày đi đâu vậy? Con quý...”

Hai người lính giao tôi rồi đi ngược trở về. Tôi ngồi sau xe chị và ngó về phía họ. Lòng tôi bỗng dưng chùng xuống. Nước mắt tuôn ra, nhạt nhòe trên má.

Khi tôi về tới nhà, mọi người còn lao xao ngoài cổng. Hết cả nhà tôi, anh Giỏi và những người hàng xóm đang túa ra tìm tôi vẫn chưa về.

Mẹ tôi nói, “Mau rửa mặt, rồi còn ăn cơm.” Phần cơm dành cho tôi vẫn để trên bàn.

Chị tôi lục tung chiếc giỏ và khám phá chuyện bỏ nhà ra đi. Mẹ nói, “Thôi tối rồi, mai sẽ trị tội.”

Ngày mai, một ngày mới lại bắt đầu. Khi tôi dậy, mặt trời đã lên cao, ánh nắng tràn qua khung cửa sổ. May quá, mẹ tôi bận bịu với cơm gạo áo tiền và những lo toan ngập cổ nên quên phứt. Và tôi, bắt đầu từ chiều hôm đó, lóng ngóng chờ những buổi trăng lên.

Đêm đó tôi trở về nhà, nhưng cuộc hành trình đi tìm mặt trời vẫn không dừng lại.
Ba mươi năm sau, tôi đứng đây, trong một buổi chiều tím như buổi chiều xưa, mắt vẫn hướng về mặt trời ngày cũ. Điểm tôi đứng cách vườn là nửa vòng trái đất. Cứ tưởng tượng, nếu ngày xưa cô bé tôi không trở về thì bây giờ mình sẽ đứng đâu trên trái đất này?

*cô bé "tôi" ơi
rồi một ngày
tôi đứng giữa rừng hoa quỳ đỏ
tôi tưởng niệm tôi
xin đừng ai khóc
ngày đã tàn. ngày sắp rơi
cô bé đi vót mặt trời
không về nữa... ****

Những cây cọ dại Nguyễn Quốc

*(Đọc Gió Ngược của Lâm Chương và
Tình Ca Con Dúi của Nguyễn Thị Thảo An)*

Lời người viết:

"Những Cây Cọ Dại", "The Wild Palms", của Faulkner, gồm hai truyện viết song song, bề ngoài tưởng không có gì liên hệ, và chắc chắn chẳng có gì liên hệ với hai truyện ngắn của hai tác giả Việt Nam nêu trên. Duyên do là như thế này: Thuở mới tập tành, người viết rất mê Faulkner, và mỗi khi "ngứa ngáy" muốn viết, là phải mở ông thầy ra đọc, để tìm hứng! Ở đây, người viết thử bắt chước Faulkner, thay vì viết, đọc cùng lúc hai truyện ngắn tưởng chừng không liên hệ, một viết về những ngày tù ở trong trại cải tạo, và một, về một chuyến trở lại thăm quê nhà của một Việt kiều.

Đa số độc giả chắc đã ít nhiều quen biết Lâm Chương, một tác giả nổi tiếng ở hải ngoại. Ông sinh năm 1942 tại Gò Dầu Hạ, Tây Ninh; cựu sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hoà. Tù cải tạo 1975-1985. Vượt biên năm 1987. Hiện định cư tại Hoa Kỳ. Tác phẩm đã xuất bản: Loài Cây Nhớ Gió (thơ, nhà xb Khai Phá, Sài Gòn, 1971), Đoạn Đường Hốt Tất Liệt (nhà xb Văn Mới, Hoa Kỳ, 1998), Lò Cừ.

Dưới đây là một số thông tin về Nguyễn Thị Thảo An mà người viết có được, qua một bạn văn:

Subject: NTTA.

Date: Thu, 8 Feb 2001 17:37:11 -0800

From:

To:

Năm 1974, dự thi văn chương trên nhật báo Đuốc Nhà Nam (Sài Gòn) được giải nhì. Bắt đầu cầm viết trở lại năm 1996, và có tác phẩm trên các tạp chí Văn, Văn Học, Hợp Lưu.[NTTA nhờ nhắn: Có lẽ anh nên đọc hai truyện ngắn của tôi "Viết về Việt Nam", "Tình Ca Con Dúi" (Văn số

Xuân Tân Ty), và "Bức Phù Điều Khắc Cạn" (gửi kèm đây). Cám ơn đã quan tâm.]

Subject: NTTA

Date: Fri, 9 Feb 2001 07:12:43 -0800

From:

To:

Thêm một số thông tin về TA.

Tên thật: NTTA.

Sinh năm 1959, Sài Gòn. Trước 1975, đi học. Sau 1975, đi dạy. Sang Mỹ năm 1982 và định cư tại Atlanta, Georgia.

Tập truyện đầu tay mới xuất bản: Bức Phù Điều Khắc Cạn (Địa chỉ liên lạc: P.O. Box 440081, Kennesaw, GA 30144 - USA).

Liệu chẳng, đây là chân lý: Chỉ đi xa, mới tìm lại được quê nhà? Và là một quê nhà thực sự? Hoặc: Một vấn nạn về quê nhà, chỉ thực sự nhức nhối, và thật sự cấp bách cần được giải quyết, nếu nó được nhìn từ một vị trí bên ngoài?

"Những Cây Cọ Dại", "The Wild Palms", còn có một cái tên khi ở dạng đánh máy, và sau đó bị bỏ đi: "If I Forget Thee, Jerusalem" (Nếu tôi quên Em, Jerusalem). Câu này trích từ Psalm 137, Verse 5, nguyên văn như sau: "If I forget thee, O Jerusalem, let my right hand forget her cunning". Theo Michael Millgate, tác giả cuốn "The Achievement of Faulkner", đây là cái tên mà Faulkner thích, vì nó liên quan tới tình yêu và lòng trung thủy của Wilbourne đối với Charlotte; tới sự trì hoãn quyết định thực hiện ca phá thai, có thể do Wilbourne đã lụng nghề, cuối cùng gây ra cái chết cho Charlotte. Nhưng khó mà biết, Wilbourne đúng hay sai, khi ngần ngại không thực hiện ca phá thai? Liệu thất bại này liên quan tới thất bại của ông, về quan niệm cuộc đời, như Charlotte mơ tưởng và ông không làm sao thực hiện được?

Ông muốn đứa trẻ được sinh ra, và mọi người đều nhìn thấy đứa bé, như là bằng chứng về cuộc tình tội lỗi giữa hai người. Faulkner thường sử dụng sự mang thai và ra đời của hài nhi như là những hình ảnh về tái sinh, thành thử quyết định phá thai của Charlotte cho thấy, quan niệm cuộc đời như bà mơ tưởng, là mang tính vô sinh (sterile). Charlotte không muốn có đứa bé là bởi vì "chúng làm đau, làm đọa đày". Không phải chỉ vì sự sinh đẻ, tự nó, đã là một cơn đau quá lớn lao để mà chịu đựng, nhưng trẻ con, chính chúng nó, đặc biệt hơn, những đứa con mà bà bỏ lại đằng sau cho người chồng, chúng là một nỗi đau triền miên. Ở đây, bà như phản bội ngay cả ý tưởng của bà về cuộc đời: "rằng yêu đương và khổ đau, là như nhau (same thing), và giá trị của tình yêu là những gì bạn phải trả để có được nó, và một khi bạn mua nó bằng một giá hời, như vậy là bạn tự lường gạt chính mình." Như vậy, khi quyết định phá thai, bà muốn một giá hời, trong cuộc tình, và từ đó, là cái chết., như một hậu quả.

"Những cây cọ dại" là đề tài gây tranh luận, bởi vì nó được viết kèm với "Ông Già" (Old Man), và độc giả khó có thể đọc cả hai, như một toàn thể. "Ông Già" được viết kỹ hơn, dễ đọc hơn, quyến rũ hơn, nhưng như tác giả cho thấy, khi chọn tên Những Cây Cọ Dại, ông coi đây mới là "con thuyền chở đạo" (nó chuyên chở ý nghĩa của cuốn sách). Ông cho biết, trong khi loay hoay tìm cách kể câu chuyện Charlotte và Harry, ông "đã bịa đặt ra một câu chuyện khác, hay là nửa còn lại của nó (its complete antithesis), được sử dụng như một "counterpoint" để có được sự cân bằng. Cũng có thể coi đây là một cuốn tiểu thuyết-kép, nếu đừng chi li đến chuyện "nhất bên trọng" (The Wild Plams), "nhất bên khinh" (Old Man).

Ông Già (Old Man) là câu chuyện một người tù. Theo "Ghi chú của người Biên tập" (trong "The Portable Faulkner", của Malcolm Cowley), vào đầu tháng Tư năm 1927, nước sông Mississippi dâng cao, và những tù nhân trong một trại tù tại đây đã được điều động nhằm chống đỡ trận lụt

tại một khúc đê. Một tù nhân cao - Để phân biệt với một tù nhân lùn, như ở trong truyện, mở ra như sau: Once (it was in Mississippi, in May, in the flood year 1927), there were two convicts. One of them was about twenty-five, tall... The second convict was short... [Hồi đó, (ở Mississippi, vào tháng Năm khi xảy ra trận lụt năm 1927), có hai tù nhân. Một chừng 25 tuổi, cao... Người tù kia thấp....] - được phái đi, cùng với một chiếc thuyền, cứu hai nạn nhân của trận lũ, một đàn ông và một đàn bà. Đây là trận lụt tệ hại nhất trong lịch sử của con sông: trong vòng sáu tuần lễ, hơn 20 ngàn dặm vuông bị chìm vào cơn lũ, bao gồm trọn vùng châu thổ giàu có; 600 ngàn người bị mất nhà cửa; vài trăm con người bị chết đuối; cộng thêm 25 ngàn con ngựa, 50 ngàn gia súc, 148 ngàn heo, 1300 cừu, 1 triệu ba trăm ngàn gà, 400 ngàn mẫu hoa màu bị tiêu hủy, cùng hàng trăm dặm đê điều. Vài tuần, sau khi nước sông đã rút, người tù trở về trại tù. "Cái thuyền ở đằng kia kìa". "Còn đây là người đàn bà. Nhưng tôi không kiếm thấy thằng chả".

Qua cuộc phỏng vấn dành cho nữ biên tập viên của tờ "Điểm Sách Paris", Jean Stein (Malcolm Cowley trích dẫn trong cuốn sách ở trên), Faulkner cho biết: "Khi tôi viết tới đoạn chót của cái bây giờ là phần đầu của 'Những Cây Cọ Dại', bất thình lình tôi nhận ra, thiếu một cái gì đó; nó cần một nhấn mạnh; một điều gì để nhắc nó lên, giống như giai điệu phụ [tạm dịch từ counterpoint] ở trong âm nhạc. Do đó, tôi viết 'Ông Già'... Rồi tôi lại ngưng 'Ông Già', ở cái đoạn bây giờ là cuối phần một..."

Từ "Ông Già", liên quan tới Con Sông (Mississippi), theo Malcolm Cowley. Vẫn theo ông, ngoài lời giải thích của chính tác giả Faulkner như trên, theo đó, cứ mỗi lần câu chuyện này đạt tới đỉnh cao, và bắt đầu chìm xuống, là ông buông ra để bắt vào câu chuyện kia (Then I stopped the "Old Man" story at what is now its first section, and took up "The Wild Palms" story until it began again to sag. Then I raised it to pitch again with another section of its antithesis), Faulkner còn tạo được hiệu ứng tương phản: ở trong "Những Cây Cọ Dại", một người đàn ông hi sinh tất cả cho tự do và tình yêu, và mất cả hai; ở trong "Ông Già", người tù hi sinh tất cả, để trốn khỏi tự do và tình yêu, và để có lại sự an toàn không có đàn bà (the womanless security), ở nhà tù.

Trước khi đi vào hai tác phẩm, người viết đề nghị một số cách đọc song song "Tình Ca Con Dúi" và "Gió Ngược" như sau:

Điểm (point): hải ngoại.

Diện (counterpoint): trong nước.

Điểm: Câu chuyện chính trong mỗi truyện ngắn.

Diện: Đoạn mở truyện.

Điểm: "Tình Ca Con Dúi"

Diện: "Gió Ngược".

Hoặc ngược lại, nghĩa là đổi vị trí, giữa "điểm" (point) và "diện" (counterpoint).

"Mấy năm trước, trong một trận football, khi cháu tôi đang ôm quả bóng cà na chạy thật mạnh, đột nhiên có thằng xông tới cản đường. Không tránh kịp, nó té xấp. Lỡ trốn, đám cầu thủ đang rượt theo hết tốc độ cũng té dồn cục trên mình nó. Khi mọi người đã đứng dậy, thằng cháu tôi vẫn không nhúc nhích. Tai nạn làm nó chấn thương mặt, löt xương chân và khuỷu tay. Trải qua một thời gian trị liệu cả về tâm lý, gia đình chị tôi mới có cuộc sống bình thường. Sau, thằng cháu cũng trở lại trường với cái chân cả quỳnh. Tưởng đã yên, ai ngờ sóng gió mới bắt đầu khi nó biết yêu. Nhắm lúc chắc ăn, thằng cháu tôi tỏ tình. Không ngờ con bạn học hàng ngày thân thiết như đôi tình nhân từ chối một cách thẳng thừng. Tuyệt vọng nó như té thêm lần nữa, xem chừng còn nặng hơn lần trước. Nó không oán con bạn, cứ hận đôi chân tật nguyền. Đôi lúc

quần trí, nó tự tử, may được người nhà phát hiện. Từ đó, nó bỏ học, ru rú ở nhà, chờ cơ hội. Khuyên giải mấy cũng không được, chị họ tôi đành nghỉ làm, ở nhà coi chừng con."

("Tình Ca Con Dúi")

"Sơn Ca và mèo ngủ chung, mèo nằm trong lòng, gối đầu lên cánh tay nó như một đứa em cưng. Nó thường vuốt ve, nhiều lúc còn hôn lên cái mũi đỏ hồng của mèo nữa.

Ông Lâm nói: "Con không được hôn mèo."

"Why?" Nó hỏi.

Ông Lâm không thích lối hỏi cộc lốc theo kiểu người Mỹ."

("Gió Ngược")

Cả hai truyện ngắn đều bắt đầu bằng một đứa trẻ. Và một con vật.

Trong một bài viết về cuốn "Chàng Khờ" của Dostoievsky, Walter Benjamin cho rằng, từ trong trắng nhất để diễn tả cuộc sống ở trong sự bất tử của nó là: tuổi trẻ. Thiếu thiên nhiên và thời thơ ấu, nhân loại kể như tiêu. Trong "Tình Ca", đứa con trai muốn nhập vào thiên nhiên và con người ở xứ người. Thất bại, vì cái trò chơi mà nó chọn lựa để hội nhập vốn đòi hỏi sức mạnh và bạo động. Cả hai, nó đều không có, không thể nào có. Ở trong "Gió Ngược", đứa trẻ hôn mèo, người bố nói không được, vì hôn mèo sẽ bị bệnh lao. Đứa bé không tin, vì lao là do vi trùng, không phải do hôn mèo. Ông bố, khó tính hơn đứa nhỏ, theo nghĩa, người già là một đứa trẻ khó tính. Sự khó tính của ông còn nhiều nguyên nhân khác nữa. Cô bé út Sơn Ca nghi ngờ khả năng hiểu biết của ông bố, mấy cô chị, thay vì nghi ngờ, tỏ ra thương hại ông. Nếu cứ đọc theo kiểu "thẳng băng", bám chặt dữ kiện, người đọc cũng sẽ về hòa với cô bé Sơn Ca, mấy cô chị, và luôn cả cô giáo của Sơn Ca, và sẽ lắc đầu "tuyệt vọng", trước hy vọng của ông bố về cô út: ông sẽ dạy nó theo ý của ông. Dạy con từ thuở còn thơ... Mấy đứa con lớn, ông coi như sắp vuốt ra khỏi tầm tay rồi.

Theo tôi, phải vượt lên trên những dữ kiện, để tìm hiểu những nhân vật của Lâm Chương. Con mèo Snowball của Sơn Ca thật khó làm cho ông Lâm "gợi nhớ" về một quãng đời cũ, có con mèo Miêu Nữ. Thành thử, đừng tin rằng ông Lâm đã thực sự nghĩ rằng những đứa trẻ đã vuốt khỏi ông. Và cũng đừng cho rằng, ông Lâm là một trường hợp "hết thuốc chữa".

Nhưng thất bại lần đầu của đứa con trai chưa khủng khiếp bằng lần thứ nhì: nó bị thất tình vì cái chân què. Để chữa trị (cái chân què, duyên do đầu tiên của mọi thảm họa): chỉ có mật gấu, và phải thứ thiệt. Và cách thử là phải lấy chính thân mình ra để thử.

Hiện tượng nuôi gấu lấy mật hiện đang lan tràn ở Việt Nam. Theo báo Lao Động [điện tử], số ngày 15.3.2001, riêng tại Hà Nội, phát hiện 157 hộ nuôi gấu "tại gia". Tôi không tin, "Tình Ca" [được viết để] giống lên một hồi chuông báo động về một thảm họa môi sinh, nhưng dù ít dù nhiều, những người du lịch là nguồn cơn của thảm họa. Đủ thứ thảm họa. Muốn ăn thịt sống, thịt tươi, về Việt Nam. Muốn có mật gấu thiệt, về Việt Nam.

Riêng chuyện thất tình, người kể cho rằng, thuốc chính là thời gian, đâu cần mật gấu.

Ở cả hai truyện, chuyến trở về quê hương, một thực sự xảy ra, một ở trong đầu người tù ngày nào, là một cuộc truy tìm một con thú, gấu để lấy mật chữa vết thương mới, và mèo, để chữa trị vết thương cũ, nguồn cơn của mọi hần học. Trong "Tình Ca", trở về quê hương kiếm mật gấu, là để chữa trị cho đứa con trai. Trong "Gió Ngược", ông bố trở lại với những ngày tù (với con mèo ở trong nhà tù), là để chữa trị cho chính ông. Không phải cho đứa nhỏ. Những đối thoại giữa ông bố và mấy cô con gái ở đoạn mở đầu "Gió Ngược" tiếp theo sau đoạn trích dẫn, cho thấy, ông mới là người bị chấn thương nặng nề. Cả hai truyện đều bắt đầu từ một tình huống ở hải ngoại, và sau đó chuyển về Việt Nam, như là một giải pháp, để trả lời cho vấn nạn hội nhập. Cách kể ở trong hai truyện ngắn khác nhau. Ở "Tình Ca", người kể chuyện ở ngoài câu chuyện được kể. Nó mang hơi hướng thứ truyện cổ (conte), trong khi ở "Gió Ngược", người kể nhập vào trong truyện. Đây là truyện ngắn, theo kiểu bây giờ. Ở "Tình Ca", chuyện trở về Việt

Nam, nhân thể tìm mật gấu, diễn ra hết sức tự nhiên. Ở "Gió Ngược", mối nối giữa con mèo hải ngoại và con mèo ở trong tù, là ngầm.

Có mấy chi tiết về cách dùng từ trong "Tình Ca" có thể gây chú ý ở nơi độc giả (bóng, thay vì banh; không tránh kịp thay vì không kịp né; té dòn cục thay vì ngã thành một đống...). Theo tôi, tác giả quen sử dụng cả hai dòng ngôn từ nam và bắc, và bà sử dụng bất cứ từ nào, bắc hoặc nam, mà bà cảm thấy quen thuộc, trong tầm tay, khi đang viết.

[Xin được mở ngoặc ở đây, để kể về một câu chuyện đã từng xảy ra ở hải ngoại. Ở Canada, có nghề bắt trùn, hay bắt giun. Trên các báo địa phương, những mẫu quảng cáo thường dùng từ trùn: Cần người bắt trùn, Có xe chuyên chở người đi bắt trùn. Và một ông chồng đã bắt bẻ vợ: Không được nói đi bắt trùn, mà phải nói đi bắt giun].

Liệu có thể coi, đây là một thách đố, đối với những nhà văn người Việt ở hải ngoại: làm sao xóa nhòa dấu vết địa phương, trong văn của mình, khiến người đọc không thể nhận ra, tác giả sinh trưởng tại miền nam, miền trung, hay là miền bắc? Và đây có phải vẫn nằm trong vấn nạn "điểm và diện", của "văn chương"?

"Lịch sử tan rã ra bằng hình ảnh, không phải bằng tự sự." ("History decomposes into images, not into narratives." Walter Benjamin, trích dẫn bởi Coetzee). Hình ảnh cái đầu khổng lồ rã ra từ một bức tượng khổng lồ của Lênin. Hình ảnh một con người chặn cả đoàn xe tăng ở quảng trường Thiên An Môn. Cái bóng (có thực, hoặc tưởng tượng) của một người đàn ông lỡ độ đường, lom khom với bọc quần áo, in lên nền trời, mỗi lần hoả châu rực sáng, trong truyện ngắn "Độc Đường" của Thanh Tâm Tuyền.

Độc giả "Gió Ngược" sẽ tự hỏi, tại sao hình ảnh một con mèo lại ghi đậm trong trí một người tù, thay vì những hình ảnh khác?

Miêu Nữ (tại sao Miêu Nữ?), là tên con mèo của người tù Biên Khùng. Khi anh đi tù, vợ anh bỏ anh, theo một cán bộ tiếp quản. Anh cay đắng, hận thù đàn bà... nhưng như trên đã nói, nếu bám chặt dữ kiện, là không hiểu được Biên Khùng.

Chúng ta, những độc giả của Lâm Chương, không phải ai cũng (đều) có những kinh nghiệm trại tù; và dù có, cũng không phải là những kinh nghiệm như nhau. Hơn nữa, bất cứ một bản văn đều là chuyển dịch (translation) một kinh nghiệm (có thực, hoặc tưởng tượng) vào trong những con chữ. Mỗi chuyển dịch một mất mát. Và mỗi mất mát một thu nhập, vòng luân hồi cứ như thế mà sinh sinh hoá hóa. Người tù dồn hết tình thương cho con mèo; khi nó động đực, cố tìm cách cho con vật được thoả mãn: chi tiết này giải thích lòng tha thứ cho người vợ, của Biên Khùng. Những chi tiết "trần lan" ở trong truyện, "nói lên" sự ghen tuông, căm hận... của người tù, đối với người vợ, đối với những ngày cay đắng ở trong tù... cho dù có thực, chỉ là thứ yếu, so với chi tiết "ngầm" này. Khi người tù được tha, anh bỏ mặc con mèo ở lại, chỉ mang theo cái nhau khô; con mèo không thể nào quên được "tri kỷ" của nó và cứ quanh quẩn nơi trại tù, hỏi con người, hỏi cảnh vật: bố nuôi tôi đâu? Lời trách móc, nếu có thể gọi như vậy, lại nhắm vào người tù, không phải vào người vợ ở "nhà mà không phải là nhà"ø, tức là một miền nam đã đổi chủ. Một người quen đã "thực tình" hỏi người viết: liệu những gì xảy ra ở trong trại tù, như Lâm Chương miêu tả, có "thực sự" xảy ra không?

Tại sao, câu hỏi?

Đâu phải Lâm Chương là người đầu tiên viết về trại tù?

Từ đó, câu trả lời: lần đầu tiên, hình ảnh trại tù "đi vào văn chương", như là một "vụ án", khi nó đối đầu với một "vụ án" khác, thí dụ như vụ án liên quan tới cái chân cả quỳnh của một đứa trẻ. Lần đầu tiên lịch sử (trại tù) rã ra qua hình ảnh một con mèo và những cơn rạo rực của nó, dưới cái nhìn của những người tù xa vợ con, hoặc chẳng bao giờ gặp lại vợ, cho dù có ngày ra

khỏi trại tù. Theo tôi, trả lời được câu hỏi, làm sao sống sót trại tù, là trả lời câu hỏi, làm sao (sống sót) hội nhập.

Điểm và Diện là vấn đề "sinh tử" của văn chương, nếu quan niệm văn chương chỉ là một cõi giả tưởng, và nó chỉ khả hữu, khi bám vào một "điểm" hiện thực. Cõi Thiên Thai của Lưu Nguyễn chỉ có ý nghĩa, khi hai chàng trở về trần, và không thể quay lại. Có lần người viết đã dùng hình ảnh Tôn Ngộ Không - đàng vân du ngoạn khắp mọi cõi ta bà, rồi "tè" một phát mà vẫn chưa ra khỏi miếng đất của quê hương - để nhấn mạnh đến tính hiện thực ở trong văn chương. Georg Lukacs coi tiểu thuyết là dạng văn học chủ yếu của một thế giới mà con người không cảm thấy ở nhà và cũng không cảm thấy hoàn toàn xa lạ với nó, và cái việc trở về trần, hành động "tè" một phát, là bắt buộc phải có, bởi vì đây là lúc ý thức tiểu thuyết gia vượt ý thức nhân vật để trở về đời sống thực. Trong "Kẻ Xa Lạ" của Camus, khi nhân vật Meursault bắt buộc phải giải thích, tại sao tiếp tục xả hết băng đạn vào người Ả Rập ở trên bãi biển - bởi vì nắng làm chói mắt - thì đó là "diện" (tiểu thuyết), nhưng khi anh "mở lòng mình ra lần đầu tiên trước vẻ xa lạ dịu dàng của cõi đời", thì đó là "điểm" (hiện thực). Như vậy, nếu coi đoạn mở truyện là "giả", ở cả "Tình Ca", và "Gió Ngược", thì chính thân chuyện mới là "thực".

Với Kim Dung, hiện thực là điểm mở ra cuốn tiểu thuyết. Những độc giả say mê Kim Dung chắc đều nhận ra một vài món tử của ông: mở truyện thường bằng một chi tiết, hay một sự kiện lịch sử. "Cô Gái Đồ Long" mở ra bằng một sự kiện "bịa đặt" cách "Cô Gái Đồ Long chính truyện" là 300 năm, chi tiết bịa đặt này liên quan tới lịch sử: thành Tương Dương bị phá, Quách Tĩnh, Hoàng Dung tuấn tiết theo thành, sau khi giấu võ công và binh thư vào Ý Thiên Kiếm, Đồ Long Đao; Quách Tường lang thang góc bể chân trời cố tìm dấu vết của người tình vô vọng là Dương Qua. Nàng tới Thiếu Lâm, gặp Côn Luân Tam Thánh, rồi sau đó nàng, Trương Tam Phong mỗi người học được một số mẫu đoạn của Cửu Dương Chân Kinh, mở ra những môn phái lớn trong thiên hạ là Nga My, và Võ Đang... Những mẫu đoạn của Cửu Dương Chân Công tan rã ra, làm thành những môn phái này nọ, rồi tụ lại qua nhân vật Vô Kỳ. Kim Dung được coi là thuộc chính thống, nếu nói về cách dựng truyện võ hiệp theo kiểu cổ điển: hai dòng chính phái đối đầu, một nhân vật tượng trưng cho chính phái, qua bao gian truân rồi chính ất thắng tà. Nhân vật chính phái nổi đình nổi đám nhất của ông là Kiều Phong, ngay đến giòng giòng, tên họ của mình cũng không hay, không có miếng đất cắm dùi, cuối cùng chết ở biên giới hai nước... Cái chết của Kiều Phong, tự tử, là coi như chấm dứt nhân vật tượng trưng cho chính phái "một trăm phần trăm", "72 phần dàu". Những nhân vật sau đó, ngã dần sang tà, như Lệnh Hồ Xung, rồi Vi Tiểu Bảo... Cách viết truyện "chính thống" chấm dứt, với Kim Dung. Muốn tiếp tục, phải đổi khác nó đi, từ đó, nảy ra nhân vật Lục Tiểu Phụng, và cách viết theo kiểu "truyền kỳ", của Cổ Long...

Giả dụ có một cuốn bí kíp võ công gọi là "văn chương Việt Nam", và những mẫu đoạn của nó ở hai bên bờ một đại dương... Giả dụ, có một "chi tiết" lịch sử: cuộc chiến chưa chịu.. thôi; giả dụ, có một mảnh đất, mà Quách Tường đã khuyên bảo Côn Luân Tam Thánh: tại sao không bỏ Trung Nguyên, giữ lấy Tây Vực (hải ngoại?); giả dụ, có một chính phái (quốc gia, tự do, Tây phương dân chủ), và một tà ngụy(chủ nghĩa toàn trị)...

"Vừa bước xuống phi trường, tôi quên phứt chuyện này [mật gấu]. Niềm vui đoàn tụ chen lẫn nỗi xót xa khi điếm lại những người thân còn, mất. Mười tám năm, thời gian đủ biến tôi thành kẻ lạ. Cái quê hương tôi hoài niệm bấy lâu, giờ chỉ là ảo ảnh. Dù ở trong ngôi nhà cũ, hay lang thang trên hè phố, tôi vẫn như một cánh chuồn chuồn la đà, không chỗ đậu."
("Tình Ca Con Dúi")

Chuyến về thăm quê hương là thực, nhưng quê hương là giả, bởi vì quê hương thực chỉ có ở trong quá khứ mười tám năm về trước. Khác với "Gió Ngược", người tù trở lại trại tù, dù trong

trí tưởng, vì đây chính là nhà của anh, theo nghĩa, ở đó, anh có tất cả: bạn bè, trong đó có Biên Khùng và "Miêu Nữ".

Chuyến đi cao nguyên bất ngờ, do bão lụt miền Trung làm hụt chuyến du ngoạn theo dự trù. "Vừa bước xuống phi trường, tôi quên khuấy...", câu văn thật "thực tế" nhưng chỉ người nào "dám" toan tính chuyện trở về mới hiểu được. Chuyến đi Tây Nguyên ngoài chương trình lại như đầy chủ ý: trong cuộc chiến Việt Nam, ai chiếm được cao nguyên là làm chiếm được... Trung Nguyên.

Tất cả là giả. Mật gấu, giả, cho dù do chính người Thượng bán. ("xưa nay chỉ thấy người Kinh gạt người Thượng, chưa từng có người Thượng gạt người Kinh. Đây là mật con gì, có trời mới biết."). Rồi tới ông Già Làng, cũng đồ giả.

Thực, là những chi tiết thật tỉ mỉ về chuyến đi bất ngờ. Về người bạn trai bất ngờ. "Tôi ngạc nhiên, nhà Rông có nhiều kiêu. Anh tài xé bảo, huyện có nhiều làng, mỗi làng là một sắc tộc... loại sàn nửa, vách dài, mái dốc đứng như hai bàn tay chấp lạy, của người Tơ Drá; loại... của người Cơ Tu; người Bà Na..."... "Anh tài chỉ, trông cách ăn mặc địu con thì biết. Người Gia Rai mặc váy chàm, tua trắng; váy người Cơ Ho viền đỏ; dân Hré quấn váy hai tầng... Đàn bà Chu Ru địu con đằng trước, trong khi Bà Na lại địu đằng sau..."

Vượt lên tất cả, là Người Đẹp: Y Sao.

Ở đoạn mở, người đọc chỉ biết, đưa con trai thất tình vì cái chân cả quỳnh. Sự tò mò của độc giả, về tên truyện, về "con bạn học hàng ngày thân thiết như đôi tình nhân từ chối một cách thẳng thừng... nó không oán con bạn, cứ hận đôi chân tật nguyền"... đến đây mới được thoả mãn. Nhưng thoả mãn rồi, vẫn chưa hết tò mò. Về Người Đẹp. Và về... chính nhân vật xưng "tôi", người kể chuyện. Ở đây có ba nhân vật, tạo thành một thế tam giác xoay quanh con thú và cái mật gấu của nó: Y Sao, người đẹp, A Mang, người Thượng, người dẫn đường, và cô gái Việt Kiều. Bất thành linh, Con Thú xuất hiện, không phải con thú có mật gấu quý báu, mà là "người chủ" thực sự của cái mật gấu. Người đọc tự hỏi, liệu có sự ghen tuông, khi cô gái Việt Kiều "thần nhiên" chứng kiến cảnh Y Sao bắt buộc phải hiến thân cho người cán bộ (để cứu bản làng, cứu A Mang?), và khi cô đồng tình, khi nhận cái mật gấu từ người cán bộ.

"Qua một đêm, A Mang hồi phục hẳn. Hấn hăng hái vác hành lý đưa tôi qua trại. Dọc đường, A Mang bảo, từ nay sẽ ở lại làng. Tục Thượng, con gái chưa chồng thất tiết bị coi là tội loạn luân, làng phạt rất nặng. Tôi hỏi, phạt thế nào? Hấn nói, có thể bị đèn trâu.... Đó là nỗi nhục lớn. Không rửa được. Nói tới đây, A Mang đanh giọng, phải ở lại để giúp Y Sao. Thì ra, hẳn biết hết mọi chuyện. Gần tới nơi, A Mang đứng lại, trao hành lý rồi ù té chạy. Tôi ngó theo. Sức hấn dai như con thú, mang vết thương mà sống giữa đời?"

Người đọc thử đổi khác câu chốt: "Gần tới nơi, A Mang trao hành lý, rồi ù té chạy. Tôi ngó theo... làm sao mang vết thương mà sống, ở nơi xứ người?"

Giả thật, còn nằm ở trong cách viết của Thảo An. "Khi nhà văn xuất hiện, là mở ra một vụ án văn chương" (Roland Barthes). Những cây viết như Miêng, Thảo An, Mai Ninh, Lê Minh Hà... bạn đọc có thể ưa người này, không ưa người kia, nhưng chắc chắn phải đồng ý: họ không để lẫn mình vào với nhau, hay với những cây viết khác. Nếu có gì giống nhau ở những cây viết kể trên: họ rất quý trọng văn chương, và không hề có ý định làm nhục nó, làm nó trở thành điểm đàng, thành đồ giả. Ở Miêng, bà hình như còn muốn một điều chi khác, vượt lên trên cõi ngôn ngữ. Với Thảo An, điều bà muốn, qua một văn phong trầm tĩnh, gạt hẳn tình cảm hận thù, gạt hẳn tình cảm suốt mướt, bù lu bù loa... chỉ giữ lại, điều này: nhà văn, như là một người mô tả những sự kiện. Bởi vì, "Tất cả tính sự kiện, thì đã là lý thuyết." ("All factuality is already theory". Goethe).

Đỉnh trời tròn

Đầu năm 89, anh quen James trong buổi tiệc tân niên của hãng. Hắn là dân Alaska, nhân nghị đông xuống miền nam thăm bạn. Hồi mới gặp anh cứ ngò ngợ, thằng cha trông quen mà nghĩ mãi không ra từng gặp hắn ở đâu. Hai tuần sau, đem những tấm hình chụp chung trong buổi tiệc về. Vợ chỉ James xuýt xoa, ông nào giống Harrison kinh khủng. Anh giật tấm hình ngó kỹ. Ảnh mất thẳng, tự tin và thành thật, cộng thêm nụ cười nửa miệng ngượng ngập. Quả, hắn y hệt Harrison Ford trong phim Kẻ Trốn Chạy.

Hai tháng sau, anh thất nghiệp. Hãng máy bay sa thải hàng ngàn công nhân vì hết hợp đồng. Đám thợ mất việc túa ra đi thử thời vận khắp nơi. Anh cũng gửi đơn qua các hãng Lockheed, Mc Donnell Douglas, Boeing ở Florida, Texas, St. Louis, Cali. Thư có đi mà chẳng thấy về. Vợ than, thợ ráp máy bay sao giống dân Mông Cổ, rày đây mai đó. Anh bói rôi, chỉ đáp bằng tiếng thờ dài.

Cuối tháng ba, một chiếc tàu chở dầu hãng 'xon trong vịnh Prince William Sound đụng băng sơn bị bể. Mười một triệu tấn dầu tràn lan trên mặt biển. Mỗi ngày người ta nhặt được hàng ngàn xác sinh vật trôi dạt vào bờ. Ngành đánh cá bị thiệt hại nặng. Trong lúc ai nấy đang hướng lên Alaska để nghe ngóng thì James trở về. Hắn rủ anh lên đó. Họ trả lương cao và đang cần rất nhiều công nhân làm sạch bờ biển trước khi đông đến. Anh nhìn lên ti vi, chăm chú xem những người mặc đồng phục vàng, đứng trên bãi biển chùi từng cục đá. Ngoài xa, băng sơn trôi lênh bênh giống những mỏm núi ngoi đầu lên mặt nước. Bỗng dưng, anh bắt rùng mình, co ro như người đi trên tuyết. James thuyết phục, trời sắp sang xuân không lạnh lắm đâu, hay cứ lên đó làm để dành một thời gian lại trở về, còn hơn nằm đây ngóng việc. Chợt hắn hạ giọng, giống như năn nỉ. 'Tin tao đi, khi người ta chịu đựng được bất cứ cái gì giỏi hơn người khác, họ sẽ thành công hơn thiên hạ.' Thấy anh ngần ngừ, hắn bồi thêm cú chót. 'Bộ mày tưởng Mike Tyson trở thành vô địch nhờ vào quả đấm ư? Không lẽ quả đấm của những thằng thua không làm người ta chết được à?' Rồi hắn rên rỉ, 'Trời đất ơi, thằng vô địch thực chất chỉ là cái thằng chịu đòn giỏi nhất thôi.' Cuối cùng vị nể anh gật, nhưng hứa thòng một câu, 'Để tao hỏi vợ đã.'

Tối đó, lựa lúc vui anh dợm ý. Chưa nghe hết chuyện, vợ đã gào, 'Có việc, sao không nhận? Đi, cùng trời cuối đất, chỗ nào cũng đi, còn hơn ở lại có ngày đi ra đường.'

James đón anh đến Valdez, thành phố nhỏ quay mặt ra biển, sau lưng núi tuyết chập chùng. Sinh hoạt chính của Valdez là vận chuyển dầu hỏa. Nhìn từ trên cao, những thung sắt khổng lồ sơn màu nổi bật nối những đường ống dẫn dầu từ miền bắc, rồi chia ra thành nhiều nhánh trong vịnh. Đường phố Valdez đơn giản. Giao thông chính tập trung ở các cảng. Canoes, và các loại thủy phi cơ nhiều như trong các bãi đậu xe. Riêng các tàu dầu lớn nằm ngoài cửa vịnh.

James là người bật thiệp. Hắn cư xử với kẻ mới quen rất thân tình. Mấy ngày sau, anh bắt đầu nhận việc. Chỗ làm chính là cái bãi biển anh đã từng xem trong ti vi. Trong lúc nhiều người kéo những đường ống to tướng hút dầu loang trên biển vào những tankers lớn, nhóm anh đi dọc bờ, nhặt xác các loài chim, cá. Con chết, đánh số rồi cho vào túi nylon. Con sống dính đầy dầu, được mang đi tắm rửa cẩn thận, xong chuyển qua trung tâm cấp cứu điều trị. Hình như chưa có con nào được xuất viện từ cái trung tâm này.

Chỉ vài ngày, anh quen việc. Cái khó là khi tắm con vật trước mấy chục ống kính thu hình của nhóm phóng viên. Một tay lạnh lợi nhất bọn cũng dầm ra lọng cọng.

James không làm việc ở đó, nhưng thỉnh thoảng hay ghé thăm. Giờ nghỉ, thấy anh còn đi lượm xác mấy con chim liệng vô thùng, hấn la làng, đừng xách cổ, nắm chân và quăng xác chim. Người ta không cần anh siêng, chỉ cần anh tỏ ra biết thương yêu loài vật. Cốt sao cho mọi người thấy hãng dầu cũng biết bảo vệ môi sinh không thua cơ quan Greenpeace. James tiết lộ, cơ quan này, ngành đánh cá, và thổ dân đang xúm nhau kiện 'xon. Nếu hãng thua, chính hấn cũng bị thất nghiệp.

Cuối cùng, 'xon thắng kiện.' James báo tin mừng lúc anh sắp mãn hợp đồng. Hấn níu kéo, đừng về, ở đây khỏi việc. Alaska là chỗ vàng trôi trên sông.

Những ngày nghỉ, anh theo James đến Anchorage, thành phố lớn nhất tiểu bang. Mùa hè, trời xanh mát. Người địa phương đua nhau mặc quần short, chạy bộ dọc vỉa hè. Chỉ đám du khách ru rú trong chiếc áo ấm dài tay. Anh ngạc nhiên thấy, có rất nhiều người Á Châu sống ở đây. James bảo, đừng lầm, họ là người bộ tộc Aleuts, thuộc giống 'kimos' sống rải rác ở Bắc Cực và ven biển Alaska. Giữa thế kỷ 18, người Nga chiếm đất và giết gần hết bộ tộc Aleuts. Sau này, thấy đất toàn băng giá, họ bán lại cho Mỹ với giá gần 2 cents một mẫu.

Anchorage nằm sâu trong vịnh Cook Inlet. Đầu mũi cảng có tượng James Cook, một Captain Anh tìm thấy dãy đất này vào năm 1778, trước Nga. Ven vịnh, có nhiều hãng xưởng, nhất là hãng cá hộp. Ngoài xa, tàu bè tấp nập nối đuôi nhau vào bến. James bảo, đó là những tàu mang cá về bán lại cho hãng. Đa số người Aleuts sống bằng nghề chài, họ không ưa những người tạm cư từ nơi khác tới. Khi lên phía bắc thành phố, anh thấy một nhà thờ cổ kiểu Nga. Nóc hình củ hành, vòm gác treo ba quả chuông lớn. Đằng sau là nghĩa địa của người Athabaskan. Những ngôi mộ vuông vẫn như chuồng bò cưa, bên ngoài sơn phết rực rỡ trông rất vui mắt. Quanh đó là nông trại. Anh kinh ngạc nhìn những bông cải to hơn quả dưa hấu. Hình như những hạt giống qua được mùa tuyết ủ đều lớn hơn mức bình thường.

Cuối tháng sáu, ngày rất dài. Mặt trời thoáng chốc lặn, rồi hiện ra sau ngọn Denali. Thổ dân gọi, đó là 'căn nhà của thái dương'. Đỉnh núi trắng xóa, sáng lóa trong mây. Phía trước, tuyết vẫn còn dày đặc. Nhiều người thích lên đây trượt băng vào mùa hè.

Sau cùng, James ghé vào Portage Glacier xem băng sơn. Hơi ẩm làm từng mảng băng nứt kêu răng rắc, rồi sụp xuống tan tành. Khói và bụi băng tung tóe văng cả bên này bờ. Anh ngạc nhiên, cứ đổ hết lớp này tới lớp khác, sao băng vẫn chưa hết. James nói, mỗi lớp băng đóng theo độ lạnh khác nhau, nên khi tan cũng theo từng lớp. Núi nhỏ nhưng băng dày, chưa tới lớp cuối thì mùa đông lại đến. Thật ra, những người xứ này cũng chưa thấy được cái núi thật.

Khi về, thấy hoa Forget Me Not màu tím nhạt mọc tràn đồng, anh dừng lại trầm trồ. 'Mùa hè ở đây thật tuyệt.' Nghe vậy, vợ phán, 'Tuyệt cái gì? Ở đây chỉ có hai mùa: tuyết rơi và tuyết không rơi.'

Người địa phương quen gọi Prudhoe là thành phố. Thật ra, nó là cái vịnh cực bắc Alaska nối với Bắc Băng Dương. Năm 1968, người ta khám phá dưới lớp tuyết trắng một thứ vàng đen. Gần mười năm sau, James là một trong những nhân viên đầu tiên dự lễ khánh thành giếng dầu số một. Sau vài năm, hấn trở thành trưởng ban điều hành công nhân. Khi mãn hợp đồng, James kéo anh lên chỗ hấn làm việc. Prudhoe, nơi mùa đông độ lạnh thường ở tám mươi độ âm, nửa năm không có mặt trời, vừa nghe đã khiến anh rút chân lên ghé. Hấn gật gù nói, nhưng bù lại điều kiện làm việc rất tốt. Lương gấp ba hiện tại, tuần làm tuần nghỉ, nhà ở, điện nước sưởi đều do hãng đài thọ. Lát sau, thấy anh vẫn làm thình, hấn đâm giân. 'Lúc trước, mày có biết cuộc sống xứ này ra sao đâu, mà dám lội nửa vòng trái đất tới đây? Giờ, từ đây đến đó chỉ mấy trăm dặm, lại chịu nằm bẹp dí một chỗ?' Hấn lắc đầu, chê, 'Đúng là đồ gà chết.' Xong,

phủ đất đứng dậy. Cũng may, khi anh chạy ra gọi, xe James chưa nổ máy.

Mới tháng chín, trời mù, ẩm và thấp. Mây đục, ngậm hơi sương. Buổi sớm, tuyết lác đác rơi, đến trưa tan chỉ vừa ướt mặt đường. James đến đón anh bằng chiếc máy bay nhỏ, loại bốn chỗ ngồi. Hấn vui vẻ bảo, Alaska giàu có nhưng đường sá nghèo nàn, chỉ chạy trong mấy tháng hè. Nhiều phố, huyện hoang vu nên giao thông chính nhờ máy bay. Chưa có nơi nào nhiều phi trường như ở đây. Đặc biệt, có thể gọi máy bay như gọi taxi trong thành phố. Những người lái airtaxi, họ gọi là bush pilot.

Ngược hướng bắc, máy bay lên không cao lắm. Dường như hấn thích lạng qua lại giữa những vách đá màu lam. Đỉnh núi trắng xóa, màu tuyết nhòe trong mây. Lưng chừng giữa triền dốc, thỉnh thoảng có bầy sơn dương nằm nghỉ. James bảo, loại dê núi khôn lắm, chúng thường ăn rêu ở những hốc đá cheo leo, nơi sói không bao giờ theo được.

Qua khỏi Fairbanks một đỗi, bên dưới là sông Yukon. Lòng sông rộng, trắng và thoáng. Xa xa, vài căn nhà lơ lửng ven bờ. Anh ngạc nhiên, sao có người lại chịu sống nơi hoang dã, biệt lập với đời. James dặn, giao thiệp với họ phải cẩn thận. Đó là những tội phạm, sau khi mãn tù không kiếm sống được trong thành phố. Họ bắt cá, săn thú để sống đơn giản. James bay sa xuống thấp, chỉ anh xem một cái quay gió đặt mé sông. Và nói, với thứ lờ này họ cũng có thể kiếm năm, sáu chục cân cá một ngày. Lên phía thượng nguồn, cứ mỗi đầu xuân, cá hồi đua nhau bơi ngược dòng để trứng, lũ gấu kéo bầy lên gềnh há miệng chờ những con cá nhảy sóng, hết như mấy thằng nằm chờ súng rụng. Anh chợt hiểu, thì ra hấn nói vàng trôi trên sông là vậy.

James lên cao khi bay qua một khu rừng rậm. Khí hậu đột nhiên xuống thấp. Nhìn bản đồ, chính là rừng taiga. Thật ra, đây là loại rừng tùng bách, lá nhỏ và trơn như cây kim, để giữ tuyết. Cánh rừng dày, băng qua nhiều nước, làm thành vòng đai Bắc Cực. Nó ví như cánh cửa, chắn hơi lạnh tràn xuống miền nam. Ven rừng, có vài làng nhỏ, nhà chỉ dăm căn. Mùa lạnh không người. Chủ nhân chỉ đến vào dịp hè để bán đồ kỷ niệm cho các tay đi săn và dân thám hiểm.

Vừa qua khỏi rừng, mới xé trưa trời đã chạng vạng. Dưới đất, tuyết trắng một lớp mỏng, lộ những cọng cỏ lơ thơ cao chưa quá gối. Đằng xa, thấp thoáng trên giàn khoan một ngọn đuốc to cỡ đuốc thể vận chày bập bùng trên cao. Bên dưới những ánh đèn điện giăng đầy nhấp nháy. Prudhoe, thành phố không có đường sá, cây cối, không có ai ngoài đám công nhân hăng dầu. Nhà ở là năm dãy lớn như năm cánh sao ăn thông với giàn giếng chính. Những người công nhân cư ngụ và đi làm cùng trong những dãy nhà này.

James hạ cánh. Hấn chạy quanh để hãm thắng, rồi vòng ra mé sau. Trên bãi tuyết, rải rác vài căn nhà lưu động như loại mobilehomes cất trên những sàn gỗ. Có nhiều sàn trống, trông như sân khấu lộ thiên. Đây cũng là khu nhà của hãng, ưu tiên cho những cặp vợ chồng và người muốn sống biệt lập. James mở cửa, giúp anh khuôn đồ. Xong, hấn chỉ về mọi thứ tận tình, rồi kiếu về. Sắp xếp hồi lâu, anh bắt đầu thám mệ. Vợ từ phòng trong chạy ra la, nửa đêm sao chưa ngủ. Anh nhìn ra cửa sổ, trời trông như mới chiều.

Đêm qua có mưa tuyết. Vừa thức dậy, vợ ghé mắt sát cửa sổ xem trời đất. Chưa nhìn được gì, đã kinh hoàng hét to. Bên ngoài, một con gấu trắng cũng đang dí mắt sát khung kính để xem bên trong có gì. Anh vớ cây súng, lúng túng chĩa tứ phía chờ đợi. Được một lúc, James đến. Nghe kể lại chuyện, hấn cười như không. Rồi dặn, ra vào nhớ khóa cửa. Loại gấu trắng không phá nhà, và ít tấn công người. Chỉ bắn trong trường hợp tự vệ. Loại này quý và hiếm nên được chính phủ bảo vệ nghiêm ngặt.

Ngày đầu vào hăng, sau khi làm thủ tục và nhận đồng phục, James dẫn anh đi xem khắp nơi. Trung tâm là giếng dầu. Miệng giếng được đậy kín, không ai thấy bên dưới. Dầu được hút lên bằng những ống bơm sắt to và dày, thông tận đáy, trên có giàn đồng hồ đo nhiệt kế, áp suất và dung lượng. Chung quanh là một hệ thống ống dẫn chằng chịt, bắt từ khu trung tâm để dẫn ra ngoài. Đây là loại dầu thô, sau khi chuyển xuống Valdez được chở bằng tàu để đưa về nhà máy lọc dầu trong nội địa. Ngoài những văn phòng hành chính ở khu trung tâm, James đưa anh đi xem năm dãy nhà lớn ăn thông với khu chính bằng những hành lang dài. Giếng Một có bốn ca, mỗi ca một dãy gồm nhiều phòng nhỏ.

James dẫn anh tới dãy năm đứng vào giờ ăn. Nơi này giống một câu lạc bộ, có phòng thể dục, hồ bơi, khu giải trí, thư viện, nhà ăn. Giờ nghỉ, phòng đông người. James lựa chỗ và chọn thức ăn. Anh liếc quanh, bối rối nhận ra nhiều người nhìn mình với vẻ tinh nghịch. Anh đưa mắt kiếm James, gặp ai hấn cũng vỗ vai chào. Họ thân mật đến độ gần như suông sẻ. Một người có râu mép hát hàm về phía anh hỏi. 'Tay mơ nào vậy?' Chưa kịp nói gì, một ông già kéo James rí tai, 'Khai thật đi, mày làm thế nào dụ nó lên đây?' Nghe vậy, cả bọn phá ra cười. Một tên ốm nhom, ngồi trong góc phòng mai mỉa. 'Cần gì hỏi, hấn chỉ giỏi rù quên kẻ thất nghiệp thôi.' James đỏ mặt, đưa hai tay lên trời, cười gượng. Xong, hấn kéo anh tới, giới thiệu từng người. 'Đây là! Bill, Bob, John, Tom, Tommy' Một người bưng đĩa tới gần, làm quen. 'Đêm qua ngủ ngon không?' Anh gật. Hấn kể, hồi mới lên, mấy đêm đầu chỉ nằm nghe sói tru. Anh nhìn ra ngoài khung kính than, 'Ồ đây vắng tanh.' Hấn trở hướng đông bắc nói, cách đây mấy chục dặm có làng 'kimos'. Khi buồn, tới đó chơi. Nhưng nhớ, đừng chăm chăm nhìn đàn bà của họ. Tụi đó ghen kinh khủng. Anh ngạc nhiên. Một người phía sau cười cợt. 'Cứ ở lâu rồi biết, một đàn bà quý hơn mười lỏ sười.' Cả bọn nhao nhao, 'Luật xứ này, tội cướp vợ nặng hơn tội giết người.' Cả đám xúm cười hô hố. Ông già bước tới vỗ vai, 'Anh mang vợ, là mang cả gia tài theo đó, biết không?' Sau này mới thấy, đa số để gia đình ở miền nam, phần còn lại đều độc thân. Riêng James, từ ngày vợ bỏ đi, hấn vẫn ở chờ trong căn nhà cũ.

Buổi chiều trên đường về, James dặn. Đừng để ý những lời đùa, coi họ vậy nhưng tốt lắm. Mỗi lần bão, thường kéo tới giúp mình xúc tuyết. Thấy anh rùng mình, hất hơi liên tiếp mấy cái, hấn an ủi. Ráng chịu khó, dành dụm ít lâu, sau này lại trở về. Đột nhiên giọng hấn chắc nịch. 'Đàn ông cần phải có tiền. Khi có tiền, đàn bà dù không yêu, họ cũng không nở xa mày.' Hấn bật cười khan, 'Chân tụi nó cứ như đập trúng kẹo cao su, dứt không đành.' Anh làm thinh, tâm trí lan man nghĩ tới vợ James và căn nhà trống không của hấn.

Tối về, vợ ngồi trước lò sưởi chờ cơm. Anh hỏi, 'Suốt ngày ở nhà làm gì?' Chăm chăm nhìn ngọn lửa hồi lâu, vợ nói, 'Ngồi xem sao rụng.' Ngó vào trong, củi nổ tí tách, những hạt bụi lửa, bắn vọt lên cao rồi rớt xuống. Anh quay sang, nhìn sâu vào đôi mắt to, ngời bóng lửa. Đưa tay quẹt má, vợ ngạc nhiên hỏi. 'Gì vậy? Mặt dính lọ à?' Anh đưa tay giữ chặt mặt vợ, vờ la, 'Khéo, ngồi im. Sao đang rụng kia kìa.' Quá khuya, ngọn lửa tàn. Anh vùi đầu vào ngực vợ ngủ quên. Mãi gần sáng, chiêm bao thấy toàn những dấu giày cao gót. Dưới đế sạch trơn, không dính một miếng kẹo cao su nào.

Sáng sớm, James gõ cửa. Hồi lâu, anh mới mở rồi xin lỗi. Vợ bắt xem kỹ, sợ mở làm cho gấu. James cười, tặng một cái gối kê tay, có thêu hình người và thú. Hấn nói, 'Đây là Okpik, bùa may mắn của người 'kimos'.' Vợ chồng chuyển tay xem. Mũi thêu vụng về. Nhìn mãi mới ra là con chim cú, bộ cánh và đuôi tua tủa giống mấy nhánh xương rồng. James giải thích, đây là loại chim báo động khi thấy gấu. Xưa, được thổ dân thờ như một vị thần. Thấy vợ cứ cầm gối xăm soi, anh định trở tay chỉ, nhưng vợ cản, 'Thôi, cứ để nhìn thành cây xương rồng cho nó ấm.' Cuối tháng mười, mặt trời thấp, to và nhạt. Ánh sáng yếu, không đủ sức xuyên mây. Qua giữa tháng mười một, trời tối sầm. Ngày và đêm lẫn lộn. Nhiệt độ xuống gần trăm độ âm. Tối,

nằm nghe gió rớt ngọn trên mái nhà. Sáng dậy, thấy đất thờ ra hơi khói. Ngoài trời, tuyết rơi là tả. Tứ bề trắng xóa. Cảnh vật tiêu sơ. Sự sống chỉ còn cô đọng quanh lò sưởi. Vợ chồng hết nhìn nhau, lại ngắm trời. Cách mấy tuần, bão ập tới. Những cơn lốc như khởi từ nơi nào trong vũ trụ, phẳng phẳng muốn xoay ngược địa cầu. Vợ lo, cứ liên tưởng cảnh bị thổi tốc ra không gian như con kiến văng khỏi quả cam. Anh ôm vợ trấn an, nhưng trong lòng nghĩ tới James. Đứt liên lạc. Rất có thể cái máy gọi và hấn đã bị vùi trong tuyết.

Mấy hôm sau bão dứt. Vợ chồng dùng búa phá băng tung cửa ra ngoài. Bên nhà James, tuyết ùn thành đồng. Trên mái, ngọn khói lảng đãng không bay. Anh bắt tay thành loa gọi. Không có ai trả lời. Được một lúc, bọn thằng Bill, thằng Bob lái xe cần trục tới. Sau cả buổi vật vã, căn nhà được kéo ra khỏi đồng tuyết để đặt vào một sàn trống kể. Đâu đó xong, mới thấy James đục cửa bước ra.

Căn nhà hấn thấp và nhỏ. Mới bị kéo nên bên trong đồ đạc lộn xộn. Hai người bắt tay giúp James thu dọn. Chỗ ăn và ngủ đặt ngay lò sưởi. Cuối phòng có kệ sách. Anh lượm dưới đất khung hình bán thân một người đàn bà rất đẹp, chừng là vợ James. Hèn chi, hấn chung tình vậy. Sách rất nhiều. Anh ngạc nhiên thấy toàn loại chiến tranh và cao bồi. Hấn cười phân trần, đâu có ai ưa cảnh bắn giết. Hấn thích loại này chỉ vì truyện nào cũng đông người, đọc bớt lẻ loi. Anh kêu vợ lựa mượn mấy quyển, xem cho vui.

Sau cơn bão, khí hậu đột nhiên ấm lại. Vài ngọn gió Chinooks mang hơi nóng từ miền nam tới thổi tan bớt tuyết. James mừng rỡ, ngồi trước nhà ngắm trăng. Trăng mọc thấp và to, ánh sáng lạnh, vừa nhô lên đã chực rơi xuống chân trời. James ngửa cổ, bắt chước sói tru. Awhoo whoo.. whoo. Âm thanh khàn đục, là đà lan trên tuyết. Anh cười rộ, hấn tru không giống sói. Nhưng cười chưa dứt, đã nghe từ xa, những con sói ở đâu tru lại từng hồi. Bóng trăng nhạt, tiếng sói thê lương, nghe như rớt tận đỉnh trời. Vợ anh rùng mình, hình như chúng ở rất gần. James trấn an, sói chỉ đáng sợ trong truyện cổ thôi. Thật ra, chúng là giống chó hoang, thường đói nên hung hấn, ban ngày lang thang tìm mồi. Tiếng tru chỉ là tiếng bày gọi nhau.

Những ngày nghỉ, James rủ đi săn. Đây là mùa lý tưởng. Sau cơn bão, những con thú đói bắt đầu ra kiếm mồi. Hấn lấy máy bay nhỏ, đưa đi thám trước. Mặt đất hoang và lạnh lắm. Chân trời là một đường cong nằm ngay dưới đất. James bay thẳng lên cao, nhưng anh cứ cảm tưởng hấn đang nhào xuống đất. Theo hướng đông một đôi, đã thấy vịnh Hudson, băng trôi trắng như bột xà phòng. Dọc bờ, bãi đá đen lốm chổm. Anh ngạc nhiên dụi mắt, những cục đá hình như biết di động. Máy bay sà xuống thấp, hóa ra là bãi hải cẩu đông cả ngàn con. Trên cạn, chúng lê lét như người tàn phế xin ăn. James chỉ anh phân biệt, loại hải cẩu vùng này có lỗ mũi tròn như hai nút khoén. Giống hải sư có hai tai và chiếc mào nhỏ xíu trên đầu. Còn hải mã có nanh, mõm như ngậm dao găm. Giữa đông, thảng chạp và thảng giêng, chúng rủ nhau vào vịnh Hudson trú gió và sanh nở trên các tảng băng trôi. Hải cẩu con rất đẹp, lông ngà, trông như một nùi bông sữa. Thợ săn và lũ gấu trắng cũng tranh nhau tới kiếm loại này.

Xế chiều, James hạ cánh thăm làng 'kimos'. Chưa xuống, hấn đã dặn, phải gọi họ là người Inuit. 'kimos' là danh từ cổ, có nghĩa giống dân man di, ăn thịt sống. Làng nghèo và thưa. Đa số nhà bằng gỗ mỏng manh. Anh nhìn quanh tìm, nghe nói giống người này ở trong nhà igloo bằng nước đá. James đập vai anh, cười rộ. Đó là thời xưa. Và họ cũng chỉ dùng tạm trong khi săn hay chờ lúc cất nhà chính. Bây giờ, để cho các tay thám hiểm dùng chụp hình. Khi về anh bảo, đi hết làng không có một người nào coi đẹp. Hấn cười sảng sặc, đàn ông xứ đó chỉ ưa con gái đảm đang, nhan sắc là đồ xa xỉ.

James mở một cuộc thám thính xa vậy, nhưng lại đi săn gần nhà. Hấn vác nùi chỉ, lười câu, một lều xếp, cái búa, chiếc đèn bão, tấm mền, và lon thịt gà làm mồi. Từ cửa, đi thẳng hướng

bắc được trăm thước rồi dựng lều. Hắn câu cá bằng cách đục lỗ trên băng, mắc mồi rồi thả câu. Chỉ chốc sau thấy giầy không động đậy, hắn lại đục lỗ khác. Chưa đầy nửa buổi, chiếc lều bị dòi cả chục lần. Thấy hắn nóng tính, anh phát bực la. 'Câu cá giống như chờ vợ, phải kiên nhẫn mới được.' Nghe vậy, hắn quay phắt lại, trợn mắt. 'Ai chờ vợ?' Rồi phân bua, 'Nó đang chờ tao, đâu phải tao chờ nó.' Thấy anh kinh ngạc, hắn kể. Hồi mới lên, ở đây vắng tanh. Hăng mới lập, chưa hoạt động đều trong năm đầu nên ít nhân công. Buồn tới nỗi thấy kẻ thù cũng phát mừng. Vào lúc đó, hai vợ chồng tình cờ quen với một nhóm thám hiểm thuộc Nha Địa Dư. Tình bạn giữa họ rất đậm. Mấy tháng sau hết công tác, họ ra về. Được vài tuần, thằng Bryan trong bọn lấy trực thăng trở lại, đổ trước nhà. Anh cướp lời, 'Bộ hắn muốn cứu vợ mày à?' James thờ dài, 'Không. Nó lại kêu vợ tao cứu nó.' Hắn nhún vai, cười khẩy, 'Thằng độc thật!' Rồi châm thuốc, rít một hơi dài. 'Đàn bà, thầy đều thích nghe những lời nhảm nhí.' Anh thắc mắc, 'Sau này họ hạnh phúc không?'. Hắn cười khi, 'Ừ', cũng được mấy tháng.' Xong, trở giọng vui vẻ, 'Giờ, con vợ tao cũng đang chờ người ta cứu nó.' Anh thờ dài, khuyên. 'Vậy, mày cưới vợ khác đi. Sống một mình buồn lắm.' Hắn cười nửa miệng, 'Đàn bà xấu, tao không muốn nhìn. Còn đứa đẹp, lại không muốn chỉ mình tao nhìn nó.' Anh nghe vậy, khoe. 'Đàn bà xứ tao tốt hơn nhiều.' Rồi hứng chí kể một hơi truyện Nàng Tô Thị, Thiều Phụ Nam Xương. Hắn lẳng tai nghe, mồm há hốc như con cá mắc phải lưỡi câu.

Sáng, vợ đem cá ra xẻ để phơi, cần nhân, nắng đâu mà khô. James nói, ở đây người ta phơi gió. Xong dặn, phải để ý, hễ nghe tiếng cú thì đem cất, kéo gấu ăn hết cá. Chiều về, ngoài sân không còn một con. Vợ bảo, thấy sói tới lại không dám đuổi. Anh tức, công câu cả ngày mất sạch. James cười lẩn, chưa bao giờ hắn thấy ai như vậy. Chuyện thế làm hắn vui. Ngày hôm sau gom mớ cây đi đóng ngay mấy hàng sào treo cá. Vợ trông thấy khen, 'Thằng cũng tốt. Trước, tôi chỉ ghét anh hay nghe lời hắn.'

Đi câu hoài đâm chán. Có hôm mới vác về, vợ cựa. 'Ngày nào cũng ăn cá, riết rồi tôi cũng biết bơi.' Nghe vậy, James rủ đi xa săn cáo. Hắn tán, lông cáo đẹp, ấm và quý nhất. Da cáo có hai lớp: lớp ngoài phủ lông trắng dài, xốp và đẹp, không thấm nước; lớp trong dày và chặt như loại áo lót, đắt hơn loại hải cẩu và gấu. Hắn đem ra mớ bầy sắt cũ. Bầy cáo giống cái keng, trên có hàn hai nẹp sắt có răng cưa và một vòng tròn. Móc thịt gà, rồi treo đầu đó, nơi cáo thường đến. Cách mỗi tuần thăm, chỉ việc gỡ xác cáo chết cứng ngoài trời. Anh lấy xe trượt tuyết, theo hắn đi khắp nơi. Cáo dáng thon, đầu nhỏ. Mũi và tai nhọn, mắt xéo, đuôi xù. Lông trắng lẫn trên tuyết, rất khó thấy. Xem việc dễ, nhưng không đơn giản. Cáo tinh lắm, muốn bắt, phải ngụy trang mỗi thật tự nhiên. Bầy cáo, nhưng bắt được sói, chim chóc như ptarmigan là sự thường. Dần dà, anh hứng thú, xem trò dụ cáo vào bẫy như cuộc đấu trí. Thật ra, đi săn chỉ sợ bị lạc đường. Ở nơi không trời trăng cây cỏ, con người mất điểm tựa, đi càng xa mà cứ tưởng về gần.

Cuối đông, lạnh dưới trăm độ âm. Trời trắng nhạt, mây xuống thấp như tan vào đất. Bên ngoài, tuyết lác rắc rơi. Mặt đất trơ, đông cứng thành loại nham thạch trắng ngần. Xa xa, tiếng gió gào thê thiết trên không. Tới gần, nghe như tiếng kêu rên cùng đất. Quanh nhà, tuyết ùn thành đồng, giống cảnh núi non hiểm trở. Mấy tháng cuối, bão tới tấp. Những ngọn gió Williwaws trên cao phả xuống từng hơi lạnh cồng.

Tuần nghỉ, gặp thời tiết xấu, anh nằm nhà xem phim. Những câu chuyện hài khiến anh cười bò, quay sang thấy mặt vợ dầu dàu. Hỏi, bị vợ gắt. 'Cười gì nữa? Tôi đã xem cả trăm lần rồi.' Anh ngưng bật hứa, đợi ngón bão sẽ đi Fairbanks chơi. James rủ, nên xem hội Yukon Quest. Đó là cuộc thi chó kéo xe từ Fairbanks dọc theo sông Yukon đến thành phố Whitehorse. Đoạn đường dài một ngàn dặm. Giải thưởng là năm mươi ngàn dollars. Chính quyền địa phương và giới chủ nhân cũng tổ chức nhiều trò vui để giữ chân mọi người.

Khi tới Fairbanks, cuộc thi đã bắt đầu từ sớm. Đám đông tản dần, chỉ còn tiếng nhạc om sòm, rì rạc. James chạy dọc theo sông Yukon. Lòng sông nhiều khúc đóng băng, liền như mặt đất. Cách sông không xa, thấy có làng North Pole. Giữa làng là tượng ông già Noel mặt mày tróc sơn, lưng dài chân ngắn, vác cái túi rỗng bị gió đánh phật sau lưng. Vợ ngắm nghía hồi lâu thờ dài, 'Hồi nhỏ tôi cứ trông Santa Clause tốt bụng đem quà tới tặng. Giờ mới thấy, ông còn tội hơn mấy trẻ nghèo.' Tháng tư dứt bão. Sang tháng năm mặt trời mới mọc nhưng trông như sắp lặn. Năng vàng nhạt, héo úa, nhẹ và loãng trong mây. Đêm ngắn dần. Nhiều nơi tuyết bắt đầu tan. Đất loáng nước nhìn xa như mặt hồ cạn. Vài nơi đất xốp, nhão như lớp bùn, bên dưới vẫn chưa tan hết đá. Tháng sáu, mặt trời rực rỡ chiếu xiên. Năng có màu hoàng hỏa, buồn như buổi chiều tà. Nhiều loại cây cỏ bắt đầu mọc. Nhanh nhất là loại rêu Caribou, trắng ngà, xốp và nhẹ như miếng xà phòng. Xen giữa là loại cỏ tai hùm, lá tròn như tai gấu. Tháng bảy là mùa hoa nở. Toàn loại hoa thân lùn, nhiều nhất là Tundra, cánh mỏng và nhẵn, màu đỏ chóc. Có loại vàng tươi như Poppy, hồng tím như Dwarf Rhododendron.

Mùa xuân, mùa đi săn. Những đàn bò rừng, hươu, nai, nhím, thỏ từ rừng taiga kéo ra kiếm mồi. Trên trời, từng đàn ngỗng, le le, chim biển cũng kéo về xây tổ, đẻ con. Anh chợt nhớ, phải săn thêm cáo để đủ may áo ấm cho vợ. Rủ James, hấn cười ngạo. Mùa xuân tuyết tan. Cáo rụng lông, thay bằng lớp màu xám. Hấn lấy xe truck chở anh đi khắp cánh đồng. Có những miệng hang phủ cỏ, trên dính nhiều sợi lông trắng như bông. James an ủi, hãy đợi mùa tới. Và, giờ đang mùa sanh sản. Đám cáo mới đẻ vừa mù vừa điếc, nên cáo lớn cũng ít ra ngoài.

Xe dừng trên ngọn đồi cao. Bên dưới, một đàn bò rừng đông cả ngàn con thân nhiên gặm rêu. Thân nâu sẫm, đầu to đít teo, lưng rậm lông như khoác một chiếc áo tời, chúng đứng lẫn trong màu của đất. James nói, ăn cá hoài ngán, chừng về sẽ hạ một con. Vừa dứt lời, đột nhiên cả đàn rùng rùng bỏ chạy. Anh đứng dậy, che mắt nhìn. Một lũ sói dăm bảy con, đang hung hăng xông xáo giữa bầy bò. Chúng kéo đến đâu, lũ bò giạt ra đến đấy. Mất bò rừng mờ, mới chạy vài bước không thấy bóng sói thì đã đứng lại. Chừng chút sau, chúng dí một con chậm chân tách khỏi bầy. Một con sói đầu đàn hung hãn phóng thật nhanh, vừa vượt qua đầu, nhanh như cắt, chồm lên ngoạm cứng mũi bò. Con bò rống lên, giọng khản đục thảm thiết. Nó vừa chạy, vừa lắc mạnh đầu để vắt sói ra. Nhưng sói bám chặt lắm. Phút chốc, mũi bò tứa máu, đuối sức chạy chậm lại. Một con khác phóng theo, nhe răng nhọn hoắt tấp phập vào cẳng sau. Con bò lét thêm vài bước rồi quy hấn, đàn sói xông vào cắn xé. Sức bò chống trả yếu dần. Anh bất nhẫn, giơ súng nhắm ngay lũ sói. Tức thì, James đưa tay đề mũi súng. Hấn nói, 'Con người chết vì bệnh, con bò chết vì sói. Đó là số phận của mỗi loài. Cứu ngày nay, không cứu được ngày mai, phải không?' Anh hạ súng, không bắn. Nhưng suốt buổi cũng không cho hấn nổ một phát súng nào.

Chiều về, bắt gặp trên vạt cỏ non, một con reindeer, sừng bị sơn đỏ hoét. James giải thích, đó là thú hoang đã bị thuộc đàn, có người chăn giữ. Hấn cười nhạo, 'Mày muốn cứu bò, thì đi chăn bò là tốt nhất.' Ngưng một chút, hấn nheo mắt, 'Thật ra, chính thằng chăn ăn thịt nhiều hơn số sói và thợ săn cộng lại.' Anh làm thinh, trong lòng bỗng đâm ghét nụ cười của hấn.

Tối về, kể mọi chuyện. Vợ nghe xong bảo, anh chỉ ghét những gì trái ý thôi, không phải hấn. Rồi xoay sang chuyện khác. 'Đốt sưởi quanh năm, đến nỗi giờ thấy ngọn lửa là tôi nổi nóng.' Xong lại hỏi, 'Bao giờ mình về nhà?' Anh ngạc nhiên, 'Đây không phải nhà mình sao?' Vợ tức tối, đâm thùm thụp vào lưng anh, khóc. 'Thì ra, anh không tính trở về.' Anh kéo vợ vào lòng, dỗ. 'Ráng một thời gian. Ai chịu đựng giỏi một thứ gì, thì sẽ khá hơn người khác.' Nghe vậy, vợ im bật, rồi lúi anh chạy băng ra sân, chỉ về hướng làng 'kimos'. 'Coi, tới đó coi. Họ chịu đựng cả mấy ngàn năm, mà có ai khá đâu.' Anh chưng hửng, đi một hơi qua nhà James.

Sáng dậy, thấy còn buồn, anh khoác áo lửng thưng dạo đồng. Dải đất mênh mông, cỏ lưa thưa,

trông xa chân trời vắt cong và nghiêng một mé. Anh bỏ chỗ bằng nhảy lên mòm đất. Tiếng chuột bọ, thỏ rừng kêu sột soạt dưới chân. Rồi ngồi xồm, ngóng mình vào vũng nước, suy nghĩ. Tới xế, trời trở lạnh, anh đứng dậy. Băng ngổ tất, thấy xác một con sói cứng đờ giữa đồng, bụng lép kẹp. Lật lên xem, không thấy thương tích. Anh chột dạ, không lẽ sói Bắc Cực cũng chết vì lạnh. Mãi vẫn vợ, về tới nhà cũng chưa nghĩ ra một câu nào nghe ngọt.

Thấy anh về, vợ vất cuốn sách, vụt ôm chầm rồi rơi nước mắt. Vợ nói, hỏi James, hẳn bảo anh ra ngoài cả ngày lại không mang súng, đâm sọt ruột. Cầm động, nhưng lúng túng không nói được gì, anh ngượng ngịu vuốt từng lọn tóc mềm của vợ. Hồi lâu, chợt thấy cuốn sách bị quăng góc nhà, anh hỏi cầu hòa. 'Đang xem cuốn gì vậy?' Vợ đáp, 'Normandy, ngày dài nhất.' Rồi lượm sách cất, 'Mượn bên James lâu rồi. Mở ra, nhưng có đọc được chữ nào đâu.' Anh cười, 'Đọc đi, truyện này hay lắm.' Vợ nhăn mũi, vờ chê. 'Chỉ cái tựa, cũng biết tác giả nói xàm.' Xong, đùa như thật. 'Ngày hôm nay mới là ngày dài nhất đó.' Anh cụng trán vợ, gương mặt trắng mịn chợt tối sầm. Nhìn trong mắt, hình như trăng sao cũng tắt.

Thoáng đó, mùa xuân qua rất mau. Mới hôm trước cỏ còn xanh, hôm sau đã ngả màu đồng lục. Có những nụ hoa chưa nở đã tàn vì sương giá. Buổi chiều, trời không một vẩn mây, xanh và cao vòi vọi. Ba người ngồi ngắm từng đàn chim vỗ cánh xuôi nam. Thấy một loại lông trắng, mỏ dài, mình thon như hạc, duỗi bay rất đẹp. James chỉ, đó là chim Arctic terns, loài bay xa nhất. Chúng di chuyển giữa hai đầu quả đất. Mùa xuân lên bắc, đông về lại xuôi nam. Anh ngạc nhiên, 'Bay xa vậy chẳng lẽ chúng không tìm ra nơi nào khác để sống ư?' James lắc đầu. Vợ ngắm chim bụi ngùi, 'Chúng tôi cũng giống loài di điều, đi khắp nơi vẫn chưa thấy đâu là nhà.'

Suốt ngày James cứ chặc lưỡi than, sao đông năm nay đến sớm. Nhưng tuyết mới vài bữa, đã thấy hấn huyết sáo ngoài sân đắp hình người tuyết. Vợ anh ra xem, nhìn hoài cũng không thấy giống snowman. Hấn đác chí khoe, đây chính là người đàn bà chờ chồng trong truyện cổ Việt Nam. Thì ra, hấn thích Nàng Tô Thị. Chị cười, phụ hấn cào thêm tuyết. Lúc gần xong, như sực nhớ ra, hấn ngừng đầu. 'Ừ, tôi quên hỏi, sau đó người chồng ra sao?' Chị ngó người hỏi lâu, 'Không biết nữa. Có thể người chồng lại lấy vợ sinh con. Chuyện thường tình, nên không ai nhắc tới.' Nghe vậy, tự nhiên James đứng lên, lượm xẻng bỏ vào nhà.

Một tuần sau, có máy bay bỏ thư. Cả hăng mừng như ong vỡ tổ. Thư mấy tháng dồn đọc một ngày. Anh cũng chui một góc, cẩn thận gỡ những bì thư bốn cạnh có những dấu gạch xiên màu xanh đỏ. Những lá thư kêu cứu từ bên nhà giờ mới tới. Nhìn nét chữ nguệch ngoạc, anh thấy ra cả chốn quê xưa. Thư viết, mùa lũ về ngập trắng cánh đồng. Bao ruộng vườn nhà cửa đều trôi theo dòng nước. Gấp giấy lại, anh nghe như có tiếng người lạc giọng gọi nhau. Anh bỏ việc ra về. Đôi chân nặng như ai chôn vào đất.

Vừa về tới liền kêu vợ ra bàn. Chưa nghe hết vợ đã giật mình giẫy nảy. Đem tiền cho nhiều như vậy, biết bao giờ mình trở về được. Lại phải đợi năm sau. Mà chắc gì năm sau yên ổn? Cả đêm vợ trùm mền, vừa khóc, vừa kể. 'Bão lụt xứ nào cũng ập vào tôi.'

Một buổi trưa, vợ anh ngồi ngắm mấy dây sào treo cá trống trơn, vẻ buồn xo. James đi ngang, thấy vậy dừng lại hỏi. Không biết giải thích sao cho hấn hiểu, hồi lâu mới than. 'Bắc Băng Dương không có nước, vậy mà tôi cứ thấy tròn trành như người đi biển.' Nói xong, lại ngó lên trời. 'Bây giờ, chỉ ước được thấy mặt trời ở ngay đỉnh đầu, và thềm nhìn màu xanh cây cỏ?' James thở dài. Lần đầu tiên nghe hấn than, 'Còn tôi ngược lại, bị mất thăng bằng đã quen. Giống như người đi biển lâu ngày, giờ lên bờ chỉ e say đất.' Và, cười rất hiền, 'Có thể khi thấy mọi người đứng vững thì tôi lại té.' Rồi ngập ngừng hỏi, 'Nếu trở về, không biết bà chịu giúp tôi không?'

Sau mấy tuần tuyết rơi, mặt đất trắng màu băng giá. Anh gom mớ bẫy cũ ra ngoài. Theo kinh nghiệm, giờ là lúc lũ cáo xông ra kiếm mồi. Chợt nhớ lại lần đầu theo James đi săn, trong bụng hồi hộp lạ. Cứ tưởng sau mỗi ụ tuyết, những con thú đang ghì mắt rình mình. Cái khó bây giờ không phải việc săn bắt mà là thuyết phục sao cho vợ chịu ở xứ này. Anh nhíu mày, thờ ra. Đàn bà thích ngọt, lại dễ xiêu lòng. Gắng ít lâu, anh sẽ may cho vợ một bộ áo quý, đẹp, và ấm nhất. Chắc vợ cảm động lắm.

Tuần sau, anh ngạc nhiên khi thăm bẫy. Hầu như cái nào cũng có cáo. Lông chúng óng ánh, đẹp hơn màu của tuyết. Anh mừng rỡ, chắt xác cáo lên sled rồi vội về nhà. Không may, xe trượt qua lớp băng mỏng, một càng sled bị sụp xuống cái hố đất. Anh bỏ chiếc skimobiles, xuống khiêng chiếc sled lên. Khi đẩy xe qua, anh trông rõ bên dưới. Đó là một cái hang nhỏ. Anh lom lom nhìn vào. Một đám cáo con cũng đang lằng xằng muốn xông ra cửa. Có con vừa thấy anh đã vọt trở vào. Hình như không có cáo lớn trong hang.

Trên đường về, anh cố gắng xua hình ảnh bầy cáo nhỏ đang chờ đợi. Và tự trấn an, chắc chắn cha mẹ chúng không có trong đám ở trên xe. Cái hang cáo hơi xa chỗ anh đặt bẫy. Về tới nhà, không thấy vợ. Chạy qua bên James, cửa đóng kín. Trên có gắn một miếng giấy đề tên anh. Ngạc nhiên, mở ra xem, trong vón vện có mấy chữ. 'Chúng tôi chân thành xin lỗi.' Phía dưới đề: 'James Barrett và Di Nguyen.'

Khi anh trở về, cái nhà hôm nay lạ hoắc. Trong lò, củi vẫn còn âm ỉ. Đầu choáng váng như bị va vào đá, anh ngồi bệt xuống thảm, chân tay rã rời. lát sau, mới vói dậy còi tro. Ngọn lửa bùng sáng. Anh nhìn củi cháy, tâm trí hoang mang. Những hình ảnh rời rạc của quá khứ chợt quay về. Nhiều đoạn chập vào nhau, có đoạn vừa thoáng qua đã tắt ngúm. Tim nhói từng cơn, mắt cay sè. Anh vói tay lấy chai rượu, nốc từng ngụm. Có rượu, mọi ý nghĩ bắt đầu trơn tuột. Những kỷ niệm nằm sâu trong tiềm thức vọt sống dậy. Trong đó Di vui tươi, hoạt bát và sống động giữa đám bạn bè. Chỉ khi lên đây Di thụ động và ưả bản gắt.

Quá nửa khuya, rượu cạn, lửa cũng tàn. Anh ném bừa chiếc vỏ chai, rồi nhào người xuống thảm. Trong cơn say, anh thấy mình nhẹ hẫng, bồng bênh lơ lửng trên mây. Khi nhìn xuống, mọi vật bên dưới đã chìm trong tuyết. Đang chăm chú tìm, thành lình tuyết bỗng tan. Rồi nước dâng, nhà cửa, người vật đều trôi theo cơn lũ. Chợt nghe văng vẳng có tiếng người ời ới gọi nhau. Anh ngoái đầu nhìn lại. Một con hải âu dính đầy dầu đang lớp ngớp lội theo, đôi mắt nó buồn thiu, như thể không bao giờ còn quay về biển.